



TẠP CHÍ

CƠ QUAN  
NGÔN LUÂN  
CỦA  
BỘ THỦY SẢN

# thủy sản

M 20

ISSN 0866 - 710

BỘ THỦY SẢN

HỘI NGHỊ  
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KẾ  
NĂM 2000 CỦA NGÀNH TH  
HÀ NỘI.08/01/2000



CVV 107

THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA BỘ TRƯỞNG  
Để đưa ngành thủy sản phát triển mạnh mẽ và  
bền vững trong thập niên tới

*Năm Rồng kể chuyện cá rồng biển*

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2000

CAFATEX - ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU CÁC DOANH NGHIỆP

CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN

1  
Tháng 1+2  
2000

## THƯ CHÚC MỪNG NĂM MỚI CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2000

Kính gửi: Bà con ngư dân, Lao động nghề cá  
và cán bộ công nhân viên chức ngành thủy sản

Nhân dịp xuân Canh Thìn 2000, thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Thủy sản, tôi xin gửi tới bà con ngư dân, lao động nghề cá và cán bộ công nhân viên chức trong ngành lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất.

Năm qua, với sự nỗ lực vượt bậc của toàn ngành, chúng ta đã khắc phục nhiều khó khăn, hạn chế yếu kém, vươn lên hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 1999, góp phần quan trọng thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000, thay mặt Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ Thủy sản tôi biểu dương những đóng góp lớn lao của bà con ngư dân, lao động nghề cá và cán bộ công nhân viên chức trong toàn ngành.

Năm 2000, năm có nhiều ngày kỷ niệm lịch sử, riêng với ngành là năm kỷ niệm 40 năm thành lập. Phát huy thắng lợi đã đạt được, khắc phục những yếu kém, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2000. Năm có ý nghĩa hết sức quan trọng, đưa đất nước tiến vào thiên niên kỷ mới.

Chào thân ái



Tạ Quang Ngọc  
Bi thư Ban Cán sự Đảng  
Bộ trưởng Bộ Thủy sản

CV, 107

# ĐỂ ĐƯA NGÀNH THỦY SẢN PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ VÀ BỀN VỮNG TRONG THẬP NIÊN TỚI

♦ TẠ QUANG NGỌC  
Bộ Trưởng Bộ Thủy sản

**C**úng ta đã kết thúc một năm công tác, năm 1999, với nhiều khó khăn, thách thức và đã giành thắng lợi rực rỡ, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đều đạt và vượt, nhiều nhiệm vụ công tác được hoàn thành. Nhưng với thời điểm này chúng ta cũng đang khép lại công việc của thập niên cuối cùng của thế kỉ 20 của thiên niên kỉ thứ hai, bước vào năm 2000- năm bản lề của hai thế kỉ, hai thiên niên kỉ.

Năm 2000 chúng ta sẽ kỉ niệm 40 năm ngày thành lập ngành, và nghề cá của Tổ quốc Việt Nam thống nhất trong hoà bình xây dựng cũng chuẩn bị đi hết chặng đường 1/4 thế kỉ.

Mỗi chặng đường phát triển đều mang dấu ấn của những thành tựu, những tồn tại và cả những yếu kém. Những việc chúng ta đã làm được chúng ta tự hào bao nhiêu thì cái gì làm chưa được hoặc đi qua không có cơ hội để làm lại tốt hơn cũng luôn để lại sự trăn trở, hồi thúc với mỗi con người hay cả tập thể của chúng ta. Tuy nhiên nhìn chung lại ngành thủy sản nước ta có thể tự hào mà nói với nhau rằng, những cái chúng ta đã làm được là đáng kể, đó là sự tăng trưởng liên tục gần 20 năm qua, một nghề cá đã tiến rất sát tới con số 1 tỉ USD xuất khẩu, một nghề cá đang vươn dần để sử dụng vùng đặc quyền kinh tế với diện tích trên biển gấp 3 lần diện tích mặt đất của nước ta, trong khi đó cũng đang tiến từng bước vững chắc qua mọi hộ gia đình từ đồng bằng lên miền núi tạo mặt trận thủy sản rộng lớn. Chúng ta cũng đang có một ngành thủy sản với nhiều bạn bè trên khắp năm châu, có bạn hàng ở hơn 50 nước, trong đó có các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn về tiềm năng nhưng không dễ về luật chơi, có bè bạn trong chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm làm ăn trong qui mô của một ngành mang tính tổng thể, hay qui mô từng đơn vị, từng địa phương, từng đối tác. Đặc biệt chúng ta cũng ngày càng có được sự quan tâm lớn hơn của Đảng, Nhà

nước, của quảng đại quần chúng nhân dân ta.

Tất cả những cái chúng ta đang có khi cánh cửa của thế kỉ 20 đang khép lại, cho chúng ta các điều kiện cần thiết để xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong chặng đường kế tiếp.

Trên thế giới, thế kỉ 21 được gọi là thế kỉ của đại dương với nhiều ý nghĩa của khái niệm đó. Là một ngành kinh tế chúng ta nhận thức rằng, biển nói riêng và mặt nước nói chung cho con người tiềm năng to lớn để tiếp tục thoả mãn các yêu cầu của cuộc sống của dân cư ngày càng tăng trên toàn cầu, trong khi tài nguyên đất nước ngày càng chứng tỏ sự hạn hẹp và suy thoái của mình. Qua đây, biển giúp chúng ta để xoá đói giảm nghèo, để làm giàu tiếp tục và là nguồn của nhiều dạng sinh hoạt toàn cầu.

Ở Việt Nam, như Chỉ thị 20 CT/TƯ của Bộ Chính trị đã nêu rõ “ Vùng biển, hải đảo và ven biển là địa bàn chiến lược có vị trí quyết định đối với sự phát triển của đất nước ta, là tiềm năng và thế mạnh quan trọng cho sự nghiệp CNH, HĐH”. Do vậy, Chỉ thị cũng nêu “ Dựa trên những tiến bộ về khoa học và công nghệ làm động lực, vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lí khai thác tiềm năng biển có hiệu quả cao, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực”.

Ngành thủy sản, theo qui hoạch tổng thể cho sự phát triển 10 năm đầu của thế kỉ XXI đang được xây dựng, sự phát triển đang phải bước những bước dài xét về yêu cầu tăng trưởng cũng như một yêu cầu lớn hơn nữa- đó là sự thay đổi hẳn về cơ cấu. Các chính sách tiếp theo và mọi cố gắng trong đầu tư phải bảo đảm cho sự tăng trưởng được bền vững, cho hiệu quả và sức cạnh tranh trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là cho xuất khẩu và bảo đảm sự đóng góp về an ninh thực phẩm trong một thế giới mà hội nhập cũng như các tiêu chuẩn toàn cầu hoá đang là các thách thức quyết liệt ngay tại những năm đầu của thế kỉ;

cộng vào đó sự diễn biến khác thường của thời tiết khí hậu, thiên tai liên tiếp gần đây cũng đang đặt ra các thách thức mới, không cách nào khác, chúng ta phải vượt qua.

Những cái cần nhất hiện nay là: Một luận cứ chắc chắn cho sự phát triển dựa trên các kết quả đánh giá về tài nguyên, môi trường và điều tra chính xác hơn về kinh tế xã hội của cộng đồng ngư dân; là khả năng nắm bắt, xử lý, chọn lọc thông tin để có những quyết sách đúng đắn, kịp thời, cho sự lựa chọn công nghệ phù hợp và đầu tư đúng chỗ; là năng lực triển khai các chủ trương đã được định ra ở mọi cấp. *Phát triển mạnh và có qui hoạch nuôi trồng sẽ là chủ trương của những năm tới. Chương trình Khai thác hải sản xa bờ đã làm 3 năm qua phải hưởng đến hiệu quả, tăng mạnh xuất khẩu để sau 10*

*năm vươn lên trên 3 tỉ USD, trở thành một trong những nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu khu vực và thế giới. Vùng biển gần bờ phải là nơi được giữ gìn và duy trì năng lực tái tạo, và hơn hết cái nghèo và dân trí thấp vùng ven biển phải được xóa dần đi một cách vững chắc. Hậu quả thiên tai phải được hạn chế với trách nhiệm cao nhất và cách tổ chức tốt nhất. Ngành thủy sản thông qua hoạt động kinh tế của hàng triệu lao động nghề cá góp phần xứng đáng của mình trong bảo vệ vùng biển Tổ quốc*

Bước vào năm 2000, chúng ta chào đón thập niên đầu tiên của thiên niên kỉ mới bằng một năm đặt bước đầu tiên cũng như chuẩn bị tốt mọi mặt cho thực hiện kết quả nhất những mục tiêu nêu trên■

## **CÁC ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ NHÀ NƯỚC XÉT TẶNG ANH HÙNG LAO ĐỘNG, CSTĐ TOÀN QUỐC VÀ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH NĂM 1999**

### ***I. Bộ Thủy sản đề nghị Nhà nước xét tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, đợt 1:***

- Nhà máy đóng tàu Sông Đào Nam Hà, tỉnh Nam Định
- Xí nghiệp chế biến Thủy sản Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
- Công ti xuất nhập khẩu thủy sản An Giang, tỉnh An Giang
- Ông Lê Trọng Cừ, Giám đốc Nhà máy đóng tàu Sông Đào Nam Hà
- Ông Nguyễn Văn Tân, nguyên Giám đốc Công ti Quốc doanh đánh cá Kiên Giang nay là Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

### ***II. Bộ Thủy sản đề nghị Nhà nước xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, đợt 1:***

- Ông Ngô Văn Tĩnh, Phó Giám đốc Nhà máy đóng tàu Sông Đào Nam Hà
- Ông Châu Minh Tâm, Giám đốc Công ti Xuất nhập khẩu thủy sản Kiên Giang
- Ông Hồ Quốc Lực, Giám đốc Công ti Thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng
- Ông Nguyễn Thanh Khiết, Q.Giám đốc Công ti Thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng
- Ông Lâm Thanh Tuấn, ngư dân nuôi tôm huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
- Ông Nguyễn Tử Cường, Giám đốc Trung tâm Kiểm tra chất lượng và Vệ sinh thủy sản.

### ***III. Các đơn vị được tặng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích năm 1999***

- Công ti Thủy sản và xuất nhập khẩu Cồn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- Công ti Quốc doanh đánh cá Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang
- Công ti Xuất khẩu thủy sản 2 Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh
- Công ti Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, tp. Hải Phòng
- Công ti Xuất nhập khẩu thủy sản, thuộc Tổng công ti thủy sản Việt Nam
- Công ti Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Công ti Thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Công ti Xuất nhập khẩu thủy sản Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang
- Công ti xuất nhập khẩu thủy sản An Giang
- Ngành thủy sản tỉnh Cà Mau

### ***IV. (Đề nghị HLHTN tặng giải thưởng Sao Đỏ của Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam là nhà doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành)***

- Đồng chí Vũ Văn Cao, Phó Giám đốc Công ti Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, tp. Hải Phòng
- Đồng chí Lê Văn Năm, Giám đốc Công ti Quốc doanh đánh cá Kiên Giang
- Đồng chí Trần Văn Phẩm, Phó giám đốc Công ti Thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng
- Đồng chí Châu Minh Tâm, Giám đốc Công ti Xuất nhập khẩu thủy sản Kiên Giang■

# PHÁT HUY THẮNG LỢI NĂM 1999, phấn đấu năm 2000 ghi thêm mốc son mới

♦ TCTS

Năm 1999 vừa đi qua, một năm mà những người lao động nghề cá cả nước phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách, nhưng sản xuất kinh doanh toàn ngành vẫn phát triển, tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong công cuộc đổi mới đất nước.

*Trong khai thác hải sản*, nhờ đẩy mạnh Chương trình Khai thác hải sản xa bờ, ổn định và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng gần bờ, đẩy mạnh công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, chúng ta giữ vững được nhịp độ tăng trưởng, trên 5%, so với kế hoạch đạt 101,07% (1.212.800 T).

*Trong nuôi trồng thủy sản*, chúng ta đã khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước, chuyển mạnh sang nuôi bán thâm canh, thâm canh, đặc biệt là nuôi tôm, nhờ đó chúng ta đã đưa sản lượng nuôi trồng thủy sản từ 588.790 tấn/1998 lên 614.510 tấn/1999, tăng 5,44% so với cùng kì.

*Trong chế biến xuất khẩu thủy sản*, năm qua, một mặt chúng ta đã đầu tư nâng cấp đổi mới thiết bị nhiều cơ sở sản xuất, áp dụng chương trình quản lí chất lượng tiên tiến, sản xuất sản phẩm có giá trị thương mại cao, mặt khác chúng ta đã đẩy mạnh các hoạt động đồng bộ để mở rộng thị trường (tăng 7 thị trường so với năm 1998), thị trường Nhật Bản có sự phục hồi và ổn định trở lại, thị trường Mỹ có mức tăng trưởng cao, thị trường EU cũng có được vị thế bằng việc Ủy ban EU đưa thủy sản Việt Nam vào danh sách I. Với những chuyển biến tích cực như trên, xuất khẩu thủy sản có mức tăng trưởng 12,3% so cùng kì, cao nhất trong các lĩnh vực sản xuất của ngành...

Trong khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả đó một lần nữa khẳng định ý chí tự lực, tự cường của lao động nghề cá cả nước. Những kết quả đó càng khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Cán sự và lãnh

đạo Bộ Thủy sản, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành.

Năm 2000 là năm có vị trí đặc biệt quan trọng, cả nước cũng như toàn ngành tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, kỉ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của ngành: 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; 55 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2-9; 110 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; 25 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 40 năm thành lập ngành; tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX... Năm 2000 cũng là năm kết thúc kế hoạch 5 năm 1996-2000, là năm đất nước và nhân loại kết thúc thế kỉ 20, bước sang thế kỉ 21. Vì vậy năm 2000 là năm chuyển giao giữa 2 thế kỉ đặt cho toàn ngành những nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi phải tạo tiền đề vững chắc, tạo thế và lực để bước vào thiên niên kỉ mới, thiên niên kỉ thứ 3. Những kết quả đạt được của đất nước và của toàn ngành là cơ sở quan trọng để chúng ta đi lên. Tuy vậy, chúng ta cũng phải đương đầu với không ít khó khăn thử thách từ ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ; cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành trong thời gian qua, đã bộc lộ yếu tố kém bền vững trong việc tái tạo nguồn lợi và bảo vệ môi trường; các yếu kém trong quản lí và tổ chức bộ máy của ngành... Song với niềm tin vững chắc vào sự phát triển của ngành, chúng ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang 19 năm liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, 19 năm tăng trưởng liên tục, phát huy dân chủ, phát huy mọi nguồn lực, thi đua lao động sản xuất, công tác với năng suất, chất lượng, hiệu quả để hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu của ngành, đó là:

## HỘI CHỢ TRIỂN LÃM QUỐC TẾ THỦY SẢN ĐÃ THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Tiến tới kỉ niệm 40 năm ngày thành lập ngành thủy sản Việt Nam (1960-2000), thực hiện chủ trương của Bộ Thủy sản, từ 15 - 18/1/2000, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam mở Hội chợ triển lãm quốc tế thủy sản Việt Nam-VIETFISH 2000 tại Trung tâm hội chợ và triển lãm quốc tế tp.Hồ Chí Minh, đây là dịp để giới thiệu sự lớn mạnh của ngành thủy sản Việt Nam, là cơ hội để các doanh nghiệp giới thiệu chất lượng với khách hàng trong và ngoài nước, về khả năng cung ứng và xuất khẩu thủy sản, về khả năng phát triển thị trường tiêu thụ..., tạo cơ hội giao lưu thương mại. Trao đổi học tập kinh nghiệm trong hoạt động SXKD, kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước trong lĩnh vực thủy sản; giới thiệu và cung cấp các mặt hàng thủy sản chất lượng cao cho nhân dân trong dịp Tết Canh Thìn.

Hội chợ có gần 100 đơn vị tham gia với 122 gian hàng chuẩn, lắp ghép hiện đại, 24 gian hàng của 20 đơn vị thuộc 11 nước tham gia như: Mĩ, Pháp, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Úc, Thái Lan, Xinggapo, Malaixia, Trung Quốc... trong 4 ngày Hội chợ triển lãm đã đón trên 50.000 lượt người vào xem, mua hàng; 75 hợp đồng mua bán đã được kí kết. Ban tổ chức còn triển khai một số hoạt động: hội thảo về thị trường thủy sản xuất khẩu năm 1999 và dự báo thị trường năm 2000; tọa đàm về thị trường tôm, cá nước ngọt phi lê, nhuyễn thể 2 vỏ, cá biển, mực, bạch tuộc,...; Gala tại Sofitel plaza Saigon Hotel; hội thảo về công nghệ nuôi cá lồng bè của Công ti Ching Fa (Đài Loan); về hệ thống công nghệ xử lí nước thải hợp lí cho xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu; hội thảo về thiết bị công nghệ chế biến thủy sản của Công ti Heat and Control (Mĩ); về cải tiến chất lượng bao bì và đóng gói thủy sản; tọa đàm về mở rộng hợp tác đầu tư và kinh doanh giữa các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam-TrungQuốc; tọa đàm Việt kiều và mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản; về hệ thống quản lí chất lượng HACCP, ISO 9000; về sản phẩm khoa học công nghệ phục vụ nuôi thủy sản. Đặc biệt trong Hội thi hàng thủy sản chất lượng cao, Ban tổ chức đã xét tặng 30 Huy chương vàng cho 30 sản phẩm xuất sắc nhất■

**PHƯƠNG ĐÔNG**

Tổng sản lượng thủy sản: 1.940.000 tấn. Trong đó, khai thác hải sản 1.220.000 tấn; nuôi trồng thủy sản 720.000 tấn; xuất khẩu thủy sản 1.100 triệu USD.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, trong khai thác hải sản là tiếp tục triển khai Chương trình Khai thác hải sản xa bờ, điều chỉnh cơ cấu nghề cá vùng gần bờ và đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển. Trong nuôi trồng thủy sản là đẩy mạnh và qui hoạch lại trong cả nước và từng địa phương, phát triển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống dịch bệnh, tăng dần mức độ thâm canh trong cơ cấu diện tích hiện có theo Chương trình phát triển Nuôi trồng thủy sản vừa được Chính phủ phê duyệt. Trong xuất khẩu thủy sản là khẩn trương xây dựng chương trình xuất khẩu thủy sản ở từng địa phương, tiếp tục đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ, áp dụng chương trình quản lí chất lượng tiên

tiến, tăng cường khả năng cạnh tranh hàng thủy sản trên thị trường thế giới.

Cùng với thi đua đẩy mạnh sản xuất, phải tăng cường kỉ cương phép nước, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại, chống lãng phí quan liêu, bảo vệ tốt an ninh chính trị nội bộ, trật tự an toàn xã hội, xây dựng các làng cá, cơ quan đơn vị văn minh, lành mạnh, tăng cường hợp tác quốc tế, đưa nhanh các tiến bộ kĩ thuật vào sản xuất.

Phấn khởi bước vào năm 2000, tự hào về những thành quả đã đạt được, với khí thế mới và niềm tin mới những người lao động nghề cá quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách, xây dựng ngành trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Nhất định chúng ta sẽ giành thắng lợi để ghi thêm mốc son mới, năm thứ 20 ngành thủy sản liên tục hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước và nhiệm vụ công tác ■

# MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC CHO PHÁT TRIỂN NTTS ĐẾN NĂM 2010

hai

Hỏi: Vừa qua trên các phương tiện thông tin đại chúng tôi được biết Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Nuôi trồng thủy sản từ nay đến 2010. Đề nghị Tổng soạn cho biết mức độ nguyên tắc chủ đạo và chính sách của Nhà nước cho Chương trình này như thế nào?

Trần Văn Tân (Quảng Ninh), Huỳnh Thanh Phong (Khánh Hòa), Nguyễn Thiện Thuận (Cà Mau).

Trả lời: Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, ngày 8/12/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 224/1999/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển Nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999-2010. Về nội dung bạn đọc hỏi Quyết định trên của Thủ tướng Chính phủ nêu rõ:

**Mục tiêu:** Phát triển Nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và tạo nguồn nguyên liệu chủ yếu cho xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2010 tổng sản lượng Nuôi trồng thủy sản đạt trên 2.000.000 tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2.500.000.000 USD, tạo việc làm và thu nhập cho khoảng 2 triệu người; góp phần tích cực vào phát triển kinh tế xã hội đất nước và an ninh ven biển.

**Nguyên tắc chỉ đạo:**

1. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.
2. Nuôi trồng thủy sản phải từng bước được hiện đại hoá, phát triển theo phương pháp nuôi công nghiệp là chính, kết hợp với các phương pháp nuôi khác phù hợp với điều kiện của từng vùng.
3. Hướng mạnh vào phát triển nuôi thủy sản nước lợ và nuôi biển, đồng thời phát triển nuôi nước ngọt.
4. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nuôi tôm xuất khẩu, đồng thời chú trọng nuôi trồng thủy sản khác

phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

**Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu đến năm 2010 đạt các chỉ tiêu sau:

1. Nuôi tôm sú 260.000 ha (trong đó 60.000 ha nuôi công nghiệp, 100.000 ha nuôi bán thâm canh, 100.000 ha nuôi mô hình cân bằng sinh thái, nuôi luân canh, xen canh) đạt sản lượng 360.000 tấn. Giá trị tôm xuất khẩu đạt 1.400 triệu USD.
2. Nuôi cá biển 40.000 ha và 40.000 lồng bè, sản lượng đạt 200.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá song, cá hồng, cá cam, cá vược, cá măng...
3. Nuôi nhuyễn thể 20.000 ha, sản lượng đạt 380.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: nghêu, ngao, sò huyết, ốc hương, trai ngọc, điệp, bào ngư, hàu...
4. Trồng rong biển 20.000 ha, sản lượng 50.000 tấn khô (550.000 tấn tươi). Các đối tượng trồng chủ yếu là: rong câu chỉ vàng, rong thất, rong cước và rong sụn.
5. Nuôi tôm càng xanh 32.000 ha, sản lượng đạt 60.000 tấn.
6. Nuôi thủy sản ao hồ nhỏ 100.000 ha, sản lượng đạt 480.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: chép lai, rô phi, cá tra, trắm cỏ, cá trôi, bống tượng, tai tượng, mè vinh, cá trê, cá quả, sặc rằn, cá mè, ba sa, lươn, ếch...
7. Nuôi thủy sản ruộng trũng 220.000 ha, sản lượng đạt 170.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá chép, rô phi, cá trê, sặc rằn, cá lóc...
8. Nuôi thủy sản hồ chứa trên diện tích 300.000 ha, trên sông với 30.000 lồng bè, sản lượng đạt 228.000 tấn. Các đối tượng nuôi chủ yếu là: cá ba sa, cá tra, bống tượng, rô phi, cá chép, trôi, mè, trắm cỏ, rô hu, mrigan...

**Về chính sách**

1. Sử dụng đất, mặt nước nuôi trồng thủy sản.
  - Giao hoặc cho thuê đất, mặt nước, eo, vịnh, đầm phá, hồ chứa mặt nước lớn đã được qui hoạch cho các thành phần kinh tế sử dụng vào nuôi trồng thủy sản ổn



Kiểm tra chất lượng đàn cá giống trước khi xuất bán cho dân

định và lâu dài, theo Nghị định số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ.

- Được chuyển đổi ruộng nhiễm mặn, ruộng trũng, đất làm muối, đất ngập úng sản xuất lúa bắp bênh, kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản.

## 2. Chính sách đầu tư:

2.1. Các thành phần kinh tế được Nhà nước khuyến khích việc đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) và các qui định hiện hành.

- Nhà nước có chính sách cho nông, ngư dân nghèo có lao động và có đất nuôi trồng thủy sản được vay vốn không phải thế chấp tài sản.

- Nông, ngư dân vùng sâu, vùng xa, hải đảo vay vốn phát triển nuôi trồng thủy sản được hưởng các qui chế ưu đãi theo qui định hiện hành.

## 2.2. Vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho:

- Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các vùng nuôi tập trung gồm: đê bao, kênh cấp và thoát nước cấp I, cống và trạm bơm lớn, cảng cá, chợ cá và cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong cảng, chợ cá quốc gia ở các vùng trọng điểm nghề cá.

- Xây dựng và hoàn thiện các trung tâm giống quốc gia, cải tạo nâng cấp các trại giống cấp I.

- Nghiên cứu khoa học, nhập các đối tượng nuôi mới, công nghệ mới.

- Xây dựng các trạm quan trắc, dự báo môi trường, kiểm dịch.

- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

- Đào tạo nguồn nhân lực.

- Hoạt động khuyến ngư.

- Quản lý, điều hành hoạt động chương trình.

2.3. Vốn tín dụng trung hạn, dài hạn đầu tư cho cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở sản xuất thức ăn, sản xuất bột cá, cơ sở sản xuất giống cấp I, II và cải tạo ao, đầm nuôi của các thành phần kinh tế.

2.4. Vốn tín dụng ngắn hạn đầu tư cho sản xuất kinh doanh giống, thức ăn, thuốc chữa bệnh cho tôm, cá và các vật tư chuyên dùng phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.

2.5. Vốn đầu tư nước ngoài thông qua các dự án được đầu tư vào việc trợ giúp kỹ thuật, tư vấn, đào tạo, nhập các công nghệ mới, chuyển giao công nghệ và khuyến ngư.

## 3. Về thuế:

- Các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia thực hiện Chương trình phát triển Nuôi trồng thủy sản được hưởng các ưu đãi về thuế theo qui định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) và các qui định hiện hành.

- Nuôi trồng thủy sản trên đất, mặt nước thuộc đất nông nghiệp thực hiện chính sách thuế theo Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành.

- Miễn thuế vận chuyển giống nuôi thủy sản đến các vùng sâu, vùng xa, hải đảo■

# THÔNG BÁO KẾT QUẢ HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8

Vừa qua, Ban cán sự Đảng Bộ Thủy sản đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan Bộ thuộc các lĩnh vực Bắc để quán triệt, triển khai những nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII). Bí thư Ban Cán sự, Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã báo cáo những nội dung cơ bản và kết quả Hội nghị lần thứ 8 (khoá VIII), đó là: tình hình thực hiện kế hoạch năm 1999 và mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong phát triển kinh tế xã hội năm 2000; những định hướng nội dung các vấn đề trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX; Kết quả triển khai trong toàn Đảng Nghị quyết TW 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Đồng chí Tạ Quang Ngọc cũng nêu lên các bước cần triển khai trong toàn ngành thời gian tới để quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 và tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Hội nghị tương tự cho các đơn vị trực thuộc Bộ cho các tỉnh phía Nam được tổ chức cuối tháng 12/1999 tại tp. Hồ Chí Minh■



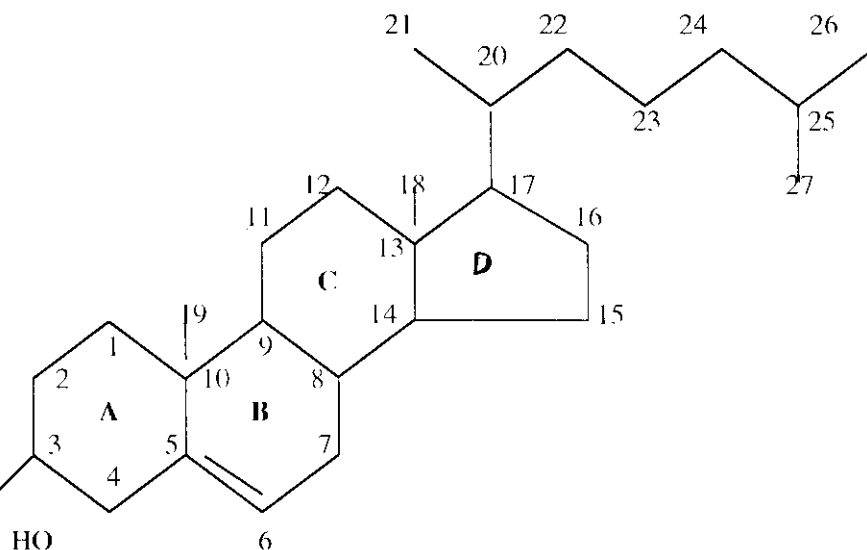
# KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

**T**ừ trước tới nay, người ta thường quan niệm Cholesterol là nguyên nhân gây nên bệnh tim mạch. Nhưng thực ra chưa phải hoàn toàn như vậy. Vấn đề là, cần phải biết được bản chất thật của Cholesterol.

Cholesterol là một chất thuộc nhóm sterit, là loại lipit đơn giản, được cấu tạo bởi alcôl vòng và axit béo phân tử lớn. Các axit béo thường gặp trong thành phần sterit là axit palmate, axit stearic, axit oleic. Các vòng của alcôl vòng được kí hiệu là A, B, C, D. Hai nhóm methyl gắn vào vòng là C-19 ở vị trí C-10 và C-18 ở vị trí

C-13. Cholesterol có công thức cấu tạo sau:

Công thức cấu tạo của Cholesterol



## CHOLESTEROL VÀ TÁC DỤNG CỦA MỠ CÁ Với sức khỏe con người

♦ PTS. NGUYỄN VĂN LÊ  
Viện nghiên cứu Hải sản

Cholesterol phổ biến ở động vật, thực vật, nấm men và một số loài tảo. Ở động vật bậc cao, Cholesterol được tổng hợp chủ yếu ở gan, nó chứa nhiều trong mô thần kinh, máu, tinh trùng, trong lớp mỡ dưới da, v.v... Ngoài ra nó còn được đưa vào cơ thể qua nguồn thức ăn.

Vai trò sinh học quan trọng của Cholesterol là nó có thể chuyển hóa thành các chất điều hòa sinh học khác nhau (như các hormone sinh dục, hormone coeclit, Vitamin D và tham gia tạo thành màng tế bào. Cholesterol

còn được gan phân hóa thành axit mật, có tác dụng tiêu hóa các chất béo khác để cung cấp năng lượng cho cơ thể. Trong công nghiệp hóa được, Cholesterol được sử dụng để sản xuất các hormone steroid, Vitamin D. Nói như vậy không có nghĩa là Cholesterol hoàn toàn có lợi, trái lại trong những trường hợp cụ thể nó lại rất nguy hại cho cơ thể.

Ta biết rằng, trong cơ thể, Cholesterol thường tồn tại dưới dạng lipoprotein cholesterol. Trong đó: 2 dạng có hàm lượng cao, 1 dạng có

hàm lượng thấp, còn một dạng nữa có hàm lượng rất thấp.

Riêng 2 dạng có hàm lượng cao rất có hại cho cơ thể, vì nó thường bị tích tụ lại trong thành mạch máu, làm tắc nghẽn động mạch, tạo ra các mảng xơ vữa gây nguy hiểm cho bệnh tim mạch. Xơ vữa động mạch là bệnh gây tử vong nhiều nhất, vì nó làm ngừng sự lưu thông máu trong cơ thể. Tai biến nguy hiểm nhất là các mảng xơ vữa bong ra làm đột nhiên tắc nghẽn mạch máu dẫn đến nhồi máu cơ tim. Hai dạng lipoprotein cholesterol có hại thường có trong mỡ động vật, nó chứa các axit béo no, dễ đông đặc ở nhiệt độ thường. Những người cao tuổi hay bị cao huyết áp cần tránh hoặc hạn chế sử dụng loại thức ăn như trứng, thịt lợn, bơ, thịt mỡ... vì nó có chứa nhiều Cholesterol có hại.

Đối với 2 dạng lipoprotein cholesterol có hàm lượng thấp và rất thấp lại rất có lợi cho cơ thể, vì nó không bị tích tụ lại trong thành mạch máu. Hai loại này có tác dụng như đã trình bày ở trên, nó thường có trong dầu thực vật và đặc biệt

là trong mỡ (dầu) cá.

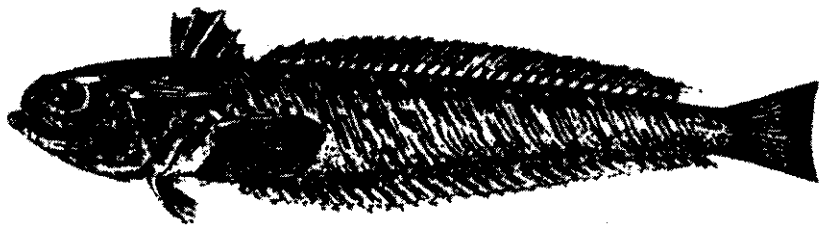
Mỡ cá có chứa nhiều loại axit béo không no khác nhau. Những axit béo này chứa nhiều các nối đôi, có 20-22 carbon trong một dãy axit béo, các nối đôi được gắn với nhau bởi liên kết omega.

Thực nghiệm cho thấy mỡ cá có khả năng làm điều hoà áp huyết, tránh tắc động mạch, chống xơ cứng động mạch, chống viêm nhiễm, chống sự tái nhiễm trùng, chống hen suyễn và đặc biệt rất dễ thụ thai. Điều quan trọng nhất là dầu cá có khả năng điều hoà làm giảm tác dụng của 2 dạng lipoprotein cholesterol có hại và làm tăng tác dụng của 2 dạng lipoprotein cholesterol có lợi. Vì vậy, một lời khuyên đưa ra là mọi người nên ăn nhiều cá, tốt nhất là nên ăn cá 2 lần/tuần.

Có một số người không thích ăn cá thì có thể sử dụng 2 loại axit béo có lợi là axit eicosapentaenoic ( $C_{20}H_{38}O_2$ ) và axit docosahexaenoic ( $C_{22}H_{40}O_2$ ). Những người dùng thuốc EPA đều thấy khoẻ bình thường, ít bị bệnh tim mạch. Nhưng nếu quá lạm dụng EPA sẽ bị bệnh tiêu chảy và có nhiều mùi tanh■

## Năm Rồng kể chuyện

### cá Rồng biển



*Trachinus draco*

Trong vô số các loài cá biển, có hẳn một họ được mang tên “cá rồng”- họ Trachinidae. Họ cá rồng có nhiều loài nhưng nổi tiếng nhất là cá rồng châu Âu và cá rồng châu Mỹ. Với khuôn khổ bài báo, chúng tôi giới thiệu 2 loài cá rồng trên.

Cả hai loài cá rồng sống chủ yếu ở các vùng nước nông ven bờ, trong vùng nước ấm và nước ôn hoà. Tuy theo từng vùng địa lý mà chúng còn có các tên gọi khác. Cư dân ở bờ đông Đại Tây Dương và Địa Trung Hải gọi chúng là cá “bò

cáp” hay “cá rồng gai”, còn ở các nơi khác lại gọi là “cá rắn”, “cá rồng châu Mỹ”.

Dáng vẻ bề ngoài oai phong có phần hung dữ, màu sắc lộng lẫy với các vây to nhiều màu sắc, gai sắc nhọn mọc tua tủa chứa nọc

độc ghê người, hung hăng và có vẻ tàn bạo khi vô mỗi... tất cả các biểu hiện đó của cá khiến người ta liên tưởng ngay tới hình ảnh “con rồng” trong các câu chuyện dân gian.

Trong các loài cá rồng châu Âu điển hình nhất là loài *Trachinus draco* (h.1), cá có chiều dài không lớn lắm (không quá 45cm). Thân cá dẹt hai bên. Các vây lưng thứ hai và vây hậu môn của cá rất dài. Đầu cá to, mắt ở cao trên đỉnh đầu và lồi. Mồm cá rộng và đầy răng sắc nhọn, khe miệng

xích lên, mõm tù. Hàng gai ở vây lưng thứ nhất cứng, rất sắc nhọn, gai thứ 13 cùng với các gai mọc ở xương mang chứa nọc độc. Các tuyến nọc độc có độc tính rất cao nằm trong rãnh của vây gai lưng thứ nhất và trong xương nắp mang. Màng liên kết các tia vây lưng thứ nhất có màu đen, dấu hiệu cảnh báo với kẻ thù hãy coi chừng. Ngay trên đỉnh đầu phía miệng và xung quanh mắt cá cũng có nhiều gai nhỏ nhưng chúng không chứa nọc độc.

Thức ăn của cá rồng chủ yếu là giáp xác đáy. Cá sống sát đáy, dùng vây bụng bới nên đáy rất nhanh để dấu hẩn mình dưới đó chỉ chừa 2 mắt mở to nhìn mồi. Khi thấy con mồi đi qua, nhanh như cắt cá vùng mình từ nơi ẩn nấp lao vào con mồi một cách dũng mãnh bằng tất cả sức mạnh cùng với miệng mở to và hàm răng sắc nhọn. Quan sát lúc cá vồ mồi lại làm người ta liên tưởng tới hình tượng con rồng khi đi săn trong truyền thuyết.

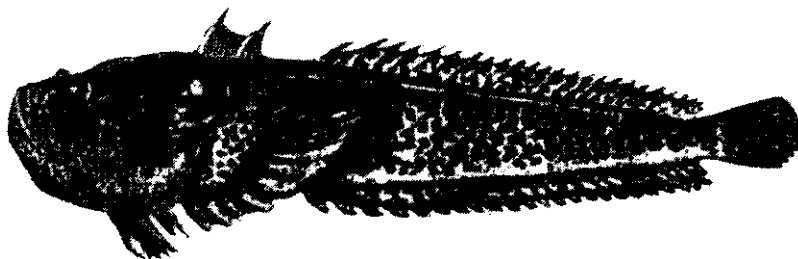
Ở bờ phía tây Đại Tây Dương thuộc châu Mỹ cũng có cá rồng loài *Thalassophyne vi perca* tên tiếng Anh Pufferfish (h.2) có dáng vẻ bên ngoài còn đẹp và gần với hình tượng rồng hơn cả cá rồng châu Âu. Gai độc cũng nằm ở vây lưng thứ nhất và gai xương nắp mang, nhưng nọc vô cùng độc, ngay với nọc của rắn hổ mang. Những người đi tắm biển hay thủy thủ trên các tàu lưới kéo đáy ven bờ thường gặp cá rồng. Nếu vô ý bị gai độc đâm vào da thì ngay lập tức vết thương bị sưng tấy, xung quanh có hiện tượng hoại huyết, gây đau buốt khủng khiếp, bệnh

thấy tức thở, đau ở lồng ngực, tim đập nhanh và loạn nhịp, tiếp theo là mê man. Trong trường hợp nặng chỉ sau 1-2 ngày có thể gây tử vong. Trường hợp bị nhẹ và được chạy chữa ngay cũng phải sau 1-3 tháng vết thương mới lành. Còn khi bị "cá rồng châu Mỹ" đâm phải thì coi như vô phương cứu chữa.

Cá rồng được xếp vào hàng cá độc nhất hiện nay và lại hay gặp trong các mẻ lưới kéo đáy gần bờ. Mặt khác cá rồng châu Âu thịt lại trắng, nạc và rất ngon nên nhiều cửa hàng, khách sạn cao cấp ở Pháp, Italia, Tây Ban Nha... vẫn thường sử dụng chúng để chế biến các món ăn "đặc hải sản" phục vụ số khách hiếu kỳ bất chấp cả nguy hiểm (gần giống như món gỏi cá nóc ở Nhật Bản). Để đề phòng sự rủi ro, ở Pháp có điều luật qui định rằng, các cửa hàng bán cá nếu bán cá rồng thì phải chặt đầu, loại bỏ hết phần vây gai thứ nhất (chỉ còn để lại phần thân dưới).

Nhìn chung cá rồng dù là cá rồng châu Âu hay châu Mỹ đều là các loài cá rất nguy hiểm, con người phải hết sức thận trọng khi tiếp xúc với chúng■

PT



*Thalassophyne vi perca*

Nguồn: - Các loài cá độc trên thế giới (Tập chỉ nghề cá N°6/1987, N°8/1988)  
- Fishery Capture - vol 82 - FAO - 1998.

## THÁNG 1/2000, SẢN XUẤT, KINH DOANH TOÀN NGÀNH ĐẠT KẾT QUẢ KHẢ

Các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt cao hơn so với cùng kì, ước:

Tổng sản lượng đạt 150.000 tấn, bằng 7,73% so kế hoạch năm và bằng 105,63% so với cùng kì năm 1999. Trong đó, tương ứng khai thác hải sản đạt 102.000 tấn bằng 8,36% và 104,98%; nuôi trồng thủy sản đạt 48.000 tấn bằng 6,67% và 109,09%.

Xuất khẩu thủy sản đạt 75 triệu USD, bằng 6,81% so với kế hoạch năm và bằng 107,14% so với cùng kì năm 1999. Tổng sản phẩm: Tôm đông 90.000 tấn, mực đông 22.000 tấn, cá các loại 70.000 tấn.

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Bộ Thủy sản có nhiều hoạt động, nổi bật là đã tổ chức tốt Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV&PTNLTS, Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2000, tổ chức thành công Hội chợ triển lãm quốc tế thủy sản Việt Nam 2000 và Ban Cán sự và lãnh đạo Bộ Thủy sản tổ chức kiểm điểm sự lãnh đạo, điều hành theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (Lần 2) ■

PV

# CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦY SẢN NĂM 2000

Trọng tâm hoạt động khoa học công nghệ của ngành năm 2000 là phục vụ tốt 3 chương trình kinh tế-xã hội của ngành, đó là: Chương trình Khai thác hải sản xa bờ, Chương trình phát triển Xuất khẩu thủy sản và Chương trình phát triển Nuôi trồng thủy sản; xây dựng ngành thủy sản phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngoài 25 dự án, đề tài tiếp tục của các năm trước, trong đó 7 dự án hợp tác quốc tế, 3 dự án kinh tế kỹ thuật, 2 dự án sản xuất thử-thử nghiệm cấp Nhà nước, 4 đề tài độc lập cấp Nhà nước, 1 nhiệm vụ khoa học công nghệ Nhà nước, 8 đề tài cấp Bộ, trong năm 2000 bổ sung thêm 23 dự án, đề tài mới, đó là:

### 8 dự án hợp tác quốc tế:

- Xây dựng khu bảo tồn sinh vật biển Hòn Mun, Khánh Hoà.
- Tăng cường quản lý hành chính ngành thủy sản.
- Phát triển tiềm năng nuôi thủy sản nước mặn, lợ.
- Cải thiện chất lượng và xuất khẩu thủy sản.
- Hỗ trợ cải tổ cơ cấu ngành và phát triển doanh nghiệp.
- Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.
- Khai thác bền vững nguồn lợi cá xa bờ của Việt Nam.

### 1 dự án kinh tế- kỹ thuật: Đánh giá nguồn lợi thủy sản trong hệ thống sông Hồng.

1 dự án sản xuất thử - thử nghiệm cấp Nhà nước: Hoàn thiện qui trình công nghệ nuôi tôm sú trong hệ khép kín có năng suất cao tại các vùng sinh thái khác nhau ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long.

### 2 đề tài độc lập cấp Nhà nước:

- Nghiên cứu thâm độ nguồn lợi hải sản và lựa chọn công nghệ khai thác phù hợp nhằm phát triển bền vững nghề cá xa bờ của Việt Nam.
- Nghiên cứu một số bệnh thường gặp, các yếu tố chính và các biện pháp phòng trị, dự phòng ở vật nuôi thủy sản.

### 6 đề tài cấp Bộ:

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng di truyền của tôm sú bằng phương pháp chọn lọc hàng loạt và chọn lọc gia đình.
- Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim trắng nước ngọt.
- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp kỹ thuật chống thấm cho các ao nuôi tôm công nghiệp vùng trèn cao trền và cao triều.
- Xây dựng qui trình nuôi ốc hương thương phẩm đạt hiệu quả kinh tế.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu các đối tượng thủy sản Việt Nam.
- Biên soạn bộ từ khoá chuyên ngành thủy sản.

### Và các hoạt động khoa học công nghệ khác:

Tiêu chuẩn, đo lường chất lượng thủy sản, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và hoạt động thông tin khoa học kỹ thuật, tin học hoá quản lý Nhà nước, v.v...

Để triển khai các nội dung hoạt động khoa học công nghệ nêu trên, giải pháp trọng tâm là:

- Triển khai các dự án điều tra nguồn lợi, ngư trường, điều tra các yếu tố môi trường sinh thái, đánh giá nghề cá lưu vực sông Mê Kông. Hoàn tất từng bước để đưa kết quả khoa học làm luận cứ cho qui hoạch và đổi mới công nghệ trong sản xuất doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh các hoạt động khoa học và đổi mới công nghệ, kể cả nhập khẩu công nghệ để chủ động nuôi vỗ thành thực tôm sú bố mẹ, công nghệ sản xuất giống một số loài cá biển có giá trị kinh tế cao, mở rộng sản xuất nuôi tôm sú giống tại các tỉnh phía Bắc.

- Có bước tiến rõ rệt, hạn chế đến mức thấp nhất bệnh tôm, đưa các kết quả nghiên cứu, thông tin về bệnh vào qui trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thủy sản, đặc biệt là trong nuôi tôm.

- Nghiên cứu hướng dẫn qui trình nuôi tôm công nghiệp cho các dự án.

- Thông tin khoa học công nghệ cần ưu tiên để đi trước một bước, triển khai tin học hoá quản lý Nhà nước của ngành■

# SẮP XẾP LẠI LỰC LƯỢNG KHAI THÁC, ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU LÀ LỖI RA CHO KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

**LTS:** Chương trình KTHSXB đã triển khai được 3 năm, tuy nhiên việc tìm lối ra để Chương trình thực sự mang lại hiệu quả là vấn đề đang được tranh luận. Tác giả bài viết này đề xuất cần sắp xếp lại lực lượng khai thác hải sản hơn là nhấn quá mạnh vào đóng tàu lớn trong Chương trình. Tiêu chí cho KTHSXB không phải là tàu lớn mà là đối tượng nào và tổ chức dịch vụ ra sao, nên chăng cần sớm sử dụng hợp lý lượng tàu thuyền hiện có, cá loại có công suất dưới 90CV, được trang bị hoàn chỉnh, sản xuất theo đoàn đối để biến tàu nhỏ thành tàu "lớn"!

Tổ chức lại lực lượng đánh bắt hải sản, đưa việc đánh bắt xa bờ là việc làm quá cần thiết và không phải bàn cãi. Tuy nhiên, như Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn đã nêu "Chương trình Khai thác hải sản xa bờ là chương trình khó nhất trong nông nghiệp theo nghĩa rộng", chính từ xuất phát điểm đó, theo chúng tôi, để Chương trình thật sự mang lại kết quả, về cách tiến hành của Chương trình cũng như những giải pháp đã và đang được thực hiện lại cần phải được bàn bạc, tính toán và có sự cân đối trên phạm vi ngành.

Trước hết phải xuất phát từ thực tế là vùng biển Việt Nam có độ sâu và khả năng nguồn lợi không thuận lợi cho nghề lưới kéo đáy vì vùng biển có độ sâu từ trên 50m đến 200m chiếm trên 42% tổng diện tích vùng đặc quyền kinh tế và

vùng biển có độ sâu trên 200m, chiếm 45% tổng diện tích vùng đặc quyền kinh tế. Ở đó tàu có công suất nhỏ và vừa không thể kéo lưới được. Tiếp đến, các nghiên cứu về nguồn lợi cá đáy đã được tiến hành đủ để cho chúng ta thấy rõ là trữ lượng cá đáy ở biển Việt Nam không lớn, sản lượng mẻ lưới không cao, không đủ bù đắp chi phí cho việc sử dụng các tàu lưới kéo đáy cỡ lớn từ 400CV trở lên.

Xuất phát thứ hai là cơ cấu động lực dùng lắp đặt trên các tàu đánh cá của chúng ta cho đến nay vẫn chủ yếu là máy cỡ nhỏ (dưới 90CV, chủ yếu là 45CV), đây là lực lượng đóng đảo chiếm đến 80-85% trong tổng số lượng tàu thuyền hiện có. Vừa qua do chưa có được những nghiên cứu đầy đủ nên chúng ta đã đưa các loại tàu này ra khỏi danh sách tàu đánh bắt hải sản xa bờ và cũng nên cân nhắc thật kỹ khi sắm thêm tàu thuyền lắp máy cỡ lớn, loại trên 400CV.

Hai xuất phát điểm đó cũng chưa đủ làm các căn cứ cho Chương trình đánh bắt hải sản xa bờ khi mà hàng loạt yếu tố khác như tập quán ngư dân các địa phương, kỹ năng của ngư dân, trình độ và năng lực của các cơ sở dịch vụ và hậu cần nghề cá, khả năng tiếp thị để bao tiêu sản phẩm và có lẽ cả yếu tố nội lực của ngư dân để tiếp thụ sự hỗ trợ của Nhà nước trong Chương trình này.

Từ cách nhìn nhận vấn đề như thế, nên chăng trong thời gian tới ngành thủy sản cần tập trung vào **sắp xếp lại lực lượng khai thác hải sản** hơn là nhấn quá mạnh vào đóng tàu lớn trong Chương trình Khai thác hải sản xa bờ. Ở đây không đơn thuần là vấn đề câu chữ mà là nội dung cốt lõi của Chương trình.

Thứ điểm lại diễn biến của Chương trình Khai thác hải sản xa bờ trong 3 năm 1997-1999 để từ đó rút ra những kinh nghiệm, hướng Chương trình này theo định hướng chuẩn xác và qua đó minh chứng cho những điều mà chúng tôi đã nêu ở trên.



Sửa chữa thuyền lưới chuẩn bị ra khơi

1. Qua 3 năm đầu tư đóng mới và cải hoán, lực lượng tàu thuyền đánh cá đã có trên dưới 800 tàu tham gia đánh bắt. Trong đó có trên 50% số tàu thuyền đánh bắt bằng nghề lưới kéo đáy. Theo tác giả Nguyễn Long (*Tạp chí Thủy sản số 6/1999, trang 11-13*) thì do tốc độ kéo lưới thấp chỉ đạt 2,5-4,2 hải lí/giờ của các tàu kéo đôi và 2,5-3,5 hải lí/giờ cho tàu kéo đơn nên hiệu quả kinh tế kém. Cũng theo tác giả thì nghề lưới kéo đáy dùng tàu cỡ 200-450CV là khó lòng có lãi, chỉ ít là ở ngư trường vịnh Bắc Bộ và biển Trung Bộ.

Trong những năm 80 khi mà Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực nghề cá Việt-Xô được triển khai tốt nhất, Liên Xô lúc bấy giờ đã đưa sang Việt Nam các cỡ loại tàu lưới kéo đáy hiện đại, máy chính có công suất khác nhau từ 800CV, 1.000CV, 1.200CV, 1.800CV, 2.400CV... để thử nghiệm. Từ kết quả thu được cho chúng ta thấy dùng các loại tàu này là không có khả năng bù đắp được chi phí.

Và thực tế các tàu thuyền được đóng mới bằng nguồn vốn của Chương trình khai thác hải sản xa bờ, do đánh cá xa bờ ít hiệu quả, nhiều tàu lại quay lại đánh bắt vùng ven bờ với phạm vi chài xát đáy biển vùng ven bờ lớn hơn các tàu có công suất máy nhỏ. Nếu theo lôgic này thì chúng ta có nên đóng mới tàu 200CV để đánh lưới kéo đáy nữa hay không?

2. Có lẽ chúng ta thường đặt tiêu chí cỡ tàu bao nhiêu mã lực là đánh cá xa bờ. Theo chúng tôi thì nên đặt đánh bắt đối tượng nào ở xa bờ và tổ chức lực lượng tàu thuyền như thế nào để có thể ra xa bờ đánh bắt làm tiêu chí cho Chương trình. Nếu nhất trí theo cách đặt vấn đề như thế thì hàng loạt các tàu cỡ 45-90CV mà ta đang có sẽ được tổ chức lại để tham gia đánh bắt hải sản xa bờ theo hướng đánh cá nổi bằng các nghề: lưới vây, lưới rê, câu, lồng bẫy, mành chà.... Vấn đề không kém quan trọng là việc tổ chức sản xuất, làm sao có sự hợp tác liên kết giữa các tàu cùng đánh bắt theo một công nghệ cho một đối tượng để biến tàu nhỏ thành tàu "lớn" - tạo nên sự biến đổi về chất.

Xin nêu 1 ví dụ: Chúng ta nên du nhập và học tập việc đánh cá dùng chà rạo như ở Philippin đang dùng, họ sử dụng 1 tổ hợp 6-8 tàu để đánh lưới vây. Có thể chỉ dùng 1-2 tàu cỡ lớn (800-1.000CV) kèm theo 4-5 tàu cỡ nhỏ.

Với cách đặt vấn đề như thế, thiết nghĩ công tác tổ chức lại sản xuất trong chương trình chài hùm nghề đánh bắt hải sản có vị trí vô cùng quan trọng, quan trọng và thiết thực hơn cả việc

điều tra nguồn lợi mà hiện nay đang là cái "cờ" để chúng ta nói mọi khó khăn bắt nguồn từ việc điều tra nguồn lợi chưa đầy đủ. Sở dĩ nói như vậy là vì việc điều tra nguồn lợi cá nổi một cách đúng đắn, đầy đủ đang là vấn đề chưa làm được ở Việt Nam trong tương lai gần, do khả năng tài chính và hợp tác quốc tế còn hạn chế. Điều tra nguồn lợi cá đáy có thể nói là đủ, nếu nói đúng hơn là tạm đủ để làm căn cứ cho việc phát triển nghề cá.

3. Thực ra với Nhà nước việc đầu tư vài ngàn tỉ đồng cho một chương trình quốc gia là không lớn lắm. Tuy nhiên, với thực tế đất nước ta thì việc tiếp tục đầu tư thêm vài chục ngàn tỉ nữa để đóng thêm tàu đánh cá thì lại là việc cần tính thêm. Tính thêm chính là ở chỗ phải sử dụng các cỡ tàu thuyền hiện có, bố trí lại lực lượng tàu thuyền đó phù hợp với các loại nghề nghiệp mà nó sử dụng trong một cơ cấu tổ chức đánh bắt phù hợp nhất. Chỉ nếu nguyên tắc này chúng ta mới sử dụng hợp lí nhất lượng tàu thuyền hiện có, bổ sung một số lượng nhất định tàu thuyền cỡ lớn hơn cho những công việc cần thiết. Nguồn tài chính không thật lớn nữa sẽ dùng vào các mục đích đầu tư nâng cấp một số cỡ tàu thuyền phù hợp (ví dụ tàu 45-90CV) nhằm đáp ứng cho phù hợp với yêu cầu bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, hệ thống thông tin liên lạc, ngư cụ cải tiến...

Để minh chứng cho những điều vừa đặt ra, xin đơn cử vài ví dụ có tính định tính để dễ có sự nhất trí.

Chúng ta dùng một tàu 350CV đánh lưới kéo đáy ở độ sâu 400-500m chắc chắn tàu không kéo nổi lưới với tốc độ cần thiết, vì với động lực này mới chỉ kéo nổi dây cáp  $\phi$  21 dài 1.500-2.000m mà thôi. Nhưng nếu ta dùng tàu 45CV câu cá ở các rạn đá nơi có độ sâu 400-500m thì lại không có vấn đề lớn lắm nếu chúng ta tổ chức 4-5 tàu thuyền cỡ ấy có trang bị hệ thống thông tin liên lạc tốt, tàu được trang bị thêm hệ thống bảo quản cá và tốt hơn nữa có tàu lớn hơn làm nhiệm vụ thu gom sản phẩm để đưa đi tiêu thụ thì các tàu nhỏ này cũng đã ra xa bờ rồi. Cùng với nghề câu, nguồn lợi hải sản Việt Nam thích nghi cả cho những loại công cụ đánh bắt như lồng bẫy - những loại công cụ có tính chọn lựa cao, đánh bắt hải sản có giá trị xuất khẩu lớn, đầu tư ít, đáng được nghiên cứu áp dụng, cải tiến và nâng cao.

Mấy điều nêu trên để bạn đọc cùng nhau suy nghĩ, trao đổi góp phần thiết thực phục vụ cho một mảng quan trọng của nghề cá Việt Nam là hiện đại hoá ngành khai thác hải sản trong thiên niên kỉ mới. ■

**HỒ THỌ**

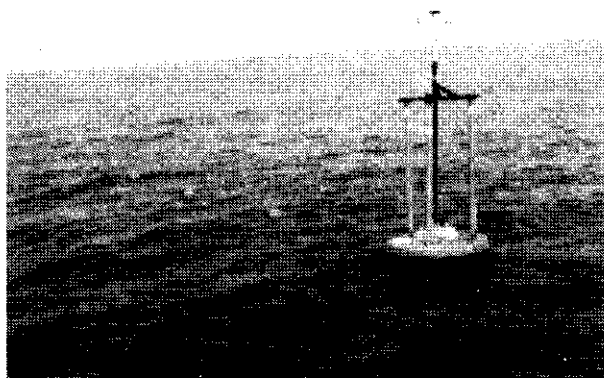
# Hợp tác giữa thủy sản & khí tượng thủy văn

## CẦN SỚM ĐƯỢC NÔI LẠI VÀ NÂNG LÊN TẦM CAO MỚI

Trên thế giới, thủy sản từ lâu luôn gắn rất chặt chẽ với khí tượng thủy văn. Từ xa xưa khi con người chưa có các phương tiện để theo dõi và dự báo khí tượng thủy văn, với những kinh nghiệm đúc kết từ thực tiễn “xem trời, xem nước, xem mây” và có khi được trả giá cả bằng tính mạng và tài sản đã tự đưa ra những dự báo cần thiết và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác về sự xuất hiện của tôm cá để đưa thuyền đến khai thác, cho tàu về bến khi có những dấu hiệu khác thường của thời tiết. Sau này khi ngành khí tượng thủy văn ra đời, sự gắn kết đó càng chặt chẽ hơn.

Với những thông tin dự báo của các cơ quan khí tượng thủy văn đã có tác dụng rất lớn cho hoạt động thủy sản, giúp cho các nhà khoa học có cứ liệu để dự báo ngư trường, nguồn lợi, vì như chúng ta đã biết các giống loài thủy sản là sinh vật rất nhạy cảm với sự biến thiên khác thường của thời tiết khí hậu, nên chúng luôn tìm đến nơi có điều kiện phù hợp nhất để sinh sống. Hàng ngày những thông tin dự báo thời tiết và dự báo bão giúp cho ngư dân yên tâm đưa tàu thuyền ra khơi sản xuất khi thời tiết thuận lợi và khi thông tin dự báo thời tiết xấu (bão, áp thấp nhiệt đới, gió mùa đông bắc có cường độ mạnh) họ đưa tàu thuyền về nơi trú ẩn an toàn hoặc không đi sản xuất. Ngược lại, các ngành kinh tế khác, trong đó có thủy sản cũng góp phần không nhỏ vào kết quả những thông tin do ngành khí tượng thủy văn phát ra. Nhìn ra nước ngoài, không ít nước các đoàn tàu đánh cá đều có biên chế cán bộ khí tượng thủy văn đi kèm để đo đạc, khảo sát các yếu tố khí tượng thủy văn, cùng với các chuyên gia khai thác thủy sản trực tiếp tham gia dự báo ngư trường và với hoạt động trên biển các tàu tham gia bảo vệ các công trình của khí tượng thủy văn.

Việt Nam là quốc gia nằm trong vùng có nhiều bão hoạt động nhất hàng năm, trung bình hàng năm có tới 15 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, ngoài ra chưa kể đông, tố, lốc và vòi rồng thường xuyên hoạt động. Đồng thời Việt Nam cũng là quốc gia có tiềm năng lớn về hải sản. Thời gian qua những kết quả đạt được trong dự báo ngư trường nguồn lợi do các cơ quan khoa học đưa ra, những trận bão tố và những diễn biến khác thường của thời



*Trạm phao đang hoạt động trên biển cần được bảo vệ*

tiết, chúng ta đã hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, trong đó phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của ngành khí tượng thủy văn.

Ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới để có thông tin dự báo khí tượng thủy văn ngày càng chính xác, kịp thời, cần có sự hợp tác giữa ngành khí tượng thủy văn với các ngành khác, trong đó có thủy sản.

Ngay từ những năm đầu của thập niên 60, sự hợp tác giữa bộ phận dự báo và điều tra khảo sát biển của Nha Khí tượng (nay là Tổng cục Khí tượng thủy văn) với Đoàn tàu đánh cá Hạ Long của Tổng cục Thủy sản (nay là Bộ Thủy sản) đã được triển khai, nội dung hợp tác tương đối toàn diện cả trong dự báo phục vụ và cả trong điều tra khảo sát. Hàng ngày Đoàn tàu được nhận trực tiếp các thông tin thời tiết, hoặc dự báo bão, hướng dẫn cách phòng tránh vì vậy trong suốt những năm hợp tác mấy chục con tàu của Đoàn tàu đánh cá Hạ Long hoạt động liên tục trên vịnh Bắc Bộ không bị thiệt hại đáng kể nào do nguyên nhân khí tượng thủy văn. Cũng hàng ngày, bộ phận dự báo và điều tra khảo sát nhận được những thông tin về khí tượng thủy văn do các tàu đo đạc gửi về để bổ sung cho nguồn tư liệu phục vụ dự báo khí tượng thủy văn. Cũng vào thời gian này, mỗi khi có hoạt động lớn trên biển, Tổng cục thủy sản đều có yêu cầu sự phối hợp của Nha Khí tượng, bản thân tác giả bài viết này đã có lần tham gia, như đợt đánh cá vụ Bắc do Tổng cục Thủy sản tổ chức năm 1964 ở Nghệ An-Thanh Hóa là một ví dụ. Việc phục vụ bằng những

thông tin dự báo thời tiết chẳng những giúp ích cho cuộc thi đạt kết quả mà còn giúp cho các dự báo viên khí tượng có điều kiện nắm bắt thực tế để cải thiện nội dung và chất lượng các bản tin dự báo của mình. Sau này khi đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc hoạt động hợp tác này bị gián đoạn.

Sự hợp tác giữa các hoạt động khai thác hải sản và khí tượng thủy văn xuất phát từ những yêu cầu khách quan, đã có tiền lệ tốt đẹp, đã mang lại hiệu quả thiết thực cho cả 2 ngành, ngày nay cần

được tiếp tục duy trì và phát triển đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế xã hội. Với sự phát triển của đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ, đội tàu này ngày càng được trang bị hiện đại, cộng với những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin, điều kiện thực thi cho sự hợp tác đó ngày nay được thuận tiện, nhanh chóng và chính xác hơn nhiều so với trước đây■

**ĐẶNG TRẦN DUY**

**Tổng cục Khí tượng thủy văn**

## Ngày xuân, tìm hiểu

Hiện nay ở Việt Nam, các món ăn chế biến từ thủy sản được lên ngôi và chiếm đa số trong danh sách các món đặc sản tại các nhà hàng và các bữa ăn tiệc của gia đình. Tuy nhiên, còn nhiều món ăn thủy sản nổi tiếng trên thế giới vẫn còn xa lạ với nhiều người. Chúng tôi xin giới thiệu vài nét về những mặt hàng chế biến từ thủy sản này.

**Sashimi:** là món ăn Nhật Bản được làm từ cá có chất lượng cao, phi lê cá được thái lát mỏng từng miếng, ướp lạnh ở 12°C. Sashimi được dùng làm món khai vị, đặt lên đĩa cùng với củ cải thái nhỏ, ăn với mù tạt và xì dầu.

Thông thường sashimi được làm từ các loại cá thịt đỏ, nhất là cá ngừ. Tuy nhiên, các loại cá thịt trắng như cá tráp, bơn v.v, múi và chép hoặc tôm, mực ống, bào ngư cũng được làm sashimi.

**Surimi:** Là mặt hàng chế biến từ thịt cá chủ yếu từ thịt cá trắng như cá tuyết, cá minh thái, cá dừ, cá mối, cá đura, các thịt hải sản khác, hoặc thịt bò, thịt gà... xay nhuyễn. Bán thành phẩm surimi có mùi vị, màu sắc đặc trưng và có độ kết dính vững chắc. Kết hợp với các gia vị, hương liệu khác nhau, chúng được sử dụng làm chất nền

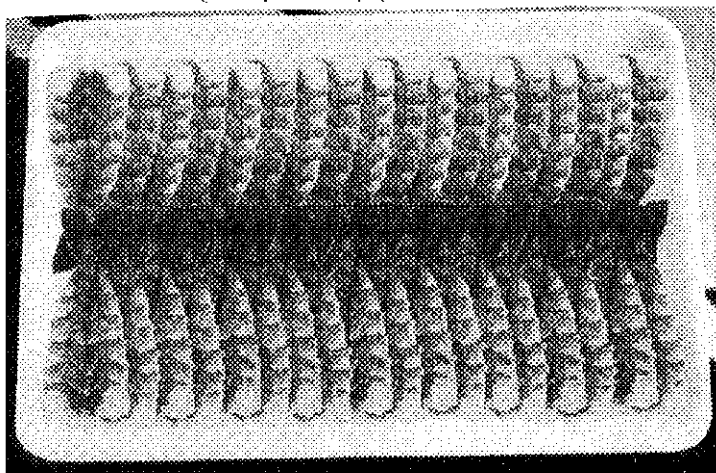
## một số món ăn thủy sản

protein để làm ra nhiều món ăn cao cấp như giả tôm, giả điệp, giả cua, chả cá...

**Sushi:** cũng là một đặc sản làm từ thịt cá hoặc thịt hải sản tươi, thái lát như sashimi nhưng lại chế cùng với các thực phẩm khác thành nhiều món khác nhau như makisushi (hải sản tươi và rau trộn với gia vị cuốn bánh đa nem và bọc bên ngoài bằng rong biển), nigirisushi (bánh bột gạo hình tròn trên đỉnh có hải sản tươi), chirashi-sushi (hải sản tươi, cơm và rau trộn lẫn), chakin-sushi (hải sản tươi gói trong trứng rán và buộc bằng những dải rong biển nhỏ).

**Protein cá tinh lọc** được chiết suất từ bột cá chất lượng cao, ở dạng tinh lọc chúng là một chất không vị, hầu như không có mùi nhưng lại chứa tất cả các axit amin cần thiết cho con người. Protein cá tinh lọc hoàn toàn không chứa chất béo, vì vậy có thể vận chuyển hoặc bảo quản trong thời gian dài mà không cần ướp lạnh. Hiện protein cá tinh lọc được dùng làm thuốc bổ cho người, chỉ cần 10 gam là đã đủ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng trong một ngày đối với trẻ em.

**Agar:** còn gọi là thạch trắng được chiết suất từ rong đỏ (loài rong câu chỉ vàng *Gracilaria verucosa*, *G.blodgettii*...) theo nguyên tắc: rong rửa sạch, xử lý kiềm, tẩy màu bằng dung dịch gia ven, ngâm axit để làm rong trắng và mềm, đem nấu, lọc, để nguội và cắt sợi. Agar có đặc điểm khi hoà nước, đun sôi thì hoà tan nhưng để nguội lại đông lại. Chúng được dùng trong y dược, mỹ phẩm, công nghệ sinh học và thực phẩm, có mặt ở nhiều món bánh, xúp, chè,... ăn ngon và mát. Agar có sản phẩm tương tự là carrageenan■ **NGUYỄN OANH**



Món ăn Sushi chế biến từ tôm

# Thế nào là nuôi thủy sản công nghiệp ?

*LTS: Trong Chương trình phát triển Nuôi trồng thủy sản giai đoạn 1999-2010 vừa được Chính phủ phê duyệt, một trong những nguyên tắc chỉ đạo nêu ra trong Chương trình là “ Nuôi trồng thủy sản phải từng bước được hiện đại hoá, phát triển theo phương thức nuôi công nghiệp là chính...”. Bài viết này giới thiệu bạn đọc thế nào là nuôi công nghiệp?*

Nuôi thủy sản công nghiệp (NTSCN) là phương thức nuôi hiện đại, sử dụng một tập hợp các máy và thiết bị để tạo ra cho đối tượng nuôi có môi trường sinh thái và những điều kiện sống khác tối ưu. NTSCN có diện tích mặt nước nuôi nhỏ, mật độ giống thả cao hơn so với mật độ nuôi ao từ 50 đến 100 lần, chu kỳ nuôi ngắn. Trong NTSCN việc sinh sản và ương ấp giống của các loài không bị hạn chế bởi thời tiết và mùa vụ.

Mỹ và Đức là hai nước có trình độ NTSCN tương đối phát triển, hàng năm đạt từ vài trăm đến hàng ngàn tấn sản phẩm.

Ở Trung Quốc, những năm 70 của thế kỷ này mới bắt đầu nghiên cứu NTSCN. Đầu những năm 80, một số thành phố trung bình và lớn, một số khu công nghiệp khai khoáng của Trung Quốc đã xây dựng các cơ sở NTSCN, chủ yếu là ương nuôi giống và nuôi thương phẩm. NTSCN có một số loại hình chủ yếu sau đây: nuôi theo phương thức lọc tuần hoàn, phương thức cấp nhiệt, phương thức nước chảy hoặc tĩnh, trong đó phương thức lọc tuần hoàn là điển hình nhất. Dưới đây xin giới thiệu một số nội dung NTSCN theo hướng thức lọc tuần hoàn.

Cơ sở NTSCN theo phương thức lọc tuần hoàn bao gồm hệ thống làm sạch nước, hệ thống làm tăng dưỡng khí hoà tan trong nước, hệ thống khống chế nhiệt độ nước, bể nuôi, hệ thống sản xuất thức ăn và nuôi thức ăn tươi sống để cung cấp cho vật nuôi.

**1. Hệ thống làm sạch nước:** Bao gồm nhiều máy và thiết bị, trong đó có bể lọc sinh vật, tháp lọc sinh vật, tháp oxy hoá, thiết bị lọc nước... Thiết bị lọc nước dùng để loại bỏ các chất bài tiết của vật nuôi hoà tan trong nước.

**2. Hệ thống làm tăng dưỡng khí:** Đó là các thiết bị phun nước và sục khí. Khi vận hành các thiết bị đó, lượng oxy hoà tan trong nước sẽ tăng lên.

**3. Hệ thống khống chế nhiệt độ:** Để khống chế hoặc

điều chỉnh nhiệt độ nước trong bể nuôi, các nước đều sử dụng các thiết bị điều khiển nhiệt độ tự động để ghi lại nhiệt độ, cảnh báo về sự thay đổi nhiệt độ nước và thông qua hệ thống điều khiển tự động để điều tiết lượng nước nóng hoặc lạnh nhằm đạt tới yêu cầu tự động khống chế nhiệt độ nước bể nuôi.

**4. Bể nuôi:** Thông thường bể nuôi được xây dựng bằng gạch. Cũng có bể được làm bằng chất dẻo hoặc composite. Diện tích bể nuôi lớn, nhỏ tùy thuộc vào đối tượng nuôi. Ở Trung Quốc, bể lớn rộng tới 100m<sup>2</sup>, nhưng phần nhiều là những bể nhỏ dưới 50m<sup>2</sup>.

Bể nuôi được xây dựng trong nhà xưởng, căn cứ vào đối tượng nuôi, có bể được đặt nơi có nhiều ánh sáng (trên 1.000 lux), thông thoáng nhưng giữ nhiệt tốt. Cũng có bể đặt ở nơi có ánh sáng yếu hoặc tối.

**5. Hệ thống sản xuất thức ăn và nuôi thức ăn tươi sống:** Để đáp ứng yêu cầu chất lượng thức ăn khác nhau cho các giai đoạn nuôi khác nhau và cho các đối tượng thủy sản nuôi khác nhau, các cơ sở NTSCN phải có một tổ hợp các máy sản xuất thức ăn dạng hạt với các cỡ hạt khác nhau. Ngoài ra, để ương nuôi giống thủy sản, các cơ sở còn phải có một tổ hợp các bể, các thiết bị nuôi các loại thức ăn tươi sống như tảo, luân trùng, artemia và giun nước. Nước dùng để nuôi các loài thức ăn tươi sống đòi hỏi phải được chiếu sáng, nhiệt độ ổn định, lượng oxy hoà tan và độ mặn phù hợp.

Tóm lại, NTSCN là một hình thức nuôi hiện đại, mật nước nuôi nhỏ, mật độ vật nuôi dày, sử dụng các máy và thiết bị nhằm cung cấp cho vật nuôi môi trường sinh thái và các điều kiện sống khác tối ưu, làm cho vật nuôi sinh trưởng tốt nhất để trong một thời gian nuôi ngắn đạt các mục tiêu sản xuất và lợi nhuận ■

NGUYỄN VĂN SỬ

Nguồn: Bách Khoa toàn thư Nông nghiệp Trung Quốc

# Nuôi cá nước ngọt ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ 20

Nuôi nước ngọt ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỉ XX chủ yếu phát triển và phổ biến ở khu vực miền Bắc do nguồn cá tự nhiên hạn chế trong khi nhu cầu ngày càng tăng theo nhịp độ phát triển dân số và đô thị. Cho đến đầu thập niên 30, nuôi cá nước ngọt đã trở thành một nghề lan rộng khắp các tỉnh thuộc châu thổ sông Hồng, đến cả những khu vực miền núi phía Tây và phía Bắc.

**Tại đồng bằng sông Hồng**, các loài cá thu vớt và ương nuôi ở miền Bắc xếp theo thứ tự, đứng đầu là cá mè, tiếp đến là các loài cá: trôi, chấy, trắm, chép, vèn và cá mương.

Sự mở rộng nghề nuôi cá có liên quan mật thiết đến một bộ phận dân cư chuyên thu vớt cá bột và ương con giống. Toàn Bắc Bộ, theo tài liệu của Ủy ban kế hoạch Pháp, thời đó có chừng 54 làng cá có cư dân làm nghề này. Ở Hà Tây có 10 làng, tập trung ở huyện Hoàng Long, Thanh Oai, Hoài Đức, Thường Tín; thả cá giống ở Nam định có 2 làng thuộc huyện Duy Tiên, Hà Nam có 1 làng ở Phú Lý, Hưng Yên có 1 làng ở Tiên Lữ, Bắc Ninh có 1 làng ở Thuận Thành...

**Tại vùng núi phía Bắc**, người Thổ có nghề nuôi cá chép ruộng, như ở Cao Mai thuộc tỉnh Phú Thọ. Vào tháng 5 họ đem cá con thả vào ruộng lúa đã be bờ, gốc ruộng có đào hốc sâu để cá ẩn náu

khí thời tiết nóng và để bắt cá. Việc nuôi cá của người Thổ khác người Kinh là không vớt cá bột mà nuôi cá bố mẹ đẻ đẻ trứng, ương con giống, thả nuôi, và thu hoạch, không bán cá giống và cá thịt. Ăn không hề đem phơi khô hoặc làm mắm dùng dần.

**Tại miền Trung**, việc nuôi cá nước ngọt không mấy phát triển, ngoại trừ một vài khu vực ở Thanh Hóa do chịu ảnh hưởng từ miền Bắc.

**Tại miền Nam**, sự phong phú về nguồn cá trong các vực nước và khối lượng cá dồi dào từ Campuchia đổ về thường xuyên khiến cho nông dân không cần nghĩ đến việc nuôi cá. Mãi đến những năm 40 khi nguồn cá ngày càng giảm bớt và số lượng cư dân liên tục gia tăng, ở đây mới bắt đầu thịnh hành nghề nuôi cá nước ngọt. Đối tượng nuôi chủ yếu là cá tra, cá tra giống vớt trên sông sau đó thả vào ao nuôi. Ngoài cá tra, ở Nam Bộ còn nuôi một vài loài cá khác như cá vồ, cá chép.

Tóm lại, đến giữa đầu thế kỉ XX, nghề nuôi cá nước ngọt cũng chỉ phát triển đáng kể ở miền Bắc, ở miền Nam chỉ mới đi những bước đi chậm chững ban đầu, miền Trung xem như chưa có sự thay đổi đáng kể trong tiến trình hình thành nghề nuôi cá ở Việt Nam. ■

M.P

Nguồn: *Nghề nghiệp Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX*

## CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM CỦA BỘ THỦY SẢN

Tiếp theo Quyết định số 709/QĐ-BTS ngày 14/10/1999 về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Bộ Thủy sản (CTQGPCTPS), ngày 7/12/1999 Bộ Thủy sản đã ban hành Quyết định số 877/1999/QĐ-BTS về Quy chế hoạt động của Ban CTQGPCTPS. Quy chế nêu rõ, Ban đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đảng và Bộ trưởng và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Ban chỉ đạo CTQGPCTP của Chính phủ. Quy chế cũng xác định nhiệm vụ cụ thể của Ban, trách nhiệm của các thành viên của Ban và qui định rõ cơ chế hoạt động.

Để triển khai Chương trình, vừa qua tại Hà Nội, và tp. Hồ Chí Minh, Ban chỉ đạo của ngành đã tổ chức học tập quán triệt cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan Bộ về Nghị quyết 09 của Chính phủ, Quyết định 138 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động PCTPS từ nay đến năm 2000. ■



## NGHỀ CÁ NƯỚC NGOÀI

# Nghề nuôi thủy sản Đài Loan

## Bước phát triển về tổ chức - quản lý

**T**ừ xa xưa, nghề nuôi thủy sản của Đài Loan lấy phương thức kinh doanh tổng hợp nông - ngư - chăn nuôi làm cơ sở phát triển. Do tiến bộ khoa học công nghệ và sự thành công của sản xuất con giống các loài thủy sản nuôi, nghề nuôi thủy sản ở Đài Loan dần dần tách ra khỏi phạm trù nông nghiệp trở thành một nghề độc lập. Tuy nhiên về mặt sử dụng tài nguyên của nghề nuôi thủy sản cũng giống như nghề nông, đó là sử dụng đất và nước.

Những năm gần đây, ở Đài Loan nghề nuôi thủy sản đòi hỏi phải có sự thay đổi lớn, để đảm bảo cho việc sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước và bảo vệ môi trường sinh thái, tôn trọng lợi ích của người tiêu dùng, mở rộng thị trường, đồng thời lợi dụng cảnh quan đặc biệt và tài nguyên vốn có, phát triển kinh doanh đa dạng hoá theo hướng phát triển thống nhất với ba chữ S, đó là “sản xuất”, “sinh hoạt”, “sinh thái”.

“Khoa học công nghệ”, “Thông tin tư liệu” và “Nhãn hiệu hàng hoá” là hướng chính để chính quyền Đài Loan đẩy mạnh phát triển nghề nuôi thủy sản.

Với sự giúp đỡ của chính quyền, đến nay nghề nuôi thủy sản ở Đài Loan đã khắc phục được việc dùng nước ngầm quá mức để sản xuất làm lún tầng đất, thay vào đó là nuôi thủy sản trong nước biển thuần nhất, trong nước tuần hoàn hoặc trong lồng lưới trên biển.

Năm 1992, nhằm đáp ứng sự chuyển hoá, chính quyền Đài Loan đã thành lập 42 khu nuôi thủy sản ở 8 huyện với diện tích 12.800ha, diện tích mỗi khu phải từ 200 ha trở lên, bao gồm 9 khu ở 2 huyện ven bờ phía đông, 33 khu ở 6 huyện thuộc ven bờ phía tây và 3 nơi nuôi cá trong lồng lưới trên biển thuộc vùng biển Bình Hồ, Cảng Đông, và Tiểu Lưu Cầu.

Nhằm tiến thêm một bước điều hoà và phối hợp hoạt động của các khu nuôi thủy sản đã được xác lập, năm 1996 Đài Loan đã thành lập Hiệp hội phát triển Khu sản xuất nuôi thủy sản. Hiệp hội có nhiệm vụ và phạm vi phục vụ:

- 1/ Đẩy mạnh thương phẩm hóa sản phẩm thủy sản.
- 2/ Khai phá việc chế biến giữ độ tươi thực phẩm

thủy sản.

3/ Hướng dẫn kỹ thuật phòng trị bệnh.

4/ Cải tiến và đẩy mạnh nghề nuôi.

5/ Phối hợp bảo vệ tài nguyên sinh thái và phát triển nơi nghỉ ngơi tham quan.

6/ Quy hoạch đầu tư ở nước ngoài (chuyển giao công nghệ, kế hoạch, quản lý kinh doanh phát triển).

7/ Nghiệp vụ vận chuyển tiêu thụ giống.

8/ Giúp đỡ xử lý nghiệp vụ thị trường tiêu thụ ở trong và ngoài nước.

9/ Bảo vệ môi trường nước.

10/ Di chuyển ra nước ngoài các doanh nghiệp tương quan.

11/ Xây dựng mạng lưới thông tin sản xuất & tiêu thụ.

Đến nay 42 khu nuôi thủy sản đã xác lập được hệ thống quản lý, tổ chức hoàn chỉnh, có mạng thông tin tư liệu, nắm đầy đủ nhịp độ của sản xuất, đồng thời cải thiện môi trường, điều kiện sản xuất tiêu thụ, tạo môi trường kinh doanh tốt đẹp và không gian phát triển. Qua một số năm hoạt động, Hiệp hội đã hỗ trợ chính quyền bảo vệ tài nguyên nước, đất, tạo nguồn thông tin sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nuôi.

Đi đôi với việc thành lập Hiệp hội, chính quyền cũng tạo cơ hội tái giáo dục cho ngư dân, nâng cao trí năng kinh doanh Xí nghiệp của ngư dân để loại trừ “điểm mù” trong sản xuất và hạ thấp giá thành sản xuất kinh doanh; về mặt tiêu thụ sản phẩm, cơ quan quản lý nghề cá Đài Loan đang nỗ lực hỗ trợ người sản xuất thương phẩm hoá sản phẩm bằng hai loại nhãn hiệu hàng hoá chung là “Hải Yến” và “Ngư Hiệp”, đồng thời giúp đỡ xây dựng hệ thống tiêu thụ trực tiếp ở các nơi đô hội, vận dụng một cách đầy đủ chế độ môi giới để nâng cao độ nhận biết thủy sản trong nước.

Trong tương lai, theo định hướng ở Đài Loan sẽ xây dựng các nơi xử lý, bảo quản bao gói, dán nhãn sản phẩm, xây dựng chế độ, mỗi khu nuôi cá có nhãn hiệu sản phẩm riêng của mình, tăng cường kiểm tra vệ sinh sản phẩm, mở đường tiêu thụ, xây dựng cứ điểm tự tiêu thụ làm cho người dân từ ao sản xuất bước ngay vào thị trường tiến lên làm cho sản nghiệp quốc tế hoá, phát triển mãi mãi kinh tế làng cá ■

HÀ TRANG

## LỆNH CẤM KHAI THÁC VÙNG BIỂN NAM TRUNG HOA CÓ HIỆU QUẢ

Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho biết, lệnh cấm khai thác hải sản ở vùng biển Nam Trung Hoa từ tháng 6 đến tháng 7 năm 1999 đã đưa lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ sinh thái. Theo số liệu thống kê từ tháng 8 đến tháng 9 sản lượng khai thác hải sản tăng 28% so với cùng kì năm ngoái, đạt 766.000 tấn, đồng thời sản lượng tôm tăng lên 30%. Cá và các hải sản có kích cỡ to hơn và đa dạng hơn.

Hot news 3/12/1999

## CÁC ĐỘI TÀU KHAI THÁC Ở VÙNG BIỂN NƯỚC NGOÀI CỦA THÁI LAN

Thái Lan có số tàu khai thác hải sản đại dương rất phát triển, các tàu cá Thái Lan thường đánh ở các vùng biển thuộc Bangladesh, Brunây, Campuchia, Ấn Độ, Indônêxia, Malaixia, Việt Nam và Yemen nhưng không phải tàu nào cũng có giấy phép. Hiện đang có khoảng 2.500 tàu cá Thái Lan hoạt động bất hợp pháp, trong khi số tàu có giấy phép chưa đến 2.000 tàu. Năm 1998, số tàu Thái Lan bị các nước bắt do hoạt động trái phép trên vùng biển của các nước là 162 tàu với 552 thuyền viên, còn năm 1999 có 48 tàu với 350 thuyền viên bị bắt giữ.

Tuy nhiên, Hiệp hội Nghề cá đại dương Thái Lan rất tin tưởng vào tương lai tươi sáng của các đội tàu đánh cá hợp pháp, số tàu có thể tăng lên 3%, nghĩa là trong năm tới sẽ có khoảng 2.000 tàu có giấy phép đánh ở vùng biển nước ngoài. Theo Cục Nghề cá Thái Lan, tổng sản lượng khai thác hàng năm của nước này đạt khoảng 1,3 triệu tấn. Ngư dân Thái Lan luôn tôn trọng các luật lệ và qui định, vì vậy,

theo các nhà chức trách, họ cũng sẽ tuân thủ khi đánh cá ở nước ngoài. Vừa qua, Thái Lan đã có thỏa thuận với Ấn Độ, có thể trong năm tới, Ấn Độ sẽ bổ sung thêm danh sách tàu Thái Lan được phép khai thác ở vùng biển của họ (hiện nay, mới chỉ có một số tàu lưới kéo Thái Lan được cấp giấy phép).

Hot news 7/12/1999

## EU CẤM NHẬP KHẨU CÁ VƯỢC TRẮNG

Liên minh Châu Âu đã ra lệnh cấm nhập khẩu loại cá vược trắng (cá chẽm) từ Đông Phi vì ở Uganda đã xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng.

Theo báo cáo của AFP, 3 đứa trẻ đã bị chết và hơn 80 người bị ngộ độc do ăn cá vược trắng bắt ở hồ Victoria. Chính phủ Pháp đã lập tức tạm thời đình chỉ việc nhập khẩu từ khu vực này và Chính phủ Uganda cũng cấm xuất khẩu. Tuy nhiên, hai nước cũng ở bên bờ hồ Victoria là Kênia và Tanzania lúc đó lại không có hành động gì. Theo kết quả cuộc họp ở Brusel giữa EU và 3 nước liên quan thì lệnh cấm cũng áp dụng với Kênia và Tanzania.

Theo báo cáo của Uganda thì cá bị nhiễm độc do nguồn nước bị nhiễm thuốc trừ sâu và họ đã tiến hành các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên sau cuộc họp tiếp theo giữa Ủy ban thường trực về thú y của EU và 23 đại diện từ Kênia, Tanzania và Uganda nhưng lệnh cấm của EU vẫn không bị dỡ bỏ.

Đây là lần thứ hai, EU cấm nhập cá vược trắng từ các nước trên trong vòng hai năm. Năm ngoái, lệnh cấm là do trong khu vực có dịch tả và được dỡ bỏ vào ngày 30/6/1998.

Infosh 4/1999

## HỘI THẢO TƯ VẤN QUẢN LÝ BẾN VÙNG NGUỒN LỢI HẢI SẢN VÙNG BIỂN THÊM LỤC ĐỊA VIỆT NAM

Dự án Quản lý bến vùng nguồn lợi hải sản (NLHS) vùng biển thêm lục địa Việt Nam (ADB/RI:TA 5766 PROJECT) do Viện NC Hải sản thực hiện, thuộc Dự án Quản lý bến vùng NLHS vùng gần bờ khu vực châu Á, được triển khai tháng 3/1998 đến hết năm 2000, tài trợ chính là Ngân hàng phát triển châu Á.

Gần hai năm triển khai thực hiện (nhóm dự án do tiến sĩ Phạm Thuộc làm nhóm trưởng) đã đạt được một số kết quả trong việc đánh giá NLHS, nghiên cứu cộng đồng/hoạt sinh thái, kinh tế xã hội nghề cá, nghiên cứu chính sách và kế hoạch nghề cá, xây dựng cơ sở dữ liệu nghề cá thuộc các vùng biển.

Những việc làm được so với yêu cầu của Dự án còn nhiều việc phải làm. Để đạt được mục tiêu đề ra, ngày 10/1/2000 Viện NC Hải sản đã tổ chức Hội thảo tư vấn quản lý bến vùng NLHS vùng biển thêm lục địa Việt Nam. Tham dự hội thảo có nhiều nhà khoa học thuộc Viện NC Hải sản, Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Khoa học Việt Nam, Viện KT và QH thủy sản cùng một số cơ quan quản lý thuộc Bộ.

Các ý kiến tư vấn đều cho rằng, để có những cứ liệu khoa học và thực tiễn làm cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch quản lý bến vùng NLHS ở Việt Nam và đóng góp trong quản lý bến vùng NLHS vùng gần bờ thuộc khu vực châu Á cần phải triển khai xây dựng hệ thống thông tin NLHS, các yếu tố môi trường và kinh tế xã hội. Xây dựng những chiến lược thích hợp và kế hoạch hành động để quản lý và phục hồi NLHS vùng nước gần bờ cũng như duy trì lợi ích lâu dài. Tăng cường đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ kĩ thuật trong việc đánh giá và quản lý NLHS vùng nước gần bờ của Việt Nam cũng được đặt ra.



## LỆNH CẤM KHAI THÁC VÙNG BIỂN NAM TRUNG HOA CÓ HIỆU QUẢ

Bộ Nông nghiệp Trung Quốc cho biết, lệnh cấm khai thác hải sản ở vùng biển Nam Trung Hoa từ tháng 6 đến tháng 7 năm 1999 đã đưa lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ sinh thái. Theo số liệu thống kê từ tháng 8 đến tháng 9 sản lượng khai thác hải sản tăng 28% so với cùng kì năm ngoái, đạt 766.000 tấn, đồng thời sản lượng tôm tăng lên 30%. Cá và các hải sản có kích cỡ to hơn và đa dạng hơn.

*Hot news 3/12/1999*

## CÁC ĐỘI TÀU KHAI THÁC Ở VÙNG BIỂN NƯỚC NGOÀI CỦA THÁI LAN

Thái Lan có số tàu khai thác hải sản đại dương rất phát triển, các tàu cá Thái Lan thường đánh ở các vùng biển thuộc Bangladesh, Brunây, Campuchia, Ấn Độ, Indônêxia, Malaixia, Việt Nam và Yemen nhưng không phải tàu nào cũng có giấy phép. Hiện đang có khoảng 2.500 tàu cá Thái Lan hoạt động bất hợp pháp, trong khi số tàu có giấy phép chưa đến 2.000 tàu. Năm 1998, số tàu Thái Lan bị các nước bắt do hoạt động trái phép trên vùng biển của các nước là 162 tàu với 552 thuyền viên, còn năm 1999 có 48 tàu với 350 thuyền viên bị bắt giữ.

Tuy nhiên, Hiệp hội Nghề cá đại dương Thái Lan rất tin tưởng vào tương lai tươi sáng của các đội tàu đánh cá hợp pháp, số tàu có thể tăng lên 3%, nghĩa là trong năm tới sẽ có khoảng 2.000 tàu có giấy phép đánh ở vùng biển nước ngoài. Theo Cục Nghề cá Thái Lan, tổng sản lượng khai thác hàng năm của nước này đạt khoảng 1,3 triệu tấn. Ngư dân Thái Lan luôn tôn trọng các luật lệ và qui định, vì vậy,

theo các nhà chức trách, họ cũng sẽ tuân thủ khi đánh cá ở nước ngoài. Vừa qua, Thái Lan đã có thỏa thuận với Ấn Độ, có thể trong năm tới, Ấn Độ sẽ bổ sung thêm danh sách tàu Thái Lan được phép khai thác ở vùng biển của họ (hiện nay, mới chỉ có một số tàu lưới kéo Thái Lan được cấp giấy phép).

*Hot news 7/12/1999*

## EU CẤM NHẬP KHẨU CÁ VƯỢC TRẮNG

Liên minh Châu Âu đã ra lệnh cấm nhập khẩu loài cá vược trắng (cá chẻm) từ Đông Phi vì ở Uganda đã xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng.

Theo báo cáo của AFP, 3 đứa trẻ đã bị chết và hơn 80 người bị ngộ độc do ăn cá vược trắng bắt ở hồ Victoria. Chính phủ Pháp đã lập tức tạm thời đình chỉ việc nhập khẩu từ khu vực này và Chính phủ Uganda cũng cấm xuất khẩu. Tuy nhiên, hai nước cũng ở bên bờ hồ Victoria là Kênia và Tanzania lúc đó lại không có hành động gì. Theo kết quả cuộc họp ở Brusen giữa EU và 3 nước liên quan thì lệnh cấm cũng áp dụng với Kênia và Tanzania.

Theo báo cáo của Uganda thì cá bị nhiễm độc do nguồn nước bị nhiễm thuốc trừ sâu và họ đã tiến hành các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên sau cuộc họp tiếp theo giữa Ủy ban thường trực về thú y của EU và 23 đại diện từ Kênia, Tanzania và Uganda nhưng lệnh cấm của EU vẫn không bị dỡ bỏ.

Đây là lần thứ hai, EU cấm nhập cá vược trắng từ các nước trên trong vòng hai năm. Năm ngoái, lệnh cấm là do trong khu vực có dịch tả và được dỡ bỏ vào ngày 30/6/1998.

*Infofish 4/1999*

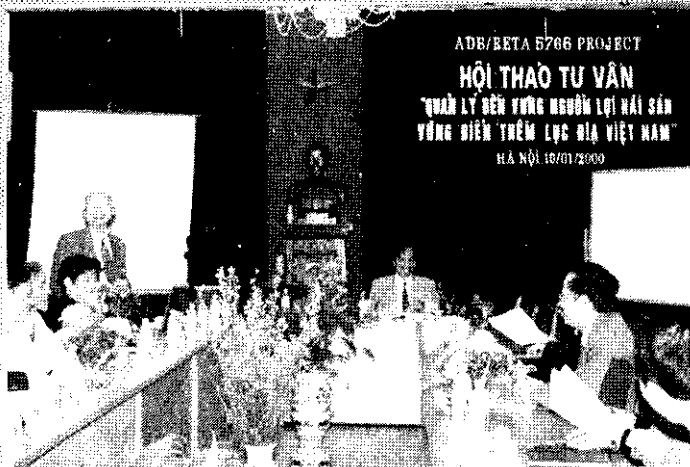
## HỘI THẢO TƯ VẤN QUẢN LÝ BỀN VỮNG NGUỒN LỢI HẢI SẢN VÙNG BIỂN THÊM LỤC ĐỊA VIỆT NAM

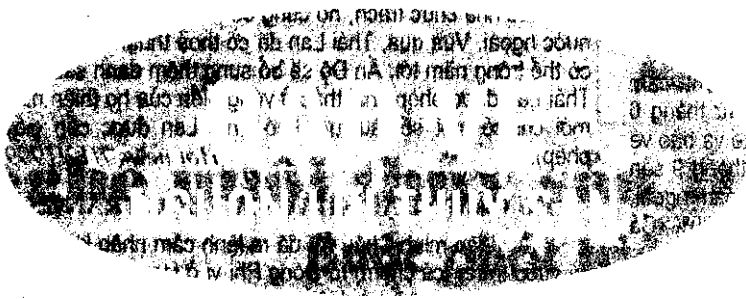
Dự án Quản lý bền vững nguồn lợi hải sản (NLHS) vùng biển thêm lục địa Việt Nam (ADB/BETA 5766 PROJECT) do Viện NC Hải sản thực hiện, thuộc Dự án Quản lý bền vững NLHS vùng gần bờ khu vực châu Á, được triển khai tháng 3/1998 đến hết năm 2000, tài trợ chính là Ngân hàng phát triển châu Á.

Gần hai năm triển khai thực hiện (nhóm dự án do tiến sĩ Phạm Thuộc làm nhóm trưởng) đã đạt được một số kết quả trong việc định giá NLHS, nghiên cứu công đồng/hệ sinh thái, kinh tế xã hội nghề cá, nghiên cứu chính sách và kế hoạch nghề cá, xây dựng cơ sở dữ liệu nghề cá thuộc các vùng biển.

Những việc làm được so với yêu cầu của Dự án còn nhiều việc phải làm. Để đạt được mục tiêu đề ra, ngày 10/1/2000 Viện NC Hải sản đã tổ chức Hội thảo tư vấn quản lý bền vững NLHS vùng biển thêm lục địa Việt Nam. Tham dự hội thảo có nhiều nhà khoa học thuộc Viện NC Hải sản, Viện Hải dương học Nha Trang, Viện Khoa học Việt Nam, Viện KT và QH thủy sản cùng một số cơ quan quản lý thuộc Bộ.

Các ý kiến tư vấn đều cho rằng, để có những cứ liệu khoa học và thực tiễn làm cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch quản lý bền vững NLHS ở Việt Nam và đóng góp trong quản lý bền vững NLHS vùng gần bờ thuộc khu vực châu Á cần phải triển khai xây dựng hệ thống thông tin NLHS, các yếu tố môi trường và kinh tế xã hội. Xây dựng những chiến lược thích hợp và kế hoạch hành động để quản lý và phục hồi NLHS vùng nước gần bờ cũng như duy trì lợi ích lâu dài. Tăng cường đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ kĩ thuật trong việc đánh giá và quản lý NLHS vùng nước gần bờ của Việt Nam cũng được đặt ra.





*Đầu năm Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc thăm, làm việc tại miền Trung  
Ảnh: Bộ trưởng thăm, tặng quà một gia đình ngư dân bị lũ lụt*

**NĂM 1999,**

## **HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN ĐÃ HẠN CHẾ NHIỀU THIỆT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA**

Ngay từ đầu năm, theo dự báo của Trung tâm quốc gia Dự báo Khí tượng Thủy văn, thời tiết năm 1999 có khả năng diễn biến phức tạp. Thực tiễn cũng đúng như dự báo, các cơn lốc, áp thấp nhiệt đới, bão và lũ lụt hoạt động không theo qui luật. Bão, lốc đến sớm hơn mọi năm, diễn biến phức tạp; lũ lụt xảy ra muộn trên diện rộng, có những địa phương lụt đi, lụt lại tới 2 lần gây khó khăn lớn cho việc phòng chống. Tuy nhiên với tinh thần chủ động, biết kết hợp giữa Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn (PCLB&TKCN) Trung ương và Bộ, giữa Bộ với các địa phương, giữa trong và ngoài ngành và sự nỗ lực của lao động nghề cá nên đã hạn chế được nhiều thiệt hại đáng tiếc.

Để chuẩn bị đối phó với thiên tai, ngay từ những tháng đầu năm, trước mùa mưa bão, Bộ Thủy sản đã ban hành chỉ thị

và quyết định thành lập Ban Chỉ huy PCLB&TKCN chuyên ngành. Tiếp

đến Ban chỉ huy PCLB&TKCN của ngành đã xây dựng chương trình hoạt động, mở lớp tập huấn cho cán bộ và ngư dân tại 2 khu vực, phía Bắc ở Hải Phòng, phía Nam ở thành phố Hồ Chí Minh, nội dung tập huấn thiết thực, xoay quanh chủ đề về những văn bản pháp qui, hướng dẫn một số kiến thức cơ bản về chỉ huy, thông tin liên lạc, phương pháp phòng chống, sơ cấp cứu. Ngoài ra để chủ động trong việc cứu nạn nhiều địa phương như Tiền Giang, Sóc Trăng, Quảng Ngãi, Bình Định, Hải Phòng, Cà Mau... đã tổ chức diễn tập theo các tình huống giả định, lấy lực lượng chuyên trách tìm kiếm cứu nạn chuyên ngành làm nòng cốt và có sự phối hợp với các lực lượng khác như: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Biển, Hội Chữ thập đỏ. Kết quả thu được rất khả quan.

Lấy phòng là chính, trong năm 1999 từ Bộ đến các Sở đã tăng cường công tác

kiểm tra. Ở Bộ, tập trung kiểm tra các phương án tìm kiếm cứu nạn, rà soát lực lượng, kiểm tra việc thực hiện tu bổ, sửa chữa nơi trú đậu tránh gió bão cho người và các phương tiện, hệ thống dề, bờ bao ở các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung và các hệ thống thông tin liên lạc, báo bão. Ở các địa phương, tập trung kiểm tra an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, đặc biệt là với khối tàu nhỏ. Nhờ việc tăng cường công tác kiểm tra mà lực lượng PCLB&TKCN được củng cố, hầu hết các địa phương ven biển đã tổ chức được lực lượng xung kích tìm kiếm cứu nạn, nơi trú đậu tàu thuyền được tu bổ sửa chữa, hệ thống thông tin liên lạc được thông suốt, chế độ trực ban, trực chỉ huy được đảm bảo, trang bị các thiết bị an toàn cho người và phương tiện, như phao cứu sinh, bình cứu hỏa, dụng cụ cứu đắm được bổ sung, thay thế. Đến nay về trang bị phao cứu sinh có địa phương đạt trên 80% như Bình Định, ở nhiều địa phương số tàu thuyền của ngư dân trang bị phao cứu sinh được nâng lên.

Với phương châm “4 tại chỗ: lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất và chỉ huy”, khi tình huống xảy ra các địa phương đã thực hiện tốt phương châm này, như lũ lụt ở miền Trung vừa qua làm ví dụ, các địa phương đã huy động 16 tàu kiểm ngư, 510 chiếc tàu của dân đi làm nhiệm vụ cứu nạn, đã vớt được 7 người, cứu được 2 tàu, di chuyển 81.200 người đến nơi an toàn, vận chuyển được 22.000 gói mì tôm, 140 tấn lương thực, 680 lít dầu hỏa, cấp phát cho ngư dân trên 700 phao cứu sinh.

Đi đôi với thực hiện phương châm 4 tại chỗ, việc chi viện cho các địa phương trong PCLB&TKCN cũng làm được nhiều việc. Để cứu trợ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, đợt 1 Bộ đã huy động cấp tập và chuyển bằng hàng không, đường bộ 1.700 phao cứu sinh để ứng cứu. Đợt 2, 1.500 phao cứu sinh và nhiều trăm triệu đồng, cùng nhiều nhu yếu phẩm khác do lao động nghề cá cả nước đóng góp thông qua Quỹ nhân đạo Nghề cá Việt Nam và UBTW Mặt trận Tổ quốc các

cấp. Nhờ sự chi viện kịp thời nên đã phần nào hạn chế được thiệt hại cho ngư dân trong thiên tai và sớm khắc phục hậu quả.

Một điều đáng nói nữa là mối quan hệ phối hợp giữa Ban chỉ huy PCLB&TKCN của Bộ Thủy sản với các địa phương, và với các Bộ, ngành có liên quan ngày càng chặt chẽ, từ việc thông báo tình hình diễn biến bão, lũ, áp thấp nhiệt đới kịp thời đến việc phối hợp tìm kiếm cứu nạn có hiệu quả. Có thể kể ra một số trường hợp: tàu Bình Thuận số BTH 330, công suất 60CV, trên tàu có 12 người bị đắm ngày 13/5/1999 cách đảo Phú Quý 10km, sau khi có thông báo 2 tàu Hải đoàn Cam Ranh và tàu Vạn Hoa 750GK và địa phương cũng huy động 123 tàu phối hợp tìm kiếm, kết quả đã cứu được 12 người, trong đó có 1 người do sức yếu nên đã bị chết. Hoặc trước đó, cơn lốc ngày 7/1/1999 làm chìm 20 tàu, người bị trôi dạt, người được cứu sống, ngư dân tự tổ chức trục vớt; tháng 9/1999, 97 ngư dân Đà Nẵng bị tai nạn trên biển được tàu ST. Michlis cứu vớt đưa vào Qui Nhơn. . .

Bên cạnh những mặt làm được, công tác PCLB&TKCN còn nhiều tồn tại, tồn tại lớn nhất là trang bị các thiết bị an toàn, chủ yếu là phao cứu sinh cho ngư dân của khối tàu dưới 90CV còn thấp, có tính chỉ đạt trên dưới 50%; các cơ sở sản xuất phao cứu sinh chưa được kiểm soát chặt chẽ nên chất lượng phao cứu sinh sản xuất ra ở không ít cơ sở chưa đảm bảo qui chuẩn quốc gia; hệ thống nơi trú đậu cho tàu thuyền phòng tránh bão tố hiện có là dựa vào các bến cá, vụng, vịnh sẵn có, chưa có hệ thống neo đậu phòng tránh bão tố theo qui chuẩn; cán bộ làm công tác PCLB&TKCN, trừ ở Bộ có biên chế, còn lại là kiêm nhiệm, chưa được trang bị những kiến thức đầy đủ nên khi xảy ra bão lụt, sự cố, tai nạn thường giải quyết chậm, hiệu quả không cao.

Năm 2000, để hạn chế thấp nhất thiệt hại do bão lụt gây ra, bảo đảm an toàn cho hoạt động nghề cá, toàn ngành cần sớm khắc phục những tồn tại trên, đưa công tác PCLB&TKCN lên một bước mới■

**ĐỨC TRUNG**

# TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯ DÂN, MỘT NHIỆM VỤ CẤP BÁCH VÀ THƯỜNG XUYỀN

Việc đưa nội dung pháp luật vào thực tiễn cuộc sống thường ngày trong xã hội cũng như đến với mọi người dân là một yêu cầu ngày càng trở nên bức thiết, đòi hỏi phải làm thường xuyên và liên tục.

Văn bản pháp luật sau khi được xây dựng và ban hành thì công tác tuyên truyền phổ biến có ý nghĩa hàng đầu để đưa nội dung của văn bản pháp luật đó đến với cộng đồng xã hội, vì đó chính là nơi tiếp nhận nội dung và thực thi pháp luật.

Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký Lệnh công bố ngày 05/5/1989 và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh được ban hành sau đó đã tạo cơ sở pháp lý cho một lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng về mặt phát triển bền vững nguồn tài nguyên thủy sản của nước ta.

Trong 10 năm qua, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đã được chú ý thực hiện từ trung ương đến các tỉnh thành phố và đến cơ sở nơi có cộng đồng ngư dân sinh sống.

Ở trung ương, hàng năm đều có kế hoạch phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí, xuất bản để có nhiều hình thức như: bài viết, tin, phóng sự trên các báo viết, báo nói của trung ương, có bản tin, phóng sự, phim tài liệu phát trên sóng của Đài Truyền hình Việt Nam; các nhà xuất bản có các ấn phẩm như sách, áp phích, tờ bướm; tổ chức cuộc thi trong đối tượng thiếu niên nhi đồng với nội dung tìm hiểu về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Ở các tỉnh, thành phố, nhiều nơi đã phối hợp chặt chẽ với các báo đài, cơ quan xuất bản của địa phương để có nhiều hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến Pháp



*Tọa đàm về tuyên truyền và phổ biến pháp luật về thủy sản với lãnh đạo Sở Thủy sản và ngư dân tỉnh Thanh Hóa*

lệnh và văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và lợi thế của các cơ quan này. Để ngư dân hiểu và làm theo pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, nhiều địa phương đã tổ chức các lớp tập huấn, học tập, cuộc họp để phổ biến, một số địa phương còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Ở một số xã, phường làm nghề cá, đài truyền thanh của xã, phường đã có vai trò tích cực trong việc tuyên truyền phổ biến pháp luật về lĩnh vực này cho ngư dân.

Để đánh giá tác động công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản với cộng đồng ngư dân, vừa qua Vụ Pháp chế đã có đợt công tác khảo sát tại các tỉnh Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An và thành phố Hải Phòng. Tại các địa phương trên, đoàn công tác đã có dịp gặp gỡ, trao đổi trong hội thảo với lãnh đạo thành phố Hạ Long, huyện đảo Cát Hải và xã Quảng Tiến, với cán bộ quản lý hợp tác xã, doanh nghiệp thủy sản, với ngư dân và với cán bộ chuyên môn của các sở, với các nhà báo của các địa phương trên.

*(Xem tiếp trang 24)*

# THANH TRA, KIỂM TRA TRÊN BIỂN

## Đã góp phần đưa hoạt động nghề cá Kiên Giang dẫn đi vào nền nếp

Kiên Giang có bờ biển dài 195km, 105 hòn đảo lớn nhỏ, có trữ lượng hải sản lớn, phong phú về chủng loại, nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao, chính vì vậy biển Kiên Giang được xếp vào một trong 4 ngư trường trọng điểm và là ngư trường lớn nhất của cả nước-ngư trường Tây Nam Bộ.

Do trữ lượng lớn, phong phú về chủng loại, hàng năm ở vùng biển này thường xuyên có trên dưới 14.000 phương tiện khai thác hải sản hoạt động. Trong đó, tỉnh xa có khoảng 3.000 phương tiện của các tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre...; tỉnh lân cận có Cà Mau, Bạc Liêu với trên 4.000 phương tiện và tỉnh nhà có trên 7.000 phương tiện. Thêm vào đó vùng biển Kiên Giang là vùng biển tiếp giáp với vùng biển của Thái Lan, Campuchia nên có nhiều tàu thuyền nước ngoài vào khai thác trộm hải sản.

Với lượng tàu thuyền khai thác ở vùng biển Kiên Giang lớn, đi theo đó là cường lực khai thác cao; việc đánh bắt các loài hải sản chưa đến tuổi trưởng thành, các loài hải sản đang trong mùa sinh sản, sử dụng các ngư cụ cấm như đăng, mé, te, xiệp, bóng mực..., các công cụ mang tính hủy diệt như chất nổ, xung điện, chất độc chưa được kiểm soát, dẫn đến những biến động rất đáng lo ngại về nguồn lợi hải sản, đặc biệt là nguồn lợi ven bờ.

Để bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, thực hiện các văn bản của Nhà nước, ngày 24/3/1992 Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Kiên Giang được thành lập, tháng 5/1995 bộ phận Thanh tra thuộc Chi cục được hình thành. Trong quá trình phát triển, đến nay tổng số lực lượng nhân viên Chi cục có 53 người, trong đó trên 65% người

là biên chế chính thức (25 thanh tra viên, 6 kiểm soát viên), đội ngũ này được đào tạo, có trình độ và về cơ bản đảm đương được nhiệm vụ phân công.

Đòi hỏi với việc tăng cường đội ngũ, cơ sở vật chất cho công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động nghề cá trên biển được tăng cường, từ một vài tàu kiểm ngư khi mới thành lập, đến nay đội tàu này đã tăng lên 8 chiếc, 7 chiếc có công suất từ 295-550CV, được trang bị tương đối hoàn chỉnh, như hệ thống thông tin liên lạc, máy định vị hàng hải vệ tinh, máy đo độ sâu, ra đa, ống nhòm, la bàn từ... và 1 chiếc bobo 40CV... có thể nói đội tàu kiểm ngư của Kiên Giang thuộc loại hùng mạnh nhất trong các đội tàu kiểm ngư của cả nước.

Để tăng cường cơ sở pháp lí, ngoài những văn bản của Nhà nước, của các Bộ, ngành, Chi cục đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản hướng dẫn phù hợp với đặc thù của địa phương.

Trong kiểm tra, thanh tra các hoạt động nghề cá trên biển, Chi cục tập trung kiểm tra về quản lí khai thác, quản lí tàu thuyền và sử dụng giấy phép. Trong 8 năm hoạt động kiểm tra, thanh tra trên biển (1992-1999), toàn lực lượng đã phát hiện và xử lí trên 4 ngàn vụ vi phạm các qui định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, trong đó, vi phạm về quản lí khai thác-3.399 vụ, chiếm 79,47% tổng số vụ; tương ứng, vi phạm về quản lí tàu thuyền-850 vụ, chiếm 19,87%, và vi phạm về sử dụng giấy phép-38 vụ, chiếm 0,66%. Trong tổng số vụ vi phạm trên, đã phạt tiền 3.532 vụ, thu nộp ngân sách Nhà nước 3,528 tỉ đồng, chuyển hồ sơ truy tố trước pháp luật 3 vụ sử dụng chất nổ, tịch thu 951 công cụ khai thác trái phép.

Để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trên biển về bảo vệ nguồn lợi thủy sản và kết hợp với bảo vệ hải phận của Tổ quốc, Chi cục đã phối hợp chặt chẽ với Bộ đội Biên phòng tỉnh, cử người sang làm nhiệm vụ thường xuyên tại các tàu kiểm ngư thuộc Chi cục...

Với chủ trương bám biển 24/24 giờ trong ngày, các ngày trong tháng, các tháng trong năm. Để quản lý chặt vùng biển, Chi cục đã chia vùng biển ra từng khu vực để bố trí lực lượng kiểm tra, bảo vệ, lên phương án hoạt động cho từng chuyến biển và phối hợp với những hoạt động khác, nhìn chung hoạt động nghề cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đi dần vào nền nếp, số vụ vi phạm ngày một giảm: *Vi phạm về sử dụng chất nổ, chất độc để khai thác thủy sản từ năm 1996 đến nay không còn nữa.* Đối với nghề phá hoại nguồn lợi ven bờ như nghề cào ven bờ, xiệp, mé, đặc biệt xiệp mé đang giảm mạnh, trong

tương lai gần các nghề này sẽ được loại khỏi danh sách trong các nghề khai thác thủy sản ở Kiên Giang. Các lực lượng di chuyển ngư trường trái phép đến vùng biển Kiên Giang hoạt động cũng được ngăn chặn có hiệu quả. Một điều dễ nhận thấy, qua việc kiểm tra trên biển cũng làm cho người dân có ý thức hơn về pháp luật, về trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Cũng nhờ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sự có mặt thường xuyên của đội tàu kiểm ngư đã góp phần ngăn chặn có hiệu quả tàu thuyền nước ngoài xâm nhập trái phép khai thác trộm hải sản và ngăn ngừa việc trấn cướp các tàu tại các vùng biển lịch sử Việt Nam-Campuchia.

Phần thưởng vừa qua mà Bộ Thủy sản trao tặng cho lực lượng này là minh chứng cho những điều mà chúng tôi nêu trên■

**MINH PHƯƠNG**

= ❁ =

## TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT . . .

(Tiếp trang 22)

Qua các buổi hội thảo, trao đổi thấy nổi lên một số vấn đề sau:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở các địa phương này là rất cố gắng, có nhiều tiến bộ và hình thức khá phong phú, nhưng do điều kiện vật chất còn nghèo, kinh phí khá hạn hẹp nên không thực hiện được thường xuyên và liên tục. Có ý kiến ước ao rằng: “giá mà có được kinh phí tuyên truyền như kinh phí cấp cho công tác truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình...”
2. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua chương trình phát sóng của Đài truyền hình và Đài phát thanh phù hợp với điều kiện sản xuất, đời sống và trình độ học vấn của ngư dân hơn là thông qua báo viết, các ấn phẩm và phổ biến tại các cuộc họp.
3. Việc phối hợp chặt chẽ giữa Sở Thủy sản và các cơ quan chuyên môn của ngành thủy sản với cơ quan báo chí và xuất bản là rất quan trọng trong việc đưa Pháp lệnh đến với

cộng đồng ngư dân. Sở Thủy sản nào có cán bộ được phân công phụ trách việc phối hợp với cơ quan báo chí thì công tác tuyên truyền phổ biến Pháp lệnh được thường xuyên và có hiệu quả cao hơn.

Nhân dân ta, trong đó có người dân làm nghề cá đang phấn đấu “sống và lao động tuân theo hiến pháp và pháp luật”, Luật Thủy sản đang được xây dựng chắc chắn khi được Quốc hội thông qua, Hội đồng Nhà nước công bố sẽ tạo hành lang pháp lý cho ngành thủy sản nước ta phát triển bền vững và hội nhập. Vì thế, đồng thời với việc tuyên truyền phổ biến pháp luật nói chung thì còn phải tổ chức tốt việc tuyên truyền phổ biến Luật Thủy sản cho cộng đồng người làm nghề cá từ những bài học và kinh nghiệm của công tác tuyên truyền phổ biến Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản thời gian qua■

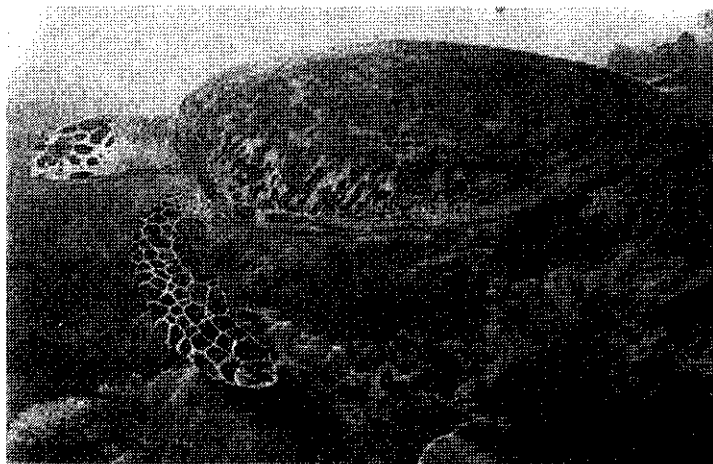
**NGUYỄN TRỌNG BÌNH**  
Phó vụ trưởng vụ Pháp chế

QUỐC TẾ HẢI SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN HẢI SẢN

QUỐC TẾ HẢI SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN HẢI SẢN

QUỐC TẾ HẢI SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN HẢI SẢN

**LTS:** Việc thiết lập các khu bảo tồn biển là bảo tồn đa dạng sinh học, giải pháp hữu hiệu bảo vệ nguồn lợi thủy sản. ở Việt Nam đã có những khu bảo tồn biển đầu tiên như Vườn quốc gia Cát Bà, Vườn quốc gia Côn Đảo. Mặc dù vậy nhưng hệ thống các khu bảo tồn biển chưa được coi là tồn tại chính thức, vì sao?, giải pháp nào để thiết lập duy trì lâu bền các khu bảo tồn biển?



Nguồn lợi hải sản đã và đang đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu thủy sản ngày một gia tăng, dẫn đến tình trạng khai thác không hợp lý và thậm chí mang tính hủy diệt. Một số giống loài thủy sản giảm sút nghiêm trọng, môi trường sống của sinh vật bị suy thoái. Từ 10 năm nay, hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã góp phần ngăn chặn tình trạng này. Tuy nhiên, việc bảo vệ trên diện rộng không thể đạt hiệu quả cao do nhiều lí do về kinh tế-xã hội. Việc thiết lập các khu bảo tồn biển là một giải pháp góp phần duy trì bền vững nguồn lợi thủy sản đã được đặt ra và từng bước được quan tâm nhưng chưa phát huy được hiệu quả trong thực tế và cần được thảo luận không chỉ về chủ trương mà cả về thực tiễn.

**Vai trò của các khu bảo tồn biển với việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

Việc thiết lập các khu bảo tồn nhằm "duy trì các quá trình sinh thái quan trọng và

các hệ thống nuôi dưỡng sự sống, đảm bảo việc sử dụng lâu bền các loài sinh vật, các hệ sinh thái, và bảo tồn đa dạng sinh học". Sự lựa chọn đối với các khu bảo tồn biển cần phải coi tiêu chuẩn sinh thái là quan trọng và quyết định nhất do những đặc thù của môi trường biển (Kelleher & Kenchington, 1991). Quan điểm trên đây cho thấy, mục tiêu của các khu bảo tồn biển không chỉ tính đến nguồn lợi trực tiếp mà quan tâm nhiều hơn đến tính bền vững của môi trường biển. Vì vậy việc xem

xét vai trò của chúng cần được thảo luận trên quan điểm kinh tế - sinh thái.

Bảo tồn đa dạng sinh học đang là vấn đề mang tính toàn cầu và chính là tiêu chuẩn đầu tiên trong lựa chọn các khu bảo tồn biển. Ở vùng biển nhiệt đới khái niệm các khu bảo tồn biển thường gắn với các hệ sinh thái như rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển. Đây là những quần cư có tính đa dạng rất cao và đồng thời đóng vai trò quan trọng cho việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản và duy trì môi trường vùng biển. Kế hoạch hành động đa dạng sinh học của Việt Nam cũng chỉ ra tính cần thiết phải thiết lập các khu bảo tồn biển ở những vùng có tính đa dạng cao vì đây cũng chính là nơi cung cấp nhiều nguồn lợi (Bộ KHCN và MT, 1995).

Các khu bảo tồn biển có vai trò quan trọng đối với nguồn lợi thủy sản, nơi đây phải là nơi sinh sản và ương giống của các loài có giá trị cao. Những loài này có thể thường xuyên sống hoặc chỉ trải qua thời kì sinh sản

trong phạm vi khu bảo tồn. Nhiều sinh vật biển có vòng đời khá phức tạp và mỗi giai đoạn có thể cần một quần cư khác nhau. Vì vậy, tính liên kết giữa các hệ sinh thái có vai trò quan trọng cho việc duy trì nguồn giống cho thủy vực. Nguồn giống này sẽ được phát tán đến những vùng biển xung quanh theo hướng và cự li khác nhau tùy thuộc vào chế độ dòng lực trong thời kì sinh sản của loài và thời gian tồn tại của giai đoạn ấu trùng. Chính vì vậy, sự bền vững của một nguồn lợi ở một vùng biển, kể cả biển xa cũng có thể phụ thuộc vào hiệu quả của những khu bảo tồn ở vùng gần bờ.

Trước tình trạng khai thác quá mức như hiện nay, các khu bảo tồn biển được thiết lập và quản lí tốt giúp cho nhiều loài sinh vật biển trốn tránh sự huỷ diệt sinh thái. Khái niệm này liên quan đến tập tính của nhiều loài sinh vật biển biết tìm quần cư trú ẩn trong những giai đoạn nhạy cảm của vòng đời và nhờ vậy tránh được thảm họa bị tiêu diệt. Mặt khác, thủy vực của các khu bảo tồn biển là nơi cuối cùng để các loài quý hiếm hoặc bị đe dọa tìm nơi trú ẩn trước hoạt động khai thác ngày càng gia tăng của con người. Các loài có giá trị cao này sẽ tìm được cơ hội phục hồi khi có những nghiên cứu nhằm phát triển giống loài trong tương lai thông qua các hoạt động như nhân giống, nuôi trồng đại trà. Bảo tồn tính đa dạng cũng giúp duy trì các nguồn gen để sử dụng trong công nghệ sinh học nhằm tạo ra những giống loài sinh vật biển có năng suất và chất lượng cao khi điều kiện cho phép.

#### **Hiện trạng các khu bảo tồn biển Việt Nam**

Khu bảo tồn đầu tiên được thiết lập ở Việt Nam vào năm 1962 là Vườn quốc gia Cúc Phương với mục tiêu bảo tồn rừng. Sau đó, nhiều khu bảo tồn tiếp tục ra đời bao gồm cả trên đất liền, ven biển và các đảo trên thềm lục địa nhưng chưa đề cập đến mục tiêu bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Đến năm 1986, Vườn quốc gia Cát Bà được thành lập với 5.400 ha vùng nước. Có thể coi đây là khu bảo tồn có biển đầu tiên của Việt Nam. Tuy vậy, việc quản lí vùng biển hiện nay vẫn là thứ yếu so với quản lí rừng trên đảo. Từ năm 1993, phân vùng bảo tồn đa dạng sinh học biển cũng được đưa vào qui hoạch quản lí của Vườn quốc gia Côn Đảo. Đến nay, sau nhiều năm được quan tâm, hoạt động bảo tồn biển

đang thực sự được chú trọng ở vùng đảo xa này. Các khu dự trữ đang tồn tại trên các đảo khác như Phú Quốc, Cù Lao Chàm, Ba Mùn,... hầu như chưa quan tâm đến biển và nguồn lợi sinh vật biển.

Ở dải ven bờ, hiện đang tồn tại nhiều khu dự trữ với tính chất khác nhau. Trong đó, các khu bảo tồn thiết lập trên cơ sở đa dạng và phong phú của rừng ngập mặn được coi là thực sự quan trọng đối với nguồn lợi thủy sản. Tiếc rằng, sự phát triển của chính nuôi trồng thủy sản đang gây hại trực tiếp cho các khu bảo tồn này. Một số ví dụ có thể dẫn chứng là các khu dự trữ thiên nhiên Xuân Thủy, Cà Mau,... Mặt khác, mục tiêu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và duy trì chất lượng môi trường biển hầu như ít được quan tâm trong các khu bảo tồn đang tồn tại. Các khu bảo tồn ven biển khác như Bắc và Nam Hải Vân, đèo Ca Ý-Hòn Nứa, Bình Châu-Phước-Bửu... với mục tiêu bảo vệ là rừng ven biển và hầu như không đem phần biển vào trong qui hoạch phát triển.

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu đề xuất thiết lập các khu bảo tồn biển đã được nhiều cơ quan quan tâm và đạt được những kết quả ban đầu. Trong đó, 9 khu vực mới đề xuất đã được xếp hạng ưu tiên trong kế hoạch phát triển hệ thống bảo tồn biển và ven bờ thuộc khuôn khổ dự án ADB: 5712-REG. Một số dự án hoặc hoạt động theo mục tiêu bảo tồn thiên nhiên biển đã triển khai như ở Hòn Mun, Cù Lao Cau. Tuy nhiên, nhiều đề xuất còn chưa thuyết phục do thiếu tư liệu khoa học và định hướng. Đặc biệt, những vấn đề liên quan đến quá trình sinh thái, hệ thống nuôi dưỡng sinh vật và tính khả thi trong giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi chưa được quan tâm nhiều. Mặt khác, một số đề xuất thiếu tính đồng bộ do thiếu sự kết hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai. Tính kế thừa không được quan tâm dẫn đến việc có những khu mới đề xuất chồng lấn lên khu bảo tồn đang tồn tại.

Trong hệ thống bảo vệ nguồn lợi thủy sản, một số khu vực biển đã được hoạch định thành các vùng bảo vệ nguồn lợi như vùng biển Mỹ Miếu (Quảng Ninh), Nha Phu (Khánh Hòa), Mũi Né (Bình Thuận), bãi bồi Ngọc Hiển (Cà Mau)... Các vùng này chủ yếu được quản lí bởi các Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

các tỉnh đã góp phần nhất định trong việc chống khai thác quá mức, bảo vệ các hệ sinh thái nhờ ngăn chặn các kiểu khai thác hủy diệt. Tuy nhiên, kiểu hoạt động này chỉ bao gồm các qui định và quản lý hoạt động riêng rẽ mà cụ thể là quản lý khai thác thủy sản, trong khi đó có rất ít hoặc không có sự phối hợp với việc quản lý các hoạt động khác trong cùng vùng biển và lân cận. Việc phân vùng chức năng trong các vùng bảo vệ này cũng chưa được thực hiện. Đây là "cách tiếp cận cũ nhất" trong quan điểm bảo tồn thiên nhiên biển (Kelleher & Kenchington, 1991) và chưa đáp ứng được yêu cầu của các khu bảo tồn biển theo nghĩa thông dụng hiện nay.

Như vậy, hệ thống các khu bảo tồn biển và ven bờ Việt Nam chưa thể được coi là tồn tại một cách chính thức. Các khu bảo tồn đang tồn tại chưa quan tâm nhiều về biển nói chung và nguồn lợi thủy sản nói riêng. Những hoạt động nhộn nhịp gần đây liên quan đến hoạt động này không chỉ cần được khuyến khích mà cũng phải được chấn chỉnh.

#### **Vấn đề và giải pháp**

Mặc dù nhận được nhiều mối quan tâm và những đầu tư nhất định trong nhiều năm qua, việc thiết lập hệ thống bảo tồn biển và ven bờ vẫn còn đối diện với nhiều trở ngại. Điều quan trọng nhất có lẽ là những vấn đề liên quan đến tính định hướng và quản lý ở cấp vĩ mô. Hiện nay, nhiều cơ quan được coi là có liên quan trong việc thiết lập và quản lý các khu bảo tồn biển nhưng chưa có sự phân công trách nhiệm một cách rõ ràng bằng văn bản pháp lý. Một cơ quan mang tính quốc gia nhằm điều phối các hoạt động bảo tồn thiên nhiên biển có thể phát huy được tác dụng trong điều hành hệ thống khu bảo tồn trong phạm vi cả nước.

Quản lý và sử dụng từng khu bảo tồn nên dựa vào tính khả thi, sự kế thừa và đặc trưng nguồn lợi của vùng biển và những hoạt động lân cận. Trong đó, vai trò của các địa phương cần được đề cao. Bộ máy quản lý được thiết lập một cách linh hoạt theo tính chất của vùng và tiềm năng hiện có tại chỗ sao cho phát huy được tính hiệu lực trong bảo vệ môi trường và tài nguyên. Việc phân chia quản lý riêng rẽ theo bộ máy hành chính ngành dọc sẽ hạn chế hiệu quả. Rõ ràng là môi trường biển

không tách biệt thành rừng ngập mặn, thủy vực ven bờ, vùng nuôi tôm... mà chúng là một thể thống nhất theo các qui luật sinh thái và liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, sự hợp tác giữa các cơ quan ở từng địa phương là không thể thiếu được.

Trong tương lai gần cần thiết phải rà soát lại tình hình hoạt động của các vùng hiện đang được bảo vệ dưới mọi hình thức. Để chúng trở thành các khu bảo tồn biển và ven bờ thực sự, việc phân vùng chức năng cần phải thực hiện sau những khảo sát bổ sung và đánh giá hiện trạng. Vùng bảo tồn phải có ranh giới và được quản lý theo các mức độ khác nhau ở các phân vùng chức năng. Đối với các khu bảo tồn biển, vùng đệm là một phân vùng không thể thiếu và được thiết lập dựa trên các quá trình sinh thái của thủy vực.

Nhận thức về bảo tồn thiên nhiên biển đang là vấn đề lớn không chỉ đối với cộng đồng mà cả các nhà quản lý. Phỏng vấn trong khuôn khổ dự án ADB: 5712-REG cho thấy cán bộ môi trường ở nhiều tỉnh ven biển hầu như không có khái niệm đúng về các khu bảo tồn biển. Nhiều cán bộ kiểm ngư của các Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chỉ thuần túy biết rằng cần ngăn chặn khai thác bất hợp lý. Vấn đề bảo vệ môi trường, các khái niệm đa dạng sinh học... hoàn toàn xa lạ đối với họ. Nhiều khi chính họ gây hại cho đa dạng sinh học do thiếu ý thức. Ở cấp quốc gia, quan tâm cho các khu bảo tồn biển cũng chưa tương xứng. Các nhà chính sách chú trọng lớn cho khai thác xa bờ nhưng đầu tư hạn chế cho bảo tồn thiên nhiên ven biển. Trong khi, nguồn giống cho ngư trường xa bờ hầu như được cung cấp từ các thủy vực ven bờ. Vì vậy, một chương trình giáo dục nhận thức cần được tiến hành lâu dài và rộng khắp.

Năng lực quản lý vùng biển cũng là vấn đề cần thảo luận. Các khu bảo tồn hiện tồn tại không chỉ thiếu cán bộ quản lý về số lượng và chất lượng mà còn thiếu tính đa ngành. Vì vậy, việc quản lý không thể đồng bộ và hiệu quả. Hy vọng có ngay một bộ máy quản lý có chất lượng cao không thể khả thi. Giải pháp tốt nhất là phối hợp giữa các lực lượng hiện có với một sự chỉ đạo chung ở từng địa phương. Trang thiết bị quản lý cũng cần được tập hợp lại, tránh tình trạng phân tán như hiện nay.

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, việc quản lý các khu bảo tồn biển không thể tách khỏi sự tham gia của cộng đồng. Cư dân tại chỗ chính là đối tượng gây tác động có hại nhiều nhất cho tài nguyên môi trường biển. Mặt khác, hoạt động bảo tồn biển cũng mang lại cho họ nhiều lợi ích nhất. Hiện tại, các nhà chính sách và qui hoạch ở nước ta ít khi triển khai các kế hoạch theo con đường từ cộng đồng đi lên. Vì vậy, nhiều kế hoạch không ứng dụng được vào thực tiễn dù được đầu tư khá lớn. Một câu hỏi đặt ra là tại sao chưa có chính sách giao biển cho dân quản lý như giao đất rừng.

Duy trì lâu bền hoạt động của các khu bảo tồn biển phức tạp hơn nhiều so với bảo tồn trên cạn. Các dự án chỉ đầu tư trong một số năm đầu, nguồn hỗ trợ sau đó thường bị hạn chế. Trong khi đó chi phí cho hoạt động bảo tồn biển thường rất phức tạp và tốn kém.

## LÀM GÌ ĐỂ QUẢN LÝ VÀ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM BIỂN ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia ven biển, với diện tích mặt biển trên 1 triệu km<sup>2</sup>, giàu tài nguyên. Để phục vụ cho lợi ích của con người, chúng ta đã tác động vào môi trường biển thông qua các hoạt động như phát triển công nghiệp và đô thị; khai thác thủy sản và nông nghiệp; hoạt động giao thông vận tải biển; du lịch ven biển; khai thác dầu khí; thải nước sinh hoạt; phá rừng ngập mặn để nuôi tôm cá, phá rừng đầu nguồn để lấy gỗ, canh tác;... các tác động này do quản lý chưa tốt đã tác động xấu đến môi trường biển.

Ngoài ra, các thiên tai như bão lũ và xâm nhập mặn cũng tác động làm xấu thêm môi trường biển, nơi các giống loài thủy sản đang sinh sống, làm cho nguồn lợi hải sản có nguy cơ cạn kiệt.

Làm gì để môi trường biển được trong sạch,

Việc sử dụng hợp lý khu bảo tồn để mang lại những nguồn thu nhất định là giải pháp từng được áp dụng ở nhiều nơi. Đối với vùng biển nước ta, những hoạt động có thể tiến hành bao gồm du lịch sinh thái và nuôi trồng các loài có giá trị cao trong lãnh thổ các vùng bảo tồn biển. Việc cộng đồng tự mình quản lý các khu bảo tồn nhỏ cũng là một giải pháp. Vấn đề là phải có qui hoạch hợp lý để tránh gây hại cho mục tiêu chính là bảo tồn thiên nhiên.

Với nỗ lực của ngành thủy sản và phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức quốc tế, các cộng đồng ven biển, hy vọng rằng việc thiết lập hệ thống bảo tồn biển và ven bờ sẽ được triển khai có hiệu quả, góp phần vào việc bảo vệ và duy trì bền vững nguồn lợi thủy sản của nước ta.

VÔ SĨ TUẤN  
Viện Hải Dương Học, Nha Trang

bảo vệ và phát triển các giống loài thủy sản ?

Theo kinh nghiệm của các nước và ở Việt Nam cho thấy, việc quản lý, ngăn ngừa ô nhiễm biển được triển khai tốt từ khâu ban đầu bao nhiêu thì tính hiệu quả về kinh tế càng cao bấy nhiêu. Đầu tư cho giảm thiểu ô nhiễm rẻ hơn đầu tư cho xử lý ô nhiễm và cuối cùng, đắt nhất là khắc phục suy thoái môi trường, đền bù thiệt hại khi ô nhiễm đã thoát ra tự nhiên và gây các tác động xấu đến môi trường, sinh vật và cuối cùng tác động đến sức khỏe con người.

Với cách đặt vấn đề như trên, các biện pháp quản lý và ngăn ngừa ô nhiễm biển có thể đưa ra như sau:

1. Khai thác và sử dụng môi trường và tài nguyên biển *cần tiếp cận theo quản lý tổng hợp hay quản lý lồng ghép* và cần được tiến hành từ thực tế, nghĩa là ở *cấp địa phương*. Cách tiếp cận quản lý tổng hợp đã được nhiều nước khác nhau áp dụng và đã đem lại kết quả khả quan. Một trong những khâu của cách quản lý này là xây dựng qui hoạch phân vùng chức năng, lấy tính nhạy cảm sinh thái làm nền tảng để phát triển kinh tế biển. Các kế hoạch phát triển, bố trí mặt bằng và sử dụng tài nguyên của các ngành kinh tế, xã hội sẽ phải tuân thủ qui hoạch phân vùng chức năng

này và qua đó, sự chịu tải về mặt môi trường sẽ được tôn trọng. Biện pháp này có thể coi là biện pháp phòng ngừa ô nhiễm từ nguồn và cần được coi trọng hàng đầu.

2. Tiến hành *đánh giá tác động môi trường* cho bất kì dự án phát triển nào sử dụng và khai thác đới bờ, biển và tài nguyên biển: phát triển cảng; phát triển du lịch; phát triển đô thị; nuôi trồng và chế biến thủy sản; thủy lợi; quai đê lấn biển; phát triển nông nghiệp,... Việc áp dụng đánh giá tác động môi trường sẽ góp phần vào việc điều chỉnh các phương án kinh tế kĩ thuật và áp dụng công nghệ sạch hơn cũng như thiết lập các phương án xử lý chất thải của các hạng mục công trình cụ thể.

3. Từng bước *xử lý ô nhiễm ngay từ các nguồn* gây ô nhiễm công nghiệp, từng bước bắt buộc các cơ sở công nghiệp phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, lắp đặt hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn thải.

4. Khuyến khích các *cơ sở sản xuất tham gia bảo vệ môi trường*, đặc biệt là kiểm toán và giám sát ô nhiễm và qua đó áp dụng các biện pháp quản lí, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, và giảm thiểu chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất.

5. Từng bước xử lý chất thải từ các đô thị, đặc biệt nước thải bằng cách áp dụng các biện pháp xử lý nước thải tập trung, trước khi thải ra các sông.

6. Quản lí tốt hơn nguồn ô nhiễm từ các hoạt động khai thác, vận chuyển, tàng trữ, phân phối và sử dụng dầu khí và các sản phẩm dầu khí. Việc quản lí này được xem xét ở hai mảng công việc, đó là sẵn sàng và ứng phó sự cố tràn dầu và quản lí ô nhiễm rò rỉ từ các hoạt động khác nhau, trong đó đặc biệt cần quan tâm đến hoạt động của cảng và của giao thông vận tải thủy.

7. Xem xét tiến hành các dự án khôi phục môi trường tại các vùng đã bị ô nhiễm nặng. Hiện tượng này bắt đầu xuất hiện ở một số điểm tại các cửa sông, và vùng ven biển nơi có các hoạt động công nghiệp lớn như khai thác than Quảng Ninh, sông Thị Vải...

8. Cần từng bước *thể chế và cụ thể hóa việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường*, Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên

quan khác đối với môi trường, tài nguyên biển và đới bờ. Hiện nay, đối với môi trường và sinh thái biển, chúng ta chưa kịp xây dựng một văn bản pháp qui chung và còn thiếu một số tiêu chuẩn cụ thể để áp dụng cho đối tượng này. Nội dung này cũng khá cấp bách cần được triển khai trong thời gian tới.

9. Ưu tiên *đầu tư cho các dự án môi trường*, như: các dự án về qui hoạch phân vùng chức năng; các dự án về ngăn ngừa, quản lí ô nhiễm; các dự án cải thiện và khắc phục suy thoái môi trường, các dự án về bảo tồn thiên nhiên biển. Cần coi trọng các dự án này như các dự án đầu tư phát triển về kinh tế và xã hội, vì nếu chúng ta không đầu tư ngay từ đầu các dự án môi trường này thì cái giá phải trả cho việc khắc phục ô nhiễm, cải tạo môi trường và bảo vệ quyền lợi cũng như bảo tồn đa dạng sinh học sau này sẽ cao hơn rất nhiều lần cái giá phải đầu tư ban đầu.

10. Để bảo đảm cho nguồn đầu tư lâu dài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, cần từng bước *xây dựng và áp dụng hệ thống phí hoặc thuế* cho khai thác và sử dụng môi trường và tài nguyên biển.

11. *Tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lí về môi trường ở các cấp*, ở trung ương cũng như ở cấp địa phương. Đây cũng là một nội dung quan trọng của những việc cần làm trong quản lí và bảo vệ môi trường biển. Trước mắt nên xem xét hình thành một cơ chế quản lí mềm, dưới dạng Ủy ban/Hội đồng làm thời trực thuộc Ủy ban Nhân dân các tỉnh ven biển để làm cầu nối, điều phối các vấn đề liên ngành trong tỉnh nhằm quản lí và sử dụng hợp lí môi trường và tài nguyên biển. Tăng cường cho công tác quản lí môi trường từ trung ương đến địa phương là một nội dung mà Chỉ thị số 36/CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành TW Đảng đã chỉ ra.

12. Tạo điều kiện để *cộng đồng, nhân dân địa phương tham gia vào quản lí và sử dụng môi trường và tài nguyên biển* rất cần thiết và quan trọng. Bước đi đầu tiên chuẩn bị cho cộng đồng tham gia và quản lí tổng hợp dải ven biển là công tác *tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân dân*. Vai trò của nhân dân tham gia quản lí, khai thác sử dụng

và kiểm tra việc thực hiện luật là rất hiệu quả cần được khuyến khích và tạo điều kiện.

13. Việt Nam đã và sẽ *tham gia và thực hiện có hiệu quả các hoạt động quốc tế và khu vực*, như một số công ước quốc tế và dự án khu vực về môi trường biển và tham gia hoạt động bảo vệ môi trường biển của một số tổ chức quốc tế như UNEP/COBSEA; IMO khu

vực, ICRI, UNESCO, ASEAN,... Các hoạt động quốc tế này là những điều kiện thuận lợi nhiều mặt cho chúng ta trong công cuộc bảo vệ môi trường biển không chỉ cho Việt Nam mà còn góp phần cho cả loài người■

**HỨA CHIẾN THẮNG**  
**Cục Môi trường, Bộ KHCN và MT**

# Năm Rông, *đôi điều về vòi rồng, tổ, lốc*

Vòi rồng cũng như tổ, lốc là những hiện tượng khí tượng “khốc liệt” của thời tiết, chúng thường xảy ra và bằng mắt thường con người có thể nhìn thấy được, đặc biệt đối với ngư dân. Các hiện tượng này hình thành từ những khối mây đông, phát triển mạnh theo chiều thẳng đứng. Những dòng không khí chuyển động thẳng đứng từ dưới lên trên, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, do đó hơi nước trong dòng không khí thẳng đứng ngưng kết tạo thành các khối mây. Khu vực không khí có chuyển động thẳng đứng tốc độ lớn, bắt đầu từ mức thấp và phát triển lên độ cao lớn là môi trường thuận lợi cho các hiện tượng vòi rồng, tổ, lốc xuất hiện.

Có hai nguyên nhân chính tạo ra dòng không khí thẳng, một là khi không khí do tiếp xúc với mặt đệm nóng trở nên nóng hơn và do đó nhẹ hơn không khí xung quanh, chúng bị đẩy lên và tạo thành dòng thẳng, các nhà chuyên môn gọi đây là nguyên nhân nhiệt lực, nguyên nhân thứ hai là khi có các dòng không khí chuyển động nằm ngang cắt chéo nhau, không khí bị dồn ép với nhau nên bị đẩy lên tạo thành dòng thẳng, các nhà chuyên môn gọi đây là nguyên nhân động lực rất thường xảy ra trong khu vực ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, của đường hội tụ nhiệt đới hoặc ở khu vực trước cơn lạnh tức khu vực phía trước gió mùa đông bắc. Dòng không khí thẳng trong thực tế thường là kết quả tác động kết hợp của cả hai nguyên nhân, trên nền nguyên nhân động lực rộng lớn, nơi nào không khí bất ổn định tức có nguyên nhân nhiệt

mạnh, nơi đó sẽ có dòng thẳng mạnh. Khi một khối không khí thẳng lên sẽ để lại khoảng trống bên dưới, không khí xung quanh phải ulla vào thay thế, quá trình đó diễn ra cực nhanh nên sự “ulla vào” đó có thể tạo thành những cơn gió giật mạnh đến vài chục mét/giây, từng đợt liên tiếp nhau gọi là tổ.

Dòng không khí thẳng mạnh cũng là nguyên nhân chủ yếu hình thành các chuyển động xoáy hình ống nằm ngang, tốc độ gió trong xoáy hình ống nằm ngang này có thể từ một vài mét giây đến vài trăm mét giây, với tốc độ lớn như vậy, các phần tử không khí tham gia chuyển động xoáy chịu tác dụng của lực ly tâm rất mạnh do đó bị văng ra xa trục ống xoáy đến mức ở phần trung tâm ống xoáy mật độ không khí rất loãng, áp suất không khí giảm xuống rất nhỏ, nếu khi đó ống xoáy phát triển ra ngoài khối mây, các phần tử mây sẽ bị hút vào ống xoáy tạo thành những “vòi” đen khổng lồ như được mọc ra từ khối mây, nếu đầu các xoáy hình ống phát triển đến mặt đất, cỏ cây, bụi cát hoặc các vật thể khác có thể bị hút vào trung tâm xoáy rồi bốc lên cao, cát bụi bay mù mịt, nếu vật thể bị cuốn hút là nước thì vòi rồng sẽ hình thành, khi cả hai đầu ống xoáy phát triển ra ngoài khối mây và vươn xuống đến mặt đất có thể tạo thành đồng thời hai cơn lốc hoặc hai vòi rồng, chuyển động của không khí trong hai cơn lốc hoặc hai vòi rồng này phải ngược chiều nhau.

Sự cuốn hút của vòi rồng cũng như tổ có thể rất mạnh, đã từng thấy những toa tàu hỏa bị lốc nhấc bổng rồi đưa đi xa hàng chục mét, đã

từng có những đại cổ thụ bị lốc nhỏ bật rễ nâng lên rồi quăng đi xa hàng trăm mét. Các vật thể bị cuốn hút ở nơi này rồi rơi xuống ở nơi khác là nguyên nhân của các hiện tượng lạ đôi khi xảy ra như “mưa cá”, “mưa tôm”, “mưa thóc gạo”. Sức mạnh của vòi rồng cũng như tố nói chung là rất lớn so với sức lực của con người, một túp lều tranh, một căn nhà cấp 4, một con tàu lênh đênh trên biển đều là mỏng manh so với sức mạnh của vòi rồng hoặc lốc, tố, tuy nhiên sức mạnh đó cũng không phải là quá lớn so với những gì con người đã tạo ra, một máy bay tải trọng vài trăm tấn cất cánh nhanh và lao vun vút trên không trung có thể so sánh được với sức mạnh của tố lốc nâng bổng những toa tàu hỏa trên đất liền hoặc lật úp những con tàu lớn ngoài biển khơi, nói như vậy để thấy rằng con người có thể giảm thiểu sự tàn phá của các hiện tượng tự nhiên ấy bằng những cơ sở vật chất do con người tạo ra, tuy nhiên trong khi chưa tạo dựng được những cơ sở vật chất đó thì việc phòng tránh là biện pháp hiện thực và hiệu quả.

Vòi rồng, lốc, tố có thể xảy ra ở mọi nơi, gây ra nhiều thiệt hại, chỉ chưa đến 24 giờ trong các ngày 3 và 4/4/1974 ở nước Mỹ đã xảy ra 148 cơn lốc mạnh làm chết 316 người. Cơn lốc xảy ra kéo dài 3 giờ 30 phút ngày 18/3/1925 ở 3 bang của nước Mỹ đã ghi kỉ lục về tốc độ gió, độ dài vùng bị tàn phá và số người chết (695 người). Ngày 7/8/1987 ở ngoại ô Manila-Philippin một cơn lốc làm mất tích 4 người và nhiều nhà cửa bị tàn phá. Lốc nhấc bổng xe lửa, làm đổ cầu bê tông ở Nghệ An năm 1995. Vòi rồng xảy ra ngày 24/9/1956 ở Thượng Hải-Trung Quốc hút cạn bể chứa 100 tấn dầu,... người ta cũng từng chứng kiến vào năm 1949 một trận mưa tôm cá ở vùng gần biển thuộc Niu-di-lơn.

Vòi rồng, lốc, tố thường xảy ra trên đất liền nước ta trong mùa hè, từ tháng 4 đến tháng 9 hoặc tháng 10, trên vùng biển vào thời gian có bão xa, tức thời gian vài ngày trước khi bão tới, thời gian này, không khí và nước biển đều có nhiệt độ cao, độ bất ổn định nhiệt lực và động lực của không khí đều lớn, chuyển động thẳng đứng có điều kiện phát triển mạnh. Vấn đề dự báo sự xuất hiện của vòi rồng, lốc, tố rất khó khăn, đó là những hiện tượng thời tiết “khó liệt” hiện nay khoa học chưa khám phá được cơ chế hình thành, tồn tại và phát triển của chúng. Tuy nhiên khi nó đã tồn tại thì vấn đề đặt ra là phải theo dõi sự di chuyển của chúng để cảnh báo trước cho cư dân những nơi chúng có thể đi qua phòng tránh kịp thời. Ra đa thời tiết là thiết bị theo dõi từ xa và dự báo trước vài giờ tương đối chuẩn xác sự di chuyển của các hiện tượng vòi rồng, tố, lốc. Mặt khác vòi rồng, lốc, tố là những hiện tượng có thể quan sát được từ xa bằng mắt, nếu phát hiện thấy, con người nên nhanh chóng thoát khỏi các công trình không bảo đảm vững chắc khi thấy tố, lốc còn ở xa trước khi nó tràn đến. Nói chung trong những ngày oi bức, đồng bào đi biển đã nhận được tin báo bão hoặc gió mùa đông bắc dù chúng còn ở xa cũng nên nhanh chóng về nơi trú ẩn an toàn vì trong tình

trạng đó tố, lốc, vòi rồng rất hay hình thành trên biển, không ai đoán biết được chúng sẽ hình thành ở đâu với gió mạnh đến mức nào. Những thiệt hại to lớn đối với đồng bào đi biển tỉnh Thanh Hóa trong áp thấp nhiệt đới tháng 8/1996 chủ yếu là do gặp những hiện tượng này. Trong mọi điều kiện thời tiết, những tàu thuyền đang hoạt động trên biển nên chú ý quan sát và nhanh chóng rời xa khu vực có những khối mây đen chân mây thấp vì ở đó thường phát sinh vòi rồng, lốc, tố với gió mạnh, sóng cao■



Vòi rồng đang hoạt động

**ĐẶNG TRẦN DUY**

# KHEN THƯỞNG 10 NĂM THỰC HIỆN PHÁP LỆNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

## Huân chương Lao động hạng 3:

Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

(Quyết định số 433 KT/CTN, ngày 17/11/1999 của Chủ tịch nước)

## Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ:

### Tập thể:

- Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đà Nẵng
- Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Nam
- Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Cần Thơ
- Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Sóc Trăng
- Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Cà Mau
- Xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- Bộ đội Biên phòng Cà Mau.
- Đồn biên phòng 272, Bộ đội Biên phòng Quảng Nam.

### Cá nhân:

- đ/c Hồ Phó, Chi cục trưởng Chi cục BVNLTS Đà Nẵng
- đ/c Phan Viết Tích, Chi cục trưởng Chi cục BVNLTS Quảng Nam
- đ/c Võ Văn Dũng, Chi cục trưởng Chi cục BVNLTS Sóc Trăng
- đ/c Nguyễn Đại Lượng, P. Giám đốc Sở TS Sóc Trăng
- đ/c Dương Tấn Lộc, P. Giám đốc Sở NN & PTNT Cần Thơ

(Quyết định số 1241/QĐ-TTg, ngày 24/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ)

## Bảng khen của Bộ Thủy sản:

cho 64 tập thể và 124 cá nhân, trong đó: tỉnh Vĩnh Long: 4 tập thể, 2 cá nhân; tỉnh Bình Định: 1 tập thể, 3 cá nhân; tỉnh Trà Vinh: 4 tập thể, 2 cá nhân; tp. Đà Nẵng: 6 tập thể, 3 cá nhân; tỉnh Cần Thơ: 4 tập thể, 6 cá nhân; tỉnh Hà Tĩnh: 2 tập thể, 2 cá nhân; tỉnh Kiên Giang: 1 tập thể, 9 cá nhân; tỉnh Quảng Trị: 4 tập thể, 2 cá nhân; tỉnh Quảng Nam: 2 tập thể, 3 cá nhân; tỉnh Bến Tre: 1 tập thể, 4 cá nhân; tỉnh Thái Bình: 2 tập thể, 3 cá nhân; tỉnh Sóc Trăng: 6 tập thể, 2 cá nhân; tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: 6 cá nhân; tp. Hải Phòng: 9 cá nhân; tp. Hồ Chí Minh: 11 cá nhân; tỉnh Khánh Hòa: 5 tập thể, 3 cá nhân; tỉnh Nghệ An: 4 tập thể, 9 cá nhân; tp. Hà Nội: 3 tập thể, 5 cá nhân; tỉnh Cà Mau: 3 tập thể, 16 cá nhân; tỉnh Thừa Thiên-Huế: 2 tập thể, 8 cá nhân; tỉnh An Giang: 3 tập thể, 4 cá nhân; và Cục BVNLTS: 3 tập thể, 10 cá nhân.

(Quyết định số 902/QĐ-BTS ngày 15/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản).



## TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN PHÁP LỆNH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Tại Hà Nội, ngày 7/1/2000, Bộ Thủy sản đã tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản. Dự hội nghị có 160 đại biểu đại diện cho Văn phòng Quốc hội-Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Chính phủ, Các Bộ, ngành hữu quan, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND các tỉnh, Giám đốc các Sở Thủy sản, Chi cục trưởng Chi cục BVNLTS trong cả nước, lãnh đạo các Cục, Vụ, Thanh tra Văn phòng thuộc Bộ và một số đơn vị trực thuộc Bộ.

Sau khi nghe Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh, ý kiến phát biểu của các nhà quản lý ở trung ương và địa phương, những người trực tiếp làm công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Hội nghị thống nhất nhận định: 10 năm qua, tiếp theo sau Pháp

lệnh, nhiều văn bản liên quan đã được soạn thảo, ban hành, các văn bản hướng dẫn nhìn chung là có hệ thống. Đi đôi với việc ban hành các văn bản qui phạm pháp luật, hệ thống tổ chức được xây dựng và ngày một tăng cường, cơ sở vật chất ngày một hoàn thiện, đội ngũ cán bộ ngày một đông đảo, tinh độ được nâng lên đã góp phần lập lại trật tự kỉ cương trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các giống loài thủy sản.

Trong quản lý các hoạt động nghề cá như: quản lý phương tiện, quản lý khai thác thủy sản, quản lý thú y, quản lý chất lượng con giống đã làm được nhiều việc và phối hợp với các hoạt động khác, với các ngành các cấp nên các hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động làm ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường trường sống của các

loài thủy sản đã được kiểm soát, các hành vi vi phạm pháp luật đã giảm đáng kể. Việc sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản đã giảm rất nhiều, có tỉnh đã giảm 100% so với năm 1990; tốc độ giảm sút nguồn lợi thủy sản ven bờ đã chậm lại, ở một số nơi đã có tín hiệu phục hồi.

Hội nghị cũng cho rằng có được kết quả trên còn phải kể đến sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, UBND các cấp, sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan hữu quan, của các đoàn thể quần chúng, hội nghề nghiệp, các cơ quan thông tấn báo chí cả nước và đặc biệt quảng đại quần chúng tự giác thực hiện.

Bên cạnh những mặt làm được Hội nghị cũng đã nêu lên và phân tích một số khuyết điểm, tồn tại, đó là: Pháp lệnh ban hành đến nay đã tròn 10 năm, do vậy đến nay một số điểm không còn phù hợp cần phải điều chỉnh, bổ sung; việc ban hành Pháp lệnh chưa gắn chặt với cơ chế chính sách; tổ chức chưa đồng bộ, mới được hình thành ở các tỉnh có biển, và một số tỉnh nội đồng, các tỉnh còn lại chưa có tổ chức bảo vệ nguồn lợi thủy sản nên hiệu lực của Pháp lệnh bị hạn chế; một số địa phương chưa thực sự quan tâm nên hiện tượng vi phạm Pháp lệnh ở các tỉnh này là điều đáng lo



ngại, kinh phí cho hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản còn rất hạn chế như cơ sở vật chất, phương tiện còn thiếu, nơi có cơ sở vật chất, phương tiện do thiếu kinh phí nên cũng không phát huy được hiệu quả.

- Hội nghị cũng kiến nghị với Nhà nước:
- Cho phép ngành thủy sản được thành lập tổ chức bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở các tỉnh nội đồng.
  - Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, phương tiện, đào tạo nhân lực đủ mạnh cho lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
  - Cần thành lập Quỹ Tái tạo nguồn lợi thủy sản, nguồn để xây dựng quỹ bằng chính những kết quả của người tham gia khai thác tài nguyên thủy sản.

Những người đang hành nghề bằng những công cụ lạc hậu, nghề cấm chủ yếu là ngư dân nghèo, cần có chính sách để họ có vốn chuyển nghề. Giao mặt nước để dân tự quản lí...

Với các cơ quan hữu quan: cần đưa chương trình giáo dục bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của chúng vào chương trình giáo dục quốc gia. Tăng cường thời lượng các hoạt động BVNLTS trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Với Quốc hội, đề nghị sớm soạn thảo, ban hành Luật Thủy sản, trong đó có bao hàm việc BV & PTNLTS.

● Cũng tại Hà Nội, trước đó, ngày 6/1/2000, trong hoạt động về 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV & PTNLTS, Bộ Thủy sản tổ chức Hội thảo 10 năm thực hiện Pháp lệnh và vấn đề xây dựng Luật Thủy sản.

Trong Hội thảo, các ý kiến phát biểu đã đưa ra và phân tích những hạn chế của Pháp lệnh, từ đó thấy tính cấp thiết phải có Luật Thủy sản, luật này phải bao hàm:

- Tạo được khung pháp lý tổng hợp, trên cơ sở đó chi tiết hoá bằng những văn bản dưới luật.
- Thiết kế mô hình quản lí nghề cá phù hợp với đặc thù nghề cá Việt Nam là nghề cá nhân dân và tiếp cận với nghề cá công nghiệp.
- Thể chế hoá các chính sách phù hợp cho nghề cá nước ta hiện nay và trong tương lai.

- Xử lí hài hoà để tránh chống chéo thẩm quyền, chống chéo các qui định của những văn bản qui phạm pháp luật hiện hành của nước ta.

### GẶP MẶT ĐẦU NĂM VỚI CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ

Ngày 21/1/2000, tại Hà Nội, Cục BVNLTS gặp mặt đầu năm với các cơ quan báo chí. Trong buổi gặp mặt, Cục trưởng Cục BVNLTS Nguyễn Văn Châu cảm ơn các cơ quan báo chí về sự đóng góp hiệu quả trong việc tuyên truyền về ngành thủy sản nói chung và công tác bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loại thủy sản, về phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá nói riêng. Nội dung tuyên truyền sâu sắc, hình thức phong phú, đa dạng. Sự đóng góp đó đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy ngành thủy sản phát triển, trong việc bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản.

Trong năm 2000, Cục trưởng đề nghị các cơ quan báo chí có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong việc tuyên truyền về BVNLTS, Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản, tuyên truyền về thực hiện Nghị định 72/1998/NĐ-CP về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn.

Trong buổi gặp mặt, nhiều phóng viên báo chí đã cảm ơn Cục tổ chức buổi gặp mặt này và mong nhận được sự hợp tác có hiệu quả hơn nữa của Cục để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao.

*Trang BVNLTS có sự cộng tác của Cục BVNLTS*

## NĂM 2000

# NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NGƯ

Năm 1999 mặc dù có nhiều khó khăn nhưng toàn ngành đã giành được thắng lợi rực rỡ. Tạo nên thành tích chung đó có sự đóng góp của hoạt động khuyến ngư, khuyến ngư trong nuôi trồng thủy sản là điểm nổi bật nhất trong năm qua.

Mô hình nuôi tôm sú thâm canh áp dụng phương pháp ít thay nước, ngoài các mô hình của địa phương, 8 mô hình do Khuyến ngư TW chỉ đạo tại Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hoà, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ninh, hầu hết các mô hình cho năng suất và hiệu quả cao: Tại Phú Yên, nuôi trên diện tích 1,3ha, cho năng suất 3,84 tấn/ha/vụ, lãi 396 triệu đồng; tương ứng tại Khánh Hoà là 0,4ha, 8 tấn/ha/vụ, 226 triệu đồng; tại Hải Phòng là 3800 m<sup>2</sup>, 3,8 tấn/ha/vụ, 35 triệu đồng; tại Quảng Nam cho năng suất 2,25 tấn/ha/vụ; Đà Nẵng 3,3 tấn/ha/vụ...

Mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh cũng cho kết quả khả quan, tại Cà Mau, nuôi trên diện tích 0,4ha, cho năng suất 2 tấn/ha/vụ, lãi 29,5 triệu đồng; Nghệ An đạt năng suất 1,5 tấn/ha/vụ, Hải Phòng 1,4 tấn/ha/vụ, Quảng Bình 1,13 tấn/ha/vụ và đều có lãi...

Các mô hình nuôi cá cho kết quả tốt, mô hình nuôi sen, luân canh với lúa đều đạt chỉ tiêu đề ra, có hiệu quả rõ rệt so với chuyên canh cây lúa, đặc biệt là ở những chân ruộng trũng cấy lúa bắp bệnh.

Các mô hình nuôi cá trong lồng trên biển ở Quảng Ninh, Hải Phòng bước đầu đã có lợi nhuận.

Ngoài xây dựng các mô hình nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao, Khuyến ngư TW phối hợp với 19 tỉnh miền núi và 9 tỉnh có núi, xây dựng ở mỗi tỉnh 1 mô hình với qui mô nhỏ phù hợp với kinh tế từng địa phương cũng cho kết quả khá. Các mô hình nuôi cá rô phi, cá chép lai cho năng suất 3,4 – 6,8 tấn/ha.

Từ kết quả các mô hình như đã nêu trên đã góp phần thúc đẩy phong trào nuôi trồng thủy sản trong cả nước phát triển.

Để chuyển tải các kiến thức đến nông ngư dân, năm 1999, Khuyến ngư TW đã phối hợp với các địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội mở 243 lớp tập huấn về chẩn đoán, phòng trị bệnh cho tôm, xử lý

môi trường nước, tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp phổ biến kiến thức về khai thác, nuôi trồng, phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn, khuyến ngư còn đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, trong năm đã xuất bản được 2 đầu sách, 20.000 tờ bướm các loại, xây dựng 2 băng hình, phối hợp với các báo, đài ở trung ương và địa phương chuyển tải hàng ngàn lượt tin bài không chỉ về khoa học công nghệ, các điển hình sản xuất kinh doanh giỏi mà cả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và định hướng của ngành và các thông tin về thị trường, giá cả...

Bên cạnh những mặt làm được, so với kế hoạch đề ra từ đầu năm còn nhiều việc chưa làm được, ở đây các mô hình về sơ chế bảo quản sản phẩm sau thu hoạch trên các tàu khai thác hải sản xa bờ chưa được triển khai đầy đủ; mô hình phòng trị dịch bệnh chưa làm được; chưa tổng kết, giới thiệu các mô hình trình diễn thông qua các hội nghị đầu bờ, một số mô hình triển khai cho kết quả không cao. Do tổ chức chưa được kiện toàn, đội ngũ cán bộ thiếu nên việc nhân rộng các mô hình đã tổng kết bị hạn chế...

Để công tác khuyến ngư phục vụ tốt nhiệm vụ của ngành, năm 2000 cần hướng vào những nội dung chính sau: Tiếp tục triển khai 5 Chương trình khuyến ngư đã được Nhà nước phê duyệt, trọng tâm là phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn của ngành. Trong nuôi trồng thủy sản là xây dựng các mô hình nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao, giá trị xuất khẩu lớn, quan tâm đến các mô hình tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Trong khai thác hải sản là xây dựng các mô hình bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, áp dụng công cụ mới phục vụ cho khai thác hải sản xa bờ, mở rộng điểm xây dựng mô hình về chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục đẩy mạnh tập huấn, hội thảo, truyền truyền. Xây dựng tổ chức đủ mạnh cả ở trung ương và cơ sở. Cuối cùng là tổng kết khuyến ngư 5 năm (1996-2000), xây dựng chương trình khuyến ngư giai đoạn 2001-2005 ■

**MINH PHƯƠNG**

# BƯỚC CHUYỂN BIẾN CỦA NGHỀ NUÔI TÔM TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 1999 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Năm 1999, nghề nuôi tôm tỉnh Bình Định đã đạt được những chuyển biến rõ nét. Bắt đầu là việc chuyển dịch mùa vụ. Qua nhiều năm, bệnh tôm thường xảy ra trên diện rộng tại các vùng nuôi tôm trong tỉnh từ tháng 12 đến tháng 3 dương lịch, ngành đã khuyến cáo bà con chuyển dịch mùa vụ thả tôm chậm hơn (tháng 3-4). Kết quả, tình hình bệnh tôm xảy ra thấp hơn so cùng kì các năm trước (năm 1999 tôm bị bệnh vào vụ 1 chiếm khoảng 10% diện tích nuôi tôm trong toàn tỉnh, so với các năm trước tỉ lệ này giảm được 4-5 lần).

Bên cạnh đó là khuyến khích người nuôi tôm chuyển hình thức nuôi từ quảng canh, quảng canh cải tiến sang nuôi theo hướng bán thâm canh, thâm canh ở những nơi có điều kiện.

Để đưa phương pháp nuôi tiến bộ ra diện rộng, với sự đầu tư của tỉnh, của Bộ, tỉnh đã xây dựng được 13 điểm tại 15 ao nuôi đặc trưng cho các vùng sinh thái trong tỉnh làm hạt nhân để chuyển giao kĩ thuật, qui trình công nghệ cho các hộ, vùng xung quanh. Ngay trong năm đầu thực hiện đã thu được kết quả: 7 mô hình trên 9 ao nuôi đạt năng suất 1-5 tấn/ha/vụ, trong đó 3 ao đạt 1-1,5 tấn/ha/vụ, 3 ao đạt 2-3 tấn/ha/vụ, 3 ao đạt 3-5 tấn/ha/vụ. Đây là các năng suất nuôi đạt cao nhất của các mô hình điểm từ trước đến nay.

Cùng với kết quả trên phong trào cải tạo ao hồ, áp dụng tiến bộ kĩ thuật cũng phát triển. Trên 30% diện tích nuôi tôm trong tỉnh được đầu tư ngăn nhỏ, nâng cấp bờ ao để nuôi thâm canh. 10% diện tích được đầu tư nâng cấp, trang thiết bị máy quạt nước, sục khí để nuôi tôm bán thâm canh, thâm canh theo phương pháp ít thay nước. Nhiều vùng khác, dân đã áp dụng qui trình kĩ thuật nuôi chặt chẽ hơn trong chuyển dịch mùa vụ, cải tạo ao, cho ăn thức ăn công nghiệp, quản lí môi trường... Kết quả, năng suất và sản lượng tôm nuôi của nhiều hộ, vùng trong tỉnh tăng lên rõ rệt. Dự kiến sản lượng tôm nuôi trong toàn tỉnh năm 1999 đạt khoảng 1.500 tấn, tăng 36,4% so với năm 1998.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nghề nuôi tôm trong tỉnh vẫn còn những khó khăn, tồn tại:

Do đặc điểm hệ thống thủy lợi phục vụ cho nghề nuôi tôm chưa có, nên nguồn nước ở nhiều vùng chưa chủ động. Nhiều ao nuôi thiếu nguồn nước ngọt pha đầu trong các tháng nắng nên độ mặn nhiều ao tăng lên đến 35-45‰, kèm theo nhiệt độ nước tăng cao làm tôm chậm lớn, còi cọc; nhiều ao nuôi tôm bị bệnh.

Đầu tư kĩ thuật nuôi tôm theo phương pháp bán thâm canh, thâm canh của nhiều hộ chưa thực hiện đồng bộ-một mặt do hạn chế về trình độ kĩ thuật-quản lí điều hành hệ thống ao nuôi thâm canh, mặt khác do điều kiện cơ sở ao nuôi chưa đủ tiêu chuẩn kĩ thuật, hoặc do hộ nuôi chưa đảm bảo đủ khả năng vật tư, tiền vốn cho vụ sản xuất, vì thế đã xảy ra tình trạng thả giống với mật độ khá cao (20-30 con/m<sup>2</sup>) khi điều kiện mực nước trong ao chưa đảm bảo, thiếu các trang thiết bị khuấy đảo nước, thiếu tiền mua thức ăn cho tôm... Vì vậy đã dẫn đến tình trạng tôm chậm lớn, phân đàn, có trường hợp tôm bị bệnh và chết hàng loạt...

Để khắc phục tồn tại trên, thực hiện đề án của tỉnh về "Phát triển nuôi tôm theo hướng thâm canh-công nghiệp giai đoạn 1999-2010" tỉnh đã ban hành một số chính sách ưu đãi cho nghề nuôi tôm như đầu tư cho qui hoạch phát triển nuôi tôm; xây dựng và nâng cấp các trung tâm sản xuất giống tôm sạch, trung tâm kiểm nghiệm tôm giống; tăng cường hệ thống tổ chức khuyến ngư thông qua việc hình thành các trạm khuyến ngư đặt tại các vùng nuôi tôm trọng điểm; đầu tư tăng cường cho các hoạt động khuyến ngư, khoa học kĩ thuật trên lĩnh vực nuôi tôm; tăng nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm, các dự án phát triển các vùng nuôi tôm chuyên canh tập trung...

Những kết quả đạt được bước đầu của nghề nuôi tôm tại tỉnh cùng với các chính sách đầu tư phát triển nghề nuôi tôm của tỉnh và của cả nước, nghề nuôi tôm tỉnh Bình Định tin chắc sẽ phát triển theo hướng nuôi công nghiệp, bền vững tạo ra khối lượng hàng hoá lớn phục vụ cho xuất khẩu ngay trong những năm đầu của thế kỉ 21. ■

NGUYỄN THỊ LIÊN

## Phát triển nuôi cá ba sa thương hiệu

Trước năm 1998, sản phẩm cá tra, cá ba sa chưa xác lập được vị trí trên thị trường cá phi lê, từ 1998 đến nay, sản phẩm này đã có vị trí xứng đáng trên thị trường quốc tế, cung không đủ cầu. Thêm vào đó, từ năm 1996 việc sản xuất giống nhân tạo từng bước được phát triển, đã kích thích nghề nuôi các đối tượng

này phát triển mạnh mẽ. Tên cá ba sa thương hiệu là BASA MEKONG gần như đã được quốc tế hoá, ở Mỹ sản phẩm BASA MEKONG nổi trội hơn cat fish.

Hiện nay ở An Giang mà chủ yếu là ở Châu Đốc, bè nuôi cá san sát 2 bên bờ sông, hàng ngàn bè lớn nhỏ được ngư dân sử dụng ương cá giống và nuôi

cá thịt. Hàng năm cho sản lượng đạt trên 40.000 tấn. Có gia đình sở hữu đến 70 bè, vừa nuôi cá giống vừa nuôi cá thịt, thu hút trên 120 lao động, mỗi năm cung cấp cho thị trường cả nghìn tấn cá thương phẩm.

Bà con ngư dân cho biết, nếu khâu thị trường ổn định và mở rộng thêm thì họ sẽ phát huy nội lực đầu tư phát triển nuôi cá bè nhiều hơn nữa. Để làm được điều này, vấn đề đặt ra là các nhà chế biến xuất khẩu phải hết sức chú ý đến an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng cá phi lê và giữ vững giá cả, tránh cạnh tranh không lành mạnh, làm hỏng uy tín mặt hàng này trên thị trường quốc tế. Hiện nay ngoài 2 tỉnh An Giang, Đồng Tháp, một số địa phương ở ven sông Tiền, sông Hậu cũng đang có những dự án phát triển nuôi cá bè.

Bài viết này chúng tôi đề cập giống như nhiều vấn đề phát triển khác cần được quan tâm vào đúng lúc cao trào của mỗi sự phát triển nhằm góp phần nhìn nhận những tồn tại và đặc biệt quan trọng là xác lập các nguyên tắc có tính định hướng lâu dài cho sự phát triển ổn định, bền vững.

Vấn đề đầu tiên cần quan tâm giải quyết là qui hoạch phát triển phải dựa trên cơ sở thị trường tiêu thụ và cũng đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về môi trường do việc phát triển lượng bè nuôi trên sông (tính toán lượng chất thải của người và đàn cá nuôi) cùng với những yếu tố khác sẽ được nêu ra dưới đây.

Vấn đề cộm nhất hiện nay là tìm vật liệu thay thế gỗ để làm bè, vì gỗ giá thành ngày một cao, chi phí lớn. Bè gỗ vật liệu truyền thống đã ăn rất sâu vào tiềm thức con người. Cái khó ở đây không chỉ là vấn đề cơ lý của loại vật liệu mà chính là nhận thức, chúng ta chưa có những nghiên cứu về vấn đề này.

Khi chúng ta đặt vấn đề nghiên cứu vật liệu thay gỗ để làm bè, ở đây không thể chỉ nghiên cứu khía cạnh vật liệu để hạ giá thành, tuổi thọ cao, mà đi đôi với nó là phải nghiên cứu tìm một hệ thống nuôi mới có hiệu quả kinh tế lớn.

Việc vớt giống tự nhiên ngày càng khó, việc sinh sản nhân tạo đã có bước tiến quan trọng, năm 1995 đã cho sinh sản nhân tạo thành công, từ năm 1996 đến nay giống đã sản xuất mang tính hàng hóa, số lượng năm sau cao hơn năm trước, đã đáp ứng một phần nhu cầu con

giống. Hướng phấn đấu của thủy sản An Giang, đưa sản lượng từ 40.000 tấn/năm hiện nay, lên 80.000 tấn năm 2005. Để đạt sản lượng trên thì nhu cầu con giống rất lớn, đặc biệt là cá ba sa, việc phải làm là tăng lượng đàn cá bố mẹ, đi đôi với nó là tiếp tục nghiên cứu tăng sức sinh sản trên cá thể cá mẹ, vì buồng trứng của loài cá này quá nhỏ.

Vấn đề thức ăn tuy không phải là khó, song cũng chưa phải đã giải quyết ổn thỏa, vì hiện nay người nuôi vẫn thích tự mình sản xuất thức ăn cho bè cá của mình hơn là cho ăn thức ăn công nghiệp. Làm cách này, trên bình diện phát triển tổng thể, vẫn là cách làm chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đó là chưa nói đến tính đúng đắn trong thành phần dinh dưỡng để phù hợp với các giai đoạn phát triển và khi cần phải cho thêm các thành phần bổ xung trị bệnh cho cá. Các hãng sản xuất thức ăn công nghiệp như Proconco, Cargill,... trong sản xuất có thể chưa tính đến các nhu cầu dinh dưỡng đặc thù cho cá ba sa, cá tra và hiện giá còn khá cao cho việc tăng trọng 1 kg cá (thức ăn chiếm trên 70% giá trị 1 kg cá thịt bán cho nhà máy chế biến). Nuôi cá bè với mật độ rất cao (150kg/m<sup>3</sup> nước), tuy dòng chảy khá mạnh song không thể nói là không có dịch bệnh. Đáng mừng hiện nay vấn đề bệnh ít xảy ra. Tuy nhiên nếu phát triển mạnh nuôi các đối tượng này và sản xuất nhiều giống nhân tạo hơn cung cấp cho người nuôi thì phải tính đến nguy cơ dịch bệnh.

Các vấn đề vừa nêu thiết nghĩ cần được đưa vào trong một tổng thể vấn đề để nghiên cứu và xử lý, mặc dù chúng thuần túy khía cạnh kĩ thuật. Tuy nhiên, có vấn đề kĩ thuật nào lại tách rời với các vấn đề về cơ chế chính sách, về xã hội và mối quan hệ con người.

Do vậy, nên chăng phát huy mô hình của Công ti XNK thủy sản An Giang - một mô hình sản xuất khép kín từ con giống, nuôi bè, chế biến và xuất khẩu, đồng thời còn kèm cả ứng vốn đầu tư để phát triển cá bè. Mô hình này cần được nghiên cứu, bổ xung để chương trình nuôi cá bè được hoàn thiện nhằm làm đầu tàu cho sự nghiệp phát triển cá bè trên các triển sông có điều kiện phát triển theo các qui mô khác nhau, với các vật nuôi khác nhau phù hợp với định hướng trong Chương trình phát triển NTTS vừa được Chính phủ phê duyệt mà ngành thủy sản phải tổ chức thực hiện trên qui mô cả nước, cả ở môi trường biển lẫn môi trường nước ngọt.

**HAI HỒ**



*Lồng nuôi cá của đồng bào Thái ở Sơn La*

# ***Phải chăng ở Sông Cầu*** **con tôm hùm đang lên ngôi ?**

Hiện nay huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên có khoảng 4.000 lồng nuôi tôm hùm. Không biết đó có phải là con số cuối cùng chưa, nhưng chỉ sơ bộ ở vài vùng có nghề này đã cho những con số sinh động: Vũng La (Dân Phú 2- Xuân Phương) trên 1.000 lồng, các thôn Từ Nham, Phú Dương, Vinh Hoà (Xuân Thịnh) trên 2.000 lồng, Hoà Lợi, Hoà Thạnh (Xuân Cảnh) 400 lồng..., và còn phải kể đến vài nơi khác cũng thả nuôi tôm hùm như Vũng Chảo (Xuân Phương), Phước Lý (thị trấn Sông Cầu), Mỹ Hải (Xuân Thọ 1)... So với năm 1998, số lồng nuôi tôm hùm năm nay đã tăng gấp 2 lần - một sự tăng vọt mà bất cứ nghề nào trong nuôi trồng thủy sản ở huyện cũng không sánh kịp, kể cả nuôi tôm sú xuất khẩu.

Trước những năm 1990, tại Phú Dương đã có nghề lặn bắt tôm hùm giống, và nơi đây cũng là nơi nuôi tôm hùm thịt đầu tiên của huyện. Hơn 10 năm, con tôm hùm mặc dù được ghi nhận là dễ nuôi, ít bệnh, hiệu quả cao, nhưng lại phát triển khá ỳ ạch. Sau Phú Dương, rải rác có thêm vài thôn ven biển ở thị trấn Sông Cầu, Xuân Phương, Xuân Cảnh... nuôi, nhưng mỗi năm chỉ phát triển thêm được vài ba chục, nhiều là đến trăm lồng. Sau nhiều năm đứng ở mức 1.400-1.500 lồng, từ 1998 đến nay, số lồng tôm hùm đã đột ngột tăng từ 2.000 lên 4.000 lồng. Vì đâu có sự nhảy vọt:

1. Nguồn giống sẵn có ngay tại địa phương: cứ sau mùa mưa, từ tháng 11 âm lịch năm trước đến tháng 3 âm lịch năm sau, người lặn bắt tôm hùm giống tập trung đến vùng ven biển có san hô, mực nước sâu từ 1-3 sải tay để khai thác. Lặn bộ có, lặn nhờ bình oxy có, cả trăm con người vẫy vùng tại các vùng biển Xuân Hải, Xuân Phương, thị trấn Sông Cầu để lặn bắt tôm hùm giống. Tháng 1, tháng 2 âm lịch giống tôm hùm rộ nhất, có ngày 1 người lặn được đến 1-2 trăm con. Ngoài việc lặn bắt để nuôi, nhiều người còn lặn bắt để bán, nên giống tôm hùm không đến nỗi khan hiếm và cũng do lặn bắt ở trong môi trường tự nhiên, nên chất lượng con giống tốt, không như với tôm sú sinh sản nhân tạo.

2. Qui trình nuôi đơn giản: Từ lồng ương, khi tôm đạt 0,5 - 1 lạng/con là chuyển sang lồng nuôi tôm thịt, mật độ 10-12 con/m<sup>2</sup>. Mỗi ngày cho ăn 2 lần vào sáng sớm và chiều mát, thức ăn là cua, ghẹ băm và cá vụn tươi. Vài ngày lặn kiểm tra tôm lột vỏ, hoặc gia cố lại lồng nếu bị rách. Và một điều làm người nuôi yên

tâm là chưa thấy tôm bị bệnh, nên khi tôm đã chuyển sang nuôi thịt là chắc ăn.

3. Vốn đầu tư không lớn: Bình quân làm một lồng có chiều cao 1,5m, rộng 3m hết khoảng 2 triệu đồng, tuổi thọ 5-7 năm, chỉ cần gia cố lại hàng năm sau khi thu hoạch. Thả 50 con giống, nếu phải mua giống, đắt nhất cũng chỉ 4 triệu đồng, rẻ là 1,5 triệu đồng. Thực ra, có tới 2/3 số hộ nuôi tôm hùm là tự lặn bắt con giống. Thức ăn không tốn nhiều. Tính từ A đến Z, sau 1 vụ nuôi, vốn đầu tư cho một lồng tôm chưa tới 10 triệu đồng. Thu hoạch xong, trừ hết chi phí vẫn còn lãi từ 5-6 triệu đồng. Thật "chắc ăn như bắp". Mà đã đầu tư vào nghề nuôi tôm hùm, hộ nào cũng thả từ 2 lồng trở lên.

Tại Vũng La, anh Ngô Văn Thành Tuấn, đã cùng gia đình sắm tới 8 lồng, mỗi năm tích lũy được vài chục triệu đồng. Anh cho biết: "ở Vũng La, nhờ vào nghề này mà từ 1993 đến nay dân trong vùng đã được đổi đời, hết đói khổ, thất học". Hiện tại, hộ nuôi ít nhất cũng 2-3 lồng, còn nhiều tới 10 lồng, toàn xóm có 160 hộ, đã thả nuôi khoảng 1.200-1.500 lồng tôm hùm. ở Từ Nham có 3 anh em ông Nguyễn Mật hùn hạp nhau nuôi tới 5.000 con. Vụ vừa rồi thu lãi 150 triệu đồng/người. Cũng ở đây, có người nuôi tới 3.000 con, trị giá không dưới tỉ bạc. Còn tại Xuân Cảnh, ông Lê Văn Địa cũng vừa thu lãi 80 triệu đồng từ con tôm hùm. Hai vùng nuôi nhiều nhất ở xã là Hoà Thạnh, Hoà Lợi đã phát triển từ 250 lồng/1998, lên 400 lồng/1999, Chủ tịch UBND xã Võ Quyết Thắng khẳng định: "Con tôm hùm hiện đang chiếm ưu thế, mặc dù nghề nuôi tôm sú ở xã phát triển mạnh, hiệu quả cao; nuôi tôm sú lời thì lớn, nhưng đã lỗ thì không thể lường, có khi trắng tay, còn nuôi tôm hùm không lãi nhiều thì lãi ít, hiếm khi bị thua lỗ". Bí thư huyện uỷ Phạm Hữu Nghĩa cho rằng: "Nghề nuôi tôm sú thường rất bấp bênh, hay bị bệnh, con giống chưa kiểm soát được, môi trường nuôi ngày càng bị ô nhiễm, những năm tới không phát triển thêm về diện tích, mà đi vào nuôi thâm canh. Còn nuôi tôm hùm rất có triển vọng, nên đầu tư phát triển nghề này, phấn đấu đạt 7.000 lồng vào năm 2000.

Với ngân hàng, trước đây rất dè dặt cho người nuôi tôm hùm vay vốn, nay thấy hiệu quả và triển vọng đã cho vay khá mạnh. Phải chăng con tôm hùm ở Sông Cầu đang lên ngôi ?!

**THANH HIỀN**

# TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

## TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG

### ƯƠNG 6 (LẦN 2)

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị, trong 2 ngày 22 và 23/1/2000, Ban Cán sự Đảng Bộ Thủy sản đã tổ chức họp kiểm điểm sự chỉ đạo, điều hành của Ban Cán sự và lãnh đạo Bộ (BCS&LDB) trong 3 năm (1997-1999). 27 đồng chí là thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan Bộ đã về dự, đến dự còn có đại diện các Ban của Đảng và Đảng ủy cơ quan Bộ. Đồng chí Nguyễn Tấn Trinh, ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết TƯ 6 (lần 2) đã đến dự và chỉ đạo kiểm điểm.

Các ý kiến phát biểu cho rằng, 3 năm qua, trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn thử thách, BCS&LDB đã đoàn kết nhất trí, thấm nhuần đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước vận dụng vào thực tiễn ngành, phát huy nội lực, mọi nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từng bước đưa ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Về các khuyết điểm, yếu kém nêu trong báo cáo kiểm điểm là nghiêm túc, sâu sắc. Những khuyết điểm, yếu kém xoay quanh các vấn đề về vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong chỉ đạo điều hành chưa thật nhuần nhuyễn; trong công tác tổ chức cán bộ còn nhiều bất cập; kỷ cương làm việc chưa nghiêm, làm hạn chế hoạt động của Bộ, của ngành.

Về phương hướng khắc phục, các ý kiến thống nhất nội dung BCS&LDB nêu ra.

Với những bài học kinh nghiệm trong thời gian qua, với tinh thần trách nhiệm cao của tập thể BCS & LDB và của từng cá nhân, chắc chắn những khuyết điểm, yếu kém từng bước sẽ được khắc phục, lãnh đạo ngành thủy sản phát triển lên bước mới.

## NĂM 2000, TÁM CẢNG CÁ THUỘC DỰ ÁN NÂNG CẤP CƠ SỞ HẠ TẦNG NGHỀ CÁ VIỆT NAM SẼ HOÀN THÀNH

Dự án Nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam bằng vốn vay của ADB, được Chính phủ Việt Nam ký cuối năm 1995, có hiệu lực thực hiện từ 17/4/1996. Qua nhiều bước triển khai, đến tháng 12/1998 và

tháng 1/1999, 7 cảng cá bắt đầu khởi công xây dựng. Riêng cảng cá Phan Thiết và Côn Đảo, do nhu cầu cấp bách, Chính phủ đã cho khởi công xây dựng từ năm 1995. Cảng cá Trần Đề mới được Chính phủ Việt Nam và ADB đồng ý thay thế cảng cá Phú Quý trong năm 1999.

Để đánh giá tiến độ, khối lượng thực hiện năm 1999 và kế hoạch triển khai trong năm 2000, trong hai ngày 10 và 11/1/2000 Bộ Thủy sản đã tổ chức Hội nghị tổng kết.

Hội nghị cho rằng, Dự án được triển khai với qui mô lớn và trải dài trên 10 tỉnh thành phố; đồng thời Dự án được triển khai bằng 2 nguồn, vốn vay của ADB và vốn trong nước; là năm mà điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện Dự án, nhưng tiến độ và khối lượng thực hiện về cơ bản đã đáp ứng mục tiêu đề ra đầu năm. Giá trị khối lượng thực hiện đạt 100,13% kế hoạch (104,025 tỉ đồng), đã được thanh toán đạt 96,29% khối lượng thực hiện (100,176 tỉ đồng). Trong 10 cảng cá, Cảng cá Cát Bà đạt 101,8% giá trị khối lượng (7,947 tỉ đồng), giải ngân đạt 95% khối lượng thực hiện (7,55 tỉ đồng); Cảng cá Cửa Hội, con số tương ứng là 104,1% (7,403 tỉ đồng), 96% (7,113 tỉ đồng). Hội nghị cũng nghiêm túc kiểm điểm những tồn tại trong quá trình triển khai, trong đó nổi lên là kế hoạch đầu tư XDCB, thiết kế kỹ thuật, thi công và giải ngân.

Về triển khai kế hoạch năm 2000 Hội nghị cho

rằng, với những bài học rút ra trong năm 1999 cùng với những giải pháp đồng bộ đã được bàn luận thấu đáo, chắc chắn 8 cảng cá sẽ hoàn thành đúng thời hạn, đó là Cửa Hội, Thuận Phước (tháng 4); Côn Đảo, Xuân Phổ, Cà Mau (tháng 5); Sông Gianh, Cát Bà



(tháng 7); Phan Thiết (tháng 9) và còn lại là Tắc Cậu và Trần Đề đến tháng 9 năm 2001 sẽ hoàn thành.

**QUI CHẾ KIỂM TRA VÀ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THỦY SẢN ĐẠT TIÊU CHUẨN ĐẢM BẢO VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM**

Ngày 3/1/2000, Bộ Thủy sản đã ra Quyết định số 01/2000/QĐ-BTS ban hành Quy chế trên.

Quy chế gồm 7 chương và 30 điều. Chương I: Quy định chung; Chương II: Kiểm tra điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP); Chương III: Cấp, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy chứng nhận; Chương IV: Trách nhiệm và quyền hạn; Chương V: Phí kiểm tra và lệ phí cấp giấy chứng nhận; Chương VI: Khiếu nại, giải quyết khiếu nại và xử phạt; Chương VII: Điều khoản chung.

Quy chế nêu rõ các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh, đó là các cơ sở chế biến, cơ sở đóng gói, cơ sở bảo quản thủy sản dùng làm thực phẩm theo phương thức công nghiệp, đăng ký hoạt động theo luật doanh nghiệp (1). Các cơ sở chế biến, cơ sở sơ chế theo phương thức thủ công, đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; các cơ sở thu gom, cơ sở làm sạch, cơ sở bảo quản nguyên liệu thủy sản; các tàu cá; các cơ sở nuôi thủy sản bán thâm canh, thâm canh, công nghiệp; các chợ bán buôn nguyên liệu thủy sản; các phương tiện cơ giới chuyên dùng để vận chuyển thủy sản (2).

Căn cứ để kiểm tra, chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn VSATTP là các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành và các qui định khác của Bộ Thủy sản về VSATTP. Đối với các cơ sở chế biến, đóng gói thủy sản xuất sang các nước có yêu cầu tiêu chuẩn khác với qui định của Việt Nam, việc kiểm tra, chứng nhận sẽ căn cứ trên các tiêu chuẩn và qui định của nước nhập khẩu được Bộ Thủy sản công nhận và cho phép áp dụng.

Cơ quan kiểm tra, ở Trung ương là Trung tâm Kiểm tra chất lượng và Vệ sinh thủy sản, ở địa phương là Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; nếu không có Chi cục thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định. Cơ quan chứng nhận, ở Trung ương là Bộ Thủy sản, ở địa phương là các Sở quản lý thủy sản.

Các hình thức kiểm tra gồm có: kiểm tra lần đầu, kiểm tra lại, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và thăm tra. Tần suất kiểm tra định kỳ: Đối với các cơ sở theo (1), loại A-2 lần/năm, loại B-4 lần/năm, loại C-12 lần/năm, loại D-24 lần/năm. Đối với các

cơ sở theo (2), loại A-1 lần/năm, loại B-2 lần/năm, loại C-6 lần/năm, loại D-12 lần/năm...

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP THỦY SẢN Ở QUẢNG NINH**

Theo đề nghị của Sở Thủy sản Quảng Ninh, năm 1999 ngành có 1 doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt đưa vào diện cổ phần hoá, 2 doanh nghiệp bán cho CBCNV. Đến nay Xí nghiệp CBTS Cái Rồng-Vân Đồn, Xí nghiệp CBTS Đại Yên-Hoành Bồ đã thành lập ban chỉ đạo CPH, đánh giá tài sản của doanh nghiệp, lên phương án bán, lập danh sách CBCNV mua, báo cáo ban CPH của tỉnh. Đến quý 1/2000 thực hiện xong việc bán doanh nghiệp.

Công ti XKTS Quảng Ninh là doanh nghiệp CPH năm 1999. Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp tỉnh và Công ti đã triển khai các bước theo kế hoạch, phần lớn các công việc bước đầu đã triển khai xong: Thành lập Ban chỉ đạo CPH, kiểm toán-kế toán tài chính của Công ti để chuẩn bị cho việc đánh giá giá trị tài sản. Đến hết quý 1/2000 Công ti hoàn thành cơ bản các việc cho CPH. Đầu quý 2/2000 Công ti sẽ ổn định và sản xuất theo Luật Công ti cổ phần.

Không Khí sản xuất của 3 doanh nghiệp ổn định, CBCNV phấn chấn, tin tưởng, giá trị sản xuất, kim ngạch xuất khẩu của Công ti xuất khẩu thủy sản vẫn được tăng trưởng 5-8%. Các chỉ tiêu khác đạt vượt kế hoạch.

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG TÂM CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Với nguồn vốn vay từ Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia trên 82 tỉ đồng, đầu năm 2000 Tổng công ty thủy sản Việt Nam khởi công xây dựng Trung tâm chế biến thủy sản xuất khẩu tại Khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Chánh, tp. Hồ Chí Minh. Trung tâm được xây dựng trên diện tích 26.650m<sup>2</sup>, đến hết năm 2001 sẽ sản xuất trên 6.000 tấn thành phẩm có chất lượng cao, gồm các hạng mục: tổng kho bảo quản đông lạnh 2.000 tấn (-25°C); xưởng chế biến đông lạnh thủy hải sản thô 2.850 tấn thành phẩm năm, xưởng thủy sản tươi sống 150 tấn thành phẩm năm, đặc biệt là xưởng chế biến đông lạnh thủy sản có giá trị gia tăng 3.300 tấn thành phẩm/năm. Dự kiến sẽ sử dụng trên 1.000 lao động có tay nghề cao ■ *Trang tin có sự cộng tác của PĐ, TXC, ĐT, VH*

## HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

### CAFATEX, đơn vị dẫn đầu các doanh nghiệp

### chế biến xuất khẩu thủy sản của cả nước

Tháng 6/1992, tỉnh Hậu Giang được chia tách thành 2 tỉnh là Cần Thơ và Sóc Trăng, đi cùng với việc chia tách đó, tháng 7/1992 Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Cần Thơ được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp chế biến đông lạnh thủy sản 2 thuộc Liên hiệp công ti thủy sản Hậu Giang, nay là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cần Thơ, Xí nghiệp có thương hiệu là CAFATEX (Can tho Animal fishery products processing export Enterprises).

Bộn bề khó khăn sau khi thành lập lại, cơ sở vật chất xuống cấp do nhiều năm không được đầu tư sửa chữa, trang thiết bị máy móc lạc hậu trong khi thị trường đòi hỏi chất lượng sản phẩm ngày một cao, sản phẩm Xí nghiệp làm ra đơn điệu, chủ yếu là đông lạnh dạng block nên sức cạnh tranh trên thương trường yếu; thiếu vốn kinh doanh, vốn lưu động không có; trình độ cán bộ quản lý, cán bộ kĩ thuật hạn chế; công nhân hầu hết là lao động phổ thông chưa được qua đào tạo tay nghề đầy đủ. Thêm vào đó, khi chia tách tỉnh, tỉnh Cần Thơ lại không có biển, không có nguồn nguyên liệu tại chỗ, nên Xí nghiệp thường "đói" nguyên liệu, thị trường xuất khẩu chưa được xác lập...

Từ đầu năm 1993, đặc biệt từ năm 1997 đến nay Xí nghiệp nổi lên như một doanh nghiệp điển hình trong lĩnh vực chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước. Nếu như năm 1992, năm Xí nghiệp thành lập lại, giá trị kim ngạch xuất khẩu mới đạt 5,31 triệu USD, năm 1993 sau một năm thành lập lại đã tăng lên 12,34 triệu USD, bằng 232,39% so với năm 1992, tương tự như vậy Xí nghiệp đã đạt 26,57 triệu USD/1994; 28,68 triệu USD/1995; 42,54 triệu USD/1997; 60,49 triệu USD/1998 và 62 triệu USD/1999. Tốc độ tăng bình quân kim ngạch xuất khẩu hàng năm từ 1992 đến 1999 là 57,83%. Về lợi nhuận, Xí nghiệp cũng là doanh nghiệp có mức đạt khá cao, từ 1992 đến 1998 là 65 tỉ đồng, riêng năm 1999 đạt 35 tỉ đồng, bằng 46,15% so 7 năm trước đó cộng lại. Thu nhập bình quân tháng của người lao động không ngừng tăng lên, nếu như năm 1993 chỉ đạt 400.000 đồng, năm 1995 tăng lên 500.000 đồng, năm 1997-918.000 đồng, năm 1998-1,223 triệu đồng và năm 1999 lên 1,383 triệu đồng.

Với thành tích xuất sắc đó, năm 1998 Xí nghiệp được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, năm 1998 được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ luân lưu Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua và cờ của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và nhiều phần thưởng, danh hiệu khác của Nhà nước, Chính phủ, các Bộ, ngành và tỉnh tặng cho Xí nghiệp, cá nhân.

Nguyên nhân nào đã đưa Xí nghiệp vượt qua khó khăn, trở ngại đi lên đạt thành tích xuất sắc, trở thành đơn vị dẫn đầu tỉnh Cần Thơ về doanh số và kim ngạch xuất khẩu từ năm 1994 đến nay, và 3 năm liên tục (1997-1999) về lợi nhuận, tổng thu nhập và là đơn vị dẫn đầu trong các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản của cả nước về kim ngạch xuất và lợi nhuận.

#### PHÁT HUY NỘI LỰC, ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Như phần đầu bài viết này đã nêu, Xí nghiệp gặp khó khăn về tài chính khi mới thành lập lại, để tạo đà cho sự phát triển Xí nghiệp mạnh dạn vay vốn ngân hàng để đầu tư, ban đầu là đầu tư để sửa chữa máy móc thiết bị và có vốn lưu động để hoạt động. Với hiệu quả sản xuất có được, vào những năm tiếp theo Xí nghiệp tập trung đầu tư để mở rộng qui mô sản xuất, đổi mới công nghệ bằng chính nội lực của mình, nếu như năm 1992 tổng nguồn vốn Xí nghiệp quản lý chỉ có 5,008 tỉ đồng, đến năm 1997 tăng lên 37,787 tỉ đồng, năm 1998 là 54,890 tỉ đồng và năm 1999 lên đến 70,890 tỉ đồng. Điều đáng nói ở đây trong tổng nguồn vốn đó, vốn tự bổ sung chiếm tỉ trọng khá cao mà ít doanh nghiệp trong ngành có được, năm 1995 vốn tự bổ sung đạt 84,6%, năm 1997 là 93,6%, năm 1998 là 95,29% và năm 1999 là 96,35%. Việc đầu tư được Xí nghiệp tính toán chặt chẽ, bám sát thị trường, có thể nói Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Cần Thơ đến nay đã là một trong số ít các doanh nghiệp chế biến thủy sản của Việt Nam có công nghệ sản xuất hiện đại và có qui mô lớn không thua kém với những nhà máy chế biến thủy sản cỡ lớn của Thái Lan, Ấn Độ...

Với kết quả đầu tư chiều sâu, mạnh dạn đổi mới công nghệ nên sản phẩm có giá trị gia tăng mà Xí nghiệp gọi là "sản phẩm giá trị gia tăng - tinh chế" chiếm tỉ trọng ngày một cao, nếu như từ ngày đầu thành lập Xí nghiệp đến năm 1995 chỉ có sản phẩm thô truyền thống, chủ yếu là hàng dạng block, từ năm 1996 trở lại đây tỉ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng không ngừng tăng lên: năm 1996 là 12,78%, năm 1997 là 52,03% và đến năm 1999 tăng lên 67%.

#### ĐI LÊN BẰNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, TẬP TRUNG ĐỘT PHÁ THỊ TRƯỜNG CHÍNH

Để đạt được nội dung này, khẩu hiệu hành động của Xí nghiệp đưa ra và kiên trì thực hiện, đó là: "Đề cao chất lượng sản phẩm, giữ chữ tín trong kinh doanh và phục vụ tốt khách hàng". Để có chất lượng sản phẩm tốt, đi đôi với việc đầu tư đổi mới công nghệ, Xí nghiệp cũng là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc áp dụng chương

trình quản lý chất lượng theo HACCP và tiến thêm một bước, hiện nay Xí nghiệp đang triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000. Với việc áp dụng phương pháp quản lý mới, Xí nghiệp luôn được chọn là mẫu hình để các doanh nghiệp trong cả nước học tập. Đi lên bằng chất lượng sản phẩm, sản phẩm của Xí nghiệp từ chỗ chỉ xuất ỷ thác khi mới thành lập lại, năm 1993 Xí nghiệp bước đầu tiếp cận thị trường ngoài nước nhưng chỉ là những thị trường nhỏ lẻ và từ năm 1994 đến nay đã xâm nhập được vào thị trường khó tính, có yêu cầu rất cao về chất lượng như Mĩ, EU. Là doanh nghiệp có lô hàng thủy sản đầu tiên xuất sang thị trường Mĩ khi lệnh cấm vận kinh tế của Mĩ đối với Việt Nam được bãi bỏ, và từ đó đến nay Xí nghiệp luôn dẫn đầu trong các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam về sản lượng và kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này. Với thị trường EU, Xí nghiệp cũng là một trong những doanh nghiệp có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đặc biệt là từ năm 1997 trở lại đây. Chất lượng sản phẩm của Xí nghiệp được khách hàng đánh giá cao. Giải thưởng cao nhất về xuất khẩu của Bộ Thương mại trao về thành tích xuất khẩu năm 1998, kèm theo hiện vật 210 triệu đồng; Xí nghiệp được chọn vào top ten các nhà chế biến và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam do Thời báo kinh tế Sài Gòn bình chọn hồi đầu năm 1999 và nhiều báo chí trong và ngoài nước đưa tin, đánh giá cao chất lượng sản phẩm của Xí nghiệp là một minh chứng.

Với khối lượng sản phẩm ngày một lớn (năm 1997 chiếm 5,48% tổng khối lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu của cả nước, năm 1998 con số tương ứng là 7,05%. Riêng về tôm đông lạnh năm 1998 là 11,95% tổng khối lượng sản phẩm tôm của cả nước, năm 1999 tăng lên 18,34%), với trên 100 chủng loại sản phẩm thuộc 4 nhóm hàng được xuất chủ yếu vào 3 thị trường chính là Nhật Bản, Mĩ và EU và với uy tín chất lượng sản phẩm của mình Xí nghiệp đã cạnh tranh có hiệu quả, cùng các doanh nghiệp chế biến thủy sản khác của Việt Nam đã từng bước giành thị phần từ tay các nhà chế biến xuất khẩu tôm của Thái Lan, Ấn Độ.

### **KHÔNG CÓ NHÂN LỰC TỐT, KHÔNG THỂ KINH DOANH TỐT**

Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng, hàng năm Xí nghiệp đã thu nhận khá lớn lao động, năm 1992 Xí nghiệp mới có 320 cán bộ công nhân viên, năm 1993 tăng lên 920 và năm 1999 là 1.500, tương ứng lao động thường xuyên là 320, 337, 955, còn lại là lao động thời vụ. Để Xí nghiệp tồn tại và phát triển, chủ trương để ra là cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý phải có trình độ nghiệp vụ, công nhân lao động phải có tay nghề. Kiên trì thực hiện chủ trương đó, 7 năm qua hàng trăm cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật được cử đi đào tạo trong và ngoài nước hoặc được đào tạo tại chỗ về Chương trình quản lý chất lượng tiên tiến: HACCP, ISO 9000, về quản trị kinh doanh, về marketing, về môi trường, đầu tư, ngoại ngữ... đến nay đội ngũ này đã đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ. Với công nhân, cả thường xuyên và thời vụ cũng được đào tạo chu đáo thông qua các lớp đào tạo do Xí nghiệp mở,

kèm cặp tay nghề và cả thuê chuyên gia công nghệ thực phẩm có kinh nghiệm của nước ngoài như Mĩ, Nhật Bản đến giảng dạy, huấn luyện, đặc biệt là sản phẩm có giá trị gia tăng.

Ngoài ra, từ năm 1992 đến nay Xí nghiệp còn gửi đi đào tạo trong nước 2 người trên đại học, 8 người học đại học, và khuyến khích cán bộ CNV theo học các lớp học ngoài giờ về vi tính, ngoại ngữ...

Có thể nói đến nay đội ngũ cán bộ KHK T, quản lý đủ tri thức, kinh nghiệm đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của thị trường; đội ngũ công nhân đông đảo, 100% có tay nghề thành thạo theo vị trí được phân công.

Cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng, Xí nghiệp luôn quan tâm đến việc giáo dục ý thức tự chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân, giáo dục ý thức văn hoá trong thương mại, mọi thành viên trong Xí nghiệp rất tự hào về nhãn hiệu Cafatex. Bên cạnh đó Xí nghiệp luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên, đã tổ chức tốt nhà ăn tập thể, dù làm ca ngày hay ca đêm cũng đều được phục vụ chu đáo, thường xuyên được chăm sóc về y tế, xây dựng nhà ở tập thể cho những người chưa có nhà ở, tổ chức tham quan, nghỉ mát cho những lao động giỏi, tất cả những điều đó cất nghĩa vì sao tỉ lệ lao động giỏi hàng năm đều chiếm tỉ lệ cao, trên 90% tổng số cán bộ công nhân viên.

### **100 TRIỆU USD VÀO NĂM 2003**

Không dừng lại ở kết quả đạt được, Xí nghiệp phấn đấu chậm nhất đến năm 2003 đưa sản lượng chế biến lên 8.000 tấn sản phẩm, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 100 triệu USD.

Để đạt mục tiêu trên, đến hết năm 2000 Xí nghiệp hoàn tất việc đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, đổi mới công nghệ giai đoạn 2 đã được triển khai từ năm 1995, tiếp tục lấy sản phẩm có "giá trị gia tăng-tinh chế" làm chủ lực, với tỉ trọng từ 65% đến 80%, cơ cấu thị trường điều chỉnh theo hướng, thị trường Mĩ 40%, Nhật Bản 30%, EU 20%, còn lại là các thị trường khác. Để có đủ nguyên liệu cho chế biến, Xí nghiệp tiếp tục đẩy mạnh thu mua trực tiếp từ các hộ nông ngư dân và các nhà cung cấp; đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp chế biến thủy sản khác để có thêm nguyên liệu. Là tỉnh có nhiều tiềm năng về sông rạch, ao hồ, mương vườn, từ năm 2000 trở đi Xí nghiệp sẽ đầu tư để khai thác lợi thế này, tập trung cho nuôi tôm và cá tra để đa dạng hóa sản phẩm và nhập khẩu thêm nguyên liệu để chế biến khi cần thiết. Bên cạnh đó, ngoài việc giải quyết tốt nguyên liệu thủy sản, Xí nghiệp đẩy mạnh hợp tác với nông dân tỉnh Cần Thơ và các tỉnh bạn trồng các loại rau, củ, quả mà thị trường nước ngoài ưa chuộng để chế biến xuất khẩu.

Với bước đi vững chắc trong thời gian qua, với giải pháp đồng bộ, chúng ta tin tưởng rằng Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Cần Thơ sẽ đạt được mục tiêu đề ra, góp phần thực hiện Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản của cả nước 1999-2005 ■

**TẤT ĐẠT**

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM NĂM 2000

Để thành lập thành tích chào mừng ngày kỷ niệm 40 năm truyền thống nghề cá và kỷ niệm 70 năm ngày thành lập CSVN và chuẩn bị tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc, ngay từ đầu năm 1999 CĐTSVN đã đề ra 7 nhiệm vụ trọng tâm hoạt động trong năm. Sau một năm triển khai đã có nhiều hoạt động nổi bật.

Nổi bật đầu tiên trong hoạt động công đoàn là vận động công nhân lao động thi đua hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước và nhiệm vụ công tác, với khẩu hiệu hành động là năng suất, chất lượng, hiệu quả. Kết quả nhiều địa phương, đơn vị hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm, nhiều tập thể cá nhân đơn vị được Bộ đề nghị tuyên dương Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đợt 1, phần thưởng mà Chính phủ, Bộ đã tặng cho các đơn vị trong Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2000 vừa được tổ chức là minh chứng, đã góp phần cùng toàn ngành hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước cả về sản lượng khai thác, nuôi trồng, xuất khẩu và các nhiệm vụ công tác khác.

Nét nổi bật thứ 2 là tổ chức tốt các hoạt động xã hội, từ thiện. Những tháng đầu năm là hoạt động ủng hộ bộ đội Trường Sa, số tiền quyên góp trên 77 triệu đồng; vận động công nhân lao động mua công trái xây dựng Tổ quốc, chỉ sau 15 ngày tính từ ngày phát động số tiền thu đạt trên 80% kế hoạch; vận động công nhân lao động hưởng ứng Tuần lễ vệ sinh lao động và an toàn lao động có kết quả; tổ chức Tháng hành động vì trẻ thơ... Những tháng cuối năm là hướng vào nội dung đảm bảo cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, hướng về miền Trung ruột thịt, hàng tỉ đồng đã được quyên góp cứu trợ thông qua Quỹ NGNCVN để mua 1 vạn áo phao cứu sinh trợ cấp cho ngư dân nghèo và hàng ngàn phao cứu sinh cứu trợ đồng bào miền Trung bị lũ lụt và ủng hộ thông qua Ủy ban Trung ương MTTQ các cấp, ai có tiền quyên tiền, ai có lương thực, thực phẩm thì quyên góp lương thực, thực phẩm, ai có áo, có quần thì quyên góp quần áo. Những hoạt động đó thể hiện cao đẹp tình đoàn kết công nông, tình đồng chí, nghĩa đồng bào "thương người như thể thương thân"...

Các mặt hoạt động khác như củng cố xây dựng tổ chức công đoàn, kiện toàn cán bộ, hoạt động nữ công, kiểm tra,... cũng được đẩy mạnh.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II CĐTSVN, năm 2000 phong trào công nhân và hoạt động công đoàn trong ngành cần hướng vào những nội dung chính sau:

Năm 2000 là năm có nhiều ngày kỷ niệm lịch sử

trọng đại của đất nước và của ngành, thông qua kỉ niệm những ngày lịch sử trọng đại cần tuyên truyền sâu rộng thành tựu của đất nước, của ngành, của CĐTSVN, đường lối đổi mới của Đảng, chủ trương của ngành, của công đoàn; giáo dục sâu rộng vị trí, vai trò của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn; động viên CNLĐ thi đua học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của đất nước; đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Phát động phong trào thi đua sôi nổi trong công nhân lao động phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước, nhiệm vụ công tác. Đợt 1, với chủ đề lập công đảng Đảng, chào mừng 41 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá 1-4. Đợt 2, với chủ đề lập thành tích chào mừng 25 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, chào mừng ngày Quốc tế lao động 1-5, kỉ niệm 55 Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2-9. Đợt 3, với chủ đề hướng về Đại hội thi đua toàn ngành thủy sản, chào mừng 40 năm ngày thành lập ngành và lập thành tích đặc biệt xuất sắc chào mừng Đại hội thi đua toàn quốc.

Cùng với việc hướng về những ngày lễ lớn, thi đua hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước và nhiệm vụ công tác, phong trào công nhân và hoạt động công đoàn cần đẩy mạnh hơn nữa phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật; trong các hoạt động xã hội, từ thiện, trong tâm là xây dựng Quỹ NGNCVN, uống nước nhớ nguồn, chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách.

Tiếp tục củng cố và phát triển tổ chức để CĐTSVN thực sự là nơi tập hợp, tổ chức rèn luyện công nhân lao động trong ngành, xứng đáng là người đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp của lao động nghề cá. Thực hiện tốt chỉ tiêu Đại hội đại biểu lần thứ II CĐTSVN đề ra cho năm 2000 là "70% công đoàn cơ sở vững mạnh, không có công đoàn yếu kém", quan tâm xây dựng công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh, "xây dựng ở mỗi cảng cá chính có ít nhất một nghiệp đoàn đánh cá".

Đẩy mạnh hoạt động nữ công, trọng tâm là vận động chị em tham gia tốt cuộc thi Bàn tay vàng trong chế biến xuất khẩu do Bộ Thủy sản tổ chức, tổ chức tốt Hội nghị nữ công 2 giới từ cơ sở đến toàn ngành.

Tham gia với chính quyền tổ chức tốt đại hội thi đua từ cơ sở đến toàn ngành, xem xét, tuyển chọn các tập thể, cá nhân để tuyên dương Anh hùng Lao động và Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp ngành đợt 2 ■

QUANG TUYẾN

## KẾ HOẠCH KỈ NIỆM 40 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH

Năm 2000 ngành thủy sản tròn 40 tuổi. Để tiến tới ngày kỉ niệm, CĐT SVN đã ra văn bản hướng dẫn tổ chức các hoạt động, đó là: thi đua lao động sản xuất, công tác; tổ chức mít tinh; gặp mặt, biểu dương người tốt việc tốt; xây dựng phòng truyền thống; quyền góp ủng hộ Quỹ NĐNCVN; thi Bàn tay vàng và các hoạt động văn thể, kết nghĩa quân dân, v.v...

Tất các hoạt động trên xoay quanh các chủ đề: làm cho lao động nghề cá thấy rõ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Bắc Hồ với nghề cá; nhận thức sâu sắc truyền thống của ngành trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn mới; động viên CNLĐ thi đua hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước và nhiệm vụ công tác ngay từ tháng đầu, quý đầu, góp phần bảo vệ chủ quyền của Tổ Quốc.

### HỘI THI BÀN TAY VÀNG TRONG CBXX

Theo đề nghị của CĐT SVN về việc thi Bàn tay vàng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản ra Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức Hội thi "Bàn tay vàng" trong công nghiệp chế biến thủy sản. Để đạt yêu cầu đề ra, CĐT SVN đã soạn thảo kế hoạch, thể lệ Hội thi... Đối tượng dự thi là công nhân lao động trong tất cả các doanh nghiệp thuộc ngành.

Được biết Hội thi sẽ được triển khai làm 2 bước: bước 1 làm tại cơ sở, thi về lí thuyết và thực hành (theo hướng dẫn) với nội dung: sản xuất tôm đông lạnh Block và sản xuất mực filê; bước 2 thi cấp ngành vào cuối quý II năm 2000, đối tượng dự thi là những cá nhân đoạt giải cao ở cơ sở.

### QUÍ 3 NĂM 2000, HỘI NGHỊ NỮ CÔNG 2 GIỎI CỦA NGÀNH SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC

CĐT SVN có kế hoạch phối hợp với Ban VSTBCPNNTS tổ chức Hội nghị nữ công "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" toàn ngành vào quý 3 năm 2000.

Hội nghị sẽ tập trung vào tổng kết vai trò của người phụ nữ trong gia đình, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới; biểu dương các điển hình tiên tiến trong 5 năm qua (1995-1999); góp phần tích cực cho Đại hội thi đua toàn ngành và toàn quốc vào cuối năm 2000.

Để Hội nghị đạt kết quả, ngay trong quý I, các cấp công đoàn cần tiến hành tổng kết và bình chọn các tập thể cá nhân tiêu biểu theo hướng dẫn của CĐT SVN.

### GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

Thực hiện hướng dẫn TLĐLĐVN, vừa qua CĐT SVN đã tổ chức Hội nghị tham gia ý kiến sửa đổi, bổ sung Bộ Luật Lao động. Tham dự Hội nghị có các đại biểu đại diện công đoàn cơ sở trong ngành, cán bộ quản lí Nhà nước, chủ doanh nghiệp và một số cơ quan nghiên cứu thuộc ngành. Phó Chủ tịch CĐT SVN Nguyễn Văn Mùi chủ trì Hội nghị.

Các ý kiến phát biểu cho rằng, sau 5

năm kể từ ngày Bộ Luật ban hành và tiếp theo đó là các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật, đã tạo thành hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật về lao động. Hệ thống đó thực sự là cơ sở pháp lí, tạo lập và điều chỉnh các quan hệ về lao động; xác lập các quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động; trách nhiệm của các cơ quan quản lí Nhà nước, các tổ chức, đặc biệt là tổ chức công đoàn; đồng thời xác lập những qui định bảo đảm cho các quyền và nghĩa vụ đó được thực hiện.

Hội nghị cũng nhận thấy, trong quá trình triển khai Bộ Luật, một số điều cần được điều chỉnh, sửa đổi. Tư chung ở các vấn đề về việc làm, về hợp đồng lao động, vi thỏa ước lao động tập thể, về tiền lương, về thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, về thẩm quyền và trình tự giải quyết tranh chấp về lao động, về hoạt động của tổ chức công đoàn...

Các ý kiến trên sẽ được trình lên TLĐLĐVN để tập hợp tham gia với Nhà nước nhằm điều chỉnh, bổ sung Bộ Luật Lao động.

### TRÊN 300 TRIỆU ỦNG HỘ QUỸ NĐNCVN

Tại Hội chợ triển lãm VIETFI SH 2000, Quỹ nhân đạo Nghề cá Việt Nam đã quyên góp được 30.480.000 đồng của nhiều tập thể và cá nhân, trong đó: Xí nghiệp chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre - 100 triệu đồng, Công đoàn Tổng công ty thủy sản Việt Nam - 53.890 triệu đồng, Công ty Thủy đặc sản - 50 triệu đồng, Xí nghiệp chế biến thủy sản Cần Thơ - 30 triệu đồng, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang - 20 triệu đồng, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Kiên Giang - 20 triệu đồng, Tổng công ty hải sản Biển Đông - 10 triệu đồng, Công ty TNHH Hải Nam tỉnh Bình Thuận - 3 triệu đồng, Xí nghiệp chế biến hải sản và thực phẩm xuất khẩu Q5, tp. Hồ Chí Minh - 2 triệu đồng, các đơn vị: Cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Minh Hải, Hãng nước mắm Phú Quốc Hưng Thành, Xí nghiệp đông lạnh Hoàng Trường tỉnh Thanh Hóa, Công ty xuất khẩu thủy sản II Quảng Ninh, Công ty TNHH thương mại Sông Tiên, Công ty TNHH Ngọc Hà tp. Hồ Chí Minh, mỗi đơn vị 1 triệu đồng

*Trang tin có sự cộng tác của Văn phòng CĐT SVN*



**TRONG SỐ NÀY**

- Thư chúc mừng năm mới của Bộ trưởng Bộ Thủy sản **Tạ Quang Ngọc**
- Đề đưa ngành thủy sản phát triển mạnh mẽ và bền vững trong thập niên tới **Tạ Quang Ngọc**
- Phát huy thắng lợi năm 1999, phấn đấu năm 2000 ghi thêm mốc son mới **TCTS**

-  Mục tiêu, nguyên tắc chỉ đạo và chính sách của Nhà nước cho phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2010 \*\*\*

**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

- Cholesterol và tác dụng của mỡ cá với sức khỏe con người **Nguyễn Văn Lê**
- Nam rồng, kể chuyện cá rồng biển **Phương Thảo**
- Chương trình hoạt động khoa học công nghệ thủy sản năm 2000 \*\*\*

**Ý KIẾN TRAO ĐỔI**

- Sắp xếp lại lực lượng khai thác, đầu tư chiều sâu là lối ra cho khai thác hải sản xa bờ **Hồ Thọ**
- Hợp tác giữa thủy sản và khí tượng thủy văn cần được nối lại và nâng lên tầm cao mới **Đặng Trần Duy**

- Ngày xuân, tìm hiểu một số món ăn thủy sản **Nguyễn Oanh**

**VẤN ĐỀ THAM KHẢO**

- Nuôi thủy sản công nghiệp là gì ? **Nguyễn Văn Sửu**
- Nuôi thủy sản nước ngọt của Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX \*\*\*

**NGHỀ CÁ NƯỚC NGOÀI**

-  Nghề nuôi thủy sản Đài Loan, bước phát triển về tổ chức và quản lí **Nguyễn Trọng Bình**

**BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

**KHUYẾN NGƯ**

**TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ**

**HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN**

**IN THIS ISSUE**

- The congratulatory letter on New Year of the Minister for Fisheries **Ta Quang Ngọc**
- In order to carry out the fishery sector in the development strongly and sustainably in the forthcoming period **Ta Quang Ngọc**
- Display the victory of the year 1999, striving to carry out the year 2000 to get the new gold-landmark **TCTS**

- The objectives, principal directives and policies of the State for the development of national aquaculture until the year 2010 \*\*\*

**SCIENCE TECHNOLOGY**

- The cholesterol and effect of fish's fat with the human health **Nguyen Van Le**
- In the Year of Dragon-story telling about the Marine Dragon-Fish **Phuong Thao**
- The Fisheries scientific - technological activities programme in the year 2000 \*\*\*

**EXCHANGE OF OPINIONS**

- Redisposition of exploitation forces, deep investment that are the effective way out for the offshore fishing activities **Ho Tho**
- The cooperation between the Fishery sector and Hydrography and Meteorology nees to be reconnected and upgraded in a new higher level **Dang Tran Duy**

- In the beginning of Spring, make a study of the seafood-cuisine **Nguyen Oanh**

**REFERENCE**

- What is the industrial aquaculture ? **Nguyen Van Su**
- The aquaculture of fresh water in the first half of Century of 20 \*\*\*

**FISHERIES ABROAD**

- The aquaculture in Taiwan, a new development of organization and management **Nguyen Trong Binh**

**PROTECTION OF FISHERIES RESOURCE**

**FISHERIES EXTENSION**

**NEWS ON FISHERIES ACTIVITIES**

**TRADE UNION ACTIVITIES**